

LỄ QUÝ DẤT SỬ



110

PHÒNG MUSEUM HẠNG XUYÊN

LÊ QUÝ DẬT SỬ

Hiển Tông Vĩnh hoàng đế.

Mậu dần, năm canh hưng thứ 19 (1758)

Trước đây, vào buổi trung suy của nhà Lê, quyền thần họ Mạc (Mạc Đăng Dung) tiếm ngôi. Trải qua nhiều năm, các hoàng tử, tôn thất đều lưu ly ẩn náu. Bấy giờ Thái tổ Nguyễn Kim (tên thụy là Chiêu Huân Vương) người làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, xứ Thanh Hoa(1), tìm được hoàng tử nhà Lê ở Ai Lao, rước về lập [làm vua], về sau hiệu là Trung Tông Vũ hoàng đế (2), lên ngôi ở huyện Lôi Dương (3) (thuộc xứ Thanh Hoa). Từ đó, nhà Mạc làm vua bốn trấn (4), nhà Lê làm vua từ Thanh Hóa trở vào.[Hai bên] đánh nhau hơn năm mươi năm. Thái tổ Nguyễn Kim được

-
- (1) Thanh Hoa : thời Lê bao gồm Thanh Hóa và Ninh Bình.
(2) Trung Tông Vũ Hoàng đế : tức là Trang Tôn Dụ hoàng đế [1533- 1548] (Đại Việt Sử Ký toàn thư tập IV, bản kỷ tục biên quyển 16, trang 129. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1973).
(3) Lên ngôi ở huyện Lôi Dương : theo Đại Việt Sử Ký tục biên chép “đón sang Ai Lao tôn lập”.

- (4) Bốn trấn :tức Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc. Nhà Mạc lúc đó còn cai quản các xứ An Bang, Lạng Sơn, Thái Nguyên ở Miền Bắc.

thăng đại Nguyên Soái, tổng quản quân đội, một lòng không phò dòng dõi nhà Lê. Ông là người trung thực, không hay nghi ngờ, nên bị một viên tướng nhà Mạc đầu hàng (1) được coi là thân cận, bỏ thuốc độc vào bánh (2), ông ăn phải mà chết. Con rể của Thái tổ là bộ tướng hiệu úy Trịnh Kiểm có tài lược, thay quyền coi quân, đến Trịnh Cối (3) dũng cảm mưu lược, hết sức tiểu trừ đảng Mạc, cha con [họ Trịnh] kế tiếp nhau nắm quyền đại nguyên súy, điều một lòng trung thành. Khi đó con trai Thái tổ là Nguyễn Hoàng còn nhỏ. Nhà Mạc tiếm ngôi được 67 năm thì mất. (có lời sấm rằng : Mạc được ở hội, mất ở hội (4)).Mặt trời lại tỏ, ngôi nhà lê lại trung hưng. Bấy giờ họ Trịnh quyền trọng, tự xưng chúa, nhưng không dám manh tâm lấn bức [vua Lê], chỉ đối với Nguyễn Hoàng, con Thái tổ công thì [họ Trịnh] đuổi đi [bằng cách] cho vào Quảng Nam (5), hàng năm về châu. Từ đó hai họ Trịnh, Nguyễn nghi kỵ lẫn nhau. Tuy nhiên công giúp nhà lê trung hưng thực do họ Nguyễn mở đầu, mà họ Trịnh thì hoàn thành vậy.

Canh Thìn, năm Cảnh Hưng thứ 21 [1760]

Hoàng thân Lê Duy Mật nghi hoặc lời phao tin đồn đại chạy về Thạch Thành, Thanh Hóa, ít lâu sau lại tìm đến xã

(1)Tên Dương Chấp Nhất, người Hoàng Hóa, hoạn quan nhà Mạc, làm Tổng trấn Thanh Hóa, trá hàng được vua Lê cho giữ binh quyền.

(2) Cương Mục : chép bỏ thuốc độc vào quả dưa.

(3) Thực ra, chỉ mấy tháng sau khi Trịnh Kiểm chết, Trịnh Cối đã đầu hàng nhà Mạc. Công lao giúp nhà Lê dẹp họ Mạc thuộc về Trịnh Tùng, em Trịnh Cối.

(4) Mạc Đăng Dung cướp ngôi vua Lê Cung hoàng năm Đinh Hợi [1527] nhà Mạc đến năm kỷ Hợi [1599], chỉ còn nung nấu ở Cao Bằng nhờ sự che chở của nhà Thanh (mất năm Hợi không chính xác lắm)

(5) Đúng ra là Thuận Hóa. Quảng Nam lúc đó đã có Bùi Tá Hán làm Trấn thủ.

Ngọc Lâu, tổng Cổ Lũng(1). Chiêu dụ các dân man dựa vào thế hiểm trở để tự thủ. Minh vương Trịnh [Doanh] cho nội thần là Vực quận công Đàm Xuân Vực làm thống lĩnh, Xuân nhạc hầu Nguyễn Nghiễm làm tán lý quân vụ, tiến đánh Ngọc Lâu. Mật lại chạy vào Trấn Ninh (2) xây thành đắp lũy, dựng cung thất đặt doanh vệ hùng cứ một phương, lại dựa vào Ai Lao để nhờ quân và lương. (Đàm Xuân Vực người làng Tương Trú (3) xuất thân là một quan hoạn ; Nguyễn Nghiễm người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, thi đỗ tiến sĩ).

Giáp Thân, năm Cảnh Hưng 25 [1764].

Sách lập hoàng tử Lê Duy Vĩ làm Hoàng thái tử. Lời sách rằng :

“Nối đức đời trước, mong giữ nghiệp lớn vô cùng;

Noi phép đạo vương, sáng tỏ lẽ thường không đổi.

Bèn ban sách đẹp; thực hợp ngày lành.

Lê Duy Vĩ người ở hàng con đích, giỏi làm văn,

làm thơ.

Đóng mở máy kiền khôn, nhờ Trịnh Vương sửa sang

đất nước.

(1) Cổ Lũng : tên sách, đồng thời là tên tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, Ngọc Lâu : tên xã, thuộc huyện Thạch Thành.

(2) Trấn Ninh : xưa là đất Bồn Man, phía đông giáp huyện Kỳ Sơn, tây giáp nước Nam Chưởng, nam giáp với nước Vạn Tượng, bắc giáp phủ Trấn Biên. Đời Lê Thánh Tông, Bồn Man xin phụ thuộc nước Đại Việt, vua Thánh Tông lấy làm phủ Trấn Ninh lãnh bảy huyện là Quang Vinh, Minh Quảng, Cảnh Thuần, Kim Sa, Thanh Vị, Châu Lang, Trung Thuận. Đến đời Nguyễn nước trên

thuộc về nước Vạn Tượng. Năm Minh Mạng thứ 3 (1827), nước Vạn Tượng bị nước Xiêm xâm lấn, đất Trấn Ninh lại thuộc về nước Đại Nam. Thời thuộc pháp, người Pháp đem Trấn Ninh xác nhập vào nước Lào, nay là tỉnh Xiêng Khoảng của Lào.

(3) Tương Trúc : tên xã thuộc huyện Thanh Trì, ngoại hành Hà Nội.

Sáng ngời vừng nhật nguyệt, ở đông cung ngày một
lớn khôn.

Ngôi thái tử đã cảm nhận được dân tình; giữ trọng trách
phải tuân lời phó thác.

Người nên : kính nhận mệnh lớn; sáng nổi nghiệp
xưa.

Tôn thống được trọng, lòng dân được hòa, hưởng
phúc lành cả muôn nước.

Ngôi vua được bền, nghiệp chúa được vững, có đạo
đức hàng ức năm.

Phải kính tuân tờ sách này (1)".

•

Ất dậu, năm Cảnh Hưng 26 [1765].

Trước đây, nhà Trần đánh được nước Bồn Man ở phía tây (tây giáp với nước Nam Chưởng (2), đông giáp với phủ Trà Quỳ, nam giáp Cao Châu(3), bắc giáp Hưng Hóa, Thanh Hóa), đặt thành các huyện thuộc phủ Trấn Ninh (có các huyện Thanh Vĩ, Cảnh Thuần). Sau thấy không có việc gì, không đặt quan nữa, nhập hai huyện ấy vào các phủ huyện khác.

Khi đó, binh quyền và chính quyền trong nước đều do phủ nguyên soái của họ Trịnh nắm giữ. Vua lê chỉ ôm hư vị. Chúa Trịnh không noi theo ý trung thành giúp rập của tiên tổ, rắp tâm mưu đồ tiếm đoạt. Thế tử chúa Trịnh mưu giết thái tử nhà Lê (Duy Vĩ), đã bị chuyện thù dệt thành tội, khiến cho thái tử phải thắt cổ chết. Thần dân đều căm giận [Thế tử chúa Trịnh] còn giam hãm con thái tử là Duy Khiêm, Duy Miên vào ngục đề Lãnh, đến nỗi các hoàng tử như Hoàng Chúc, Hoàng Mật.

-
- (1) Chúng tôi dịch ý, không dịch theo thể biến ngẫu như nguyên văn.
(2) Nam chương : tức Lão Qua xưa, phía đông nam tiếp giáp địa giới nước ta.
(3) Cao Châu : Châu Trình Cao, thuộc phủ Trấn Ninh, Nghệ Tĩnh.

phải trốn ra phủ Trấn Ninh, sắm sửa khí giới, chiêu tập binh mã để tự giữ mình và phát hịch hiếu dụ thần dân. Các bậc văn nhân tài tử và dân chúng có nhiều người theo về, chờ khi lớn mạnh sẽ trở về diệt trừ họ Trịnh. Từ phủ Trấn Ninh có đường nối liền với Trà Quỳ, Nghệ An, lại có đường thông với Ai Lao, Cao Châu và miền thượng Thanh Hoa. [Hoàng Chư, Hoàng Mật] thường chia quân tràn xuống cướp bóc. Các địa phương Chi Quân, Cao Điền ở trong huyện thường bị quân kéo tới. Thái bảo Đinh quận công Bích lấy giám sinh người trong xã là Nguyễn Trọng Huân làm trưởng đồn để phòng thủ.

• ***Đinh hợi, năm Cảnh Hưng 28 [1767]***

Ngày mồng 3, tháng giêng, quân lính của các hoàng tử nhà Lê ở Trấn Ninh kéo ra Cao Châu xâm phạm các địa phương Chi Quân, Cao Điền.

Mậu tý, năm Cảnh Hưng 29 [1768]

Minh Vương Trịnh [Doanh] mất, sách lập thế tử Trịnh Sâm làm Tĩnh Đô vương.

Kỷ sửu, năm Cảnh Hưng 30 [1769]

Mùa xuân, tháng 2, thi hội Giám sinh tiến triều (1) là Phạm Vĩ Khiêm (người Đặng Điền, huyện Châu Lộc, Nghệ Tĩnh) dự thi, bị trượt đệ nhị trường, chúa Trịnh vốn thích văn từ của ông, vời ông vào phủ đường, ra đề thi hỏi kể sách đánh dẹp Trấn Ninh.

Hồi đó, đại nguyên soái Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm đã nổi ngôi chúa, nắm chính quyền. Từ Triều Trước, Nguyễn

(1) Tiến Triều : những người không đỗ tiến sĩ mà được làm quan ở sáu bộ .

Hoàng trấn thủ Quảng Nam bất đồng với họ Trịnh, mưu đồ lập nghiệp bá một phương. Trãi bao đời xưng vương, không chịu triều cống, ngăn chặn từ sông Thanh Giang (tục gọi là sông Gianh) của Thuận Hóa, làm ranh giới xây đồn, đắp lũy kiên cố, lại đặt lưới sắt, khóa sắt ở cửa biển để phòng thủ. Họ Trịnh nhiều lần sai quân tiến đánh bảy huyện phía nam Hà nhưng không được, bèn thiết lập đồn Tam Hiệu (tục gọi là Ba Đồn) chống giữ nhau ở châu Bố Chính. Đến lúc ấy, hai hoàng tử họ Lê lại chiếm cứ vùng Trấn Ninh. [nhà Trịnh] biết thần dân còn kính mến họ Lê, ngại người ta mưu hại mình rất lấy làm lo. Tháng 3 năm đó, sai tướng chia nhiều đường tiến đánh thành Trấn Ninh, đại tướng là Phan quận công (1) (người Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa hiệu Phan Phái hầu), tiến quân theo đường Thanh Hoa. Trấn thủ Nghệ An là Đại tướng Đoan quận công (người Tiên Lý, Đông Thành, tự Bùi Thời Đạt) tiến theo đường Nghệ An, trấn thủ Hưng Hóa là Hoàng Đình Thề (sau được phong Thề quận công) tiến theo đường Hưng Hóa. Cho Hoàng Nghĩa Hồ (người huyện Hưng Nguyên, Nghệ Tĩnh) thuộc cơ Hữu nhuệ, tước Quyền trung hầu làm tiên phong. Bốn chung quanh phủ Trấn Ninh có núi non bao bọc rất hiểm trở. Từ khi hai hoàng tử đến, đào hào sâu, đắp lũy cao. Bốn phía dưới chân thành nhiều bùn lầy, phải bắc cầu để ra vào. Khi tin quân Trịnh đến, quân Phan tấn công mười một trận mới xông được vào thành. Ba đạo quân cùng tiến, tranh lợi thế của núi, đắp lũy, dựng đài quan sát, đem súng bắn nhau. Tướng sĩ họ Trịnh không chịu được thủy thổ, lại bị bắn, chết mất quá nửa, quân sĩ đóng đồn lâu, mệt mỏi không đánh phá nổi. O

- Khoảng tháng 7, tháng 8, sao Chổi hiện, đầu ở hướng đông nam, đuôi ở hướng tây bắc, đuôi to như tấm lụa, khắp

(1) Phan quận công: tức nguyên Phan

bầu trời màu vàng gọi là sao cờ. Người ta cho đó là điềm Hoàng Mật bị hại.

Mùa xuân năm sau, miền Trấn Ninh được dẹp yên, bề tôi chúa Trịnh dâng biểu mừng có câu rằng : “Vua hỏi tình hình kẻ địch, sao Chối mùa thu là điềm quét sạch giặc. Dân nói : phải đánh dẹp quân thù, trai mống mùa hạ là điềm dấy quân cứu vớt !”. Người đời tương truyền bài biểu này là do tiến sĩ Ngô Thì Sĩ khảo thảo. Tiến sĩ Nguyễn Nghiễm người Tiên Điền sửa lại. Vì dùng chữ chưa nhuyễn nên văn nhân tài tử sửa giúp, có người đổi những chữ triệu (49*), chữ thị (50*) đều không cho đổi. Đến nay, tác giả muốn đổi rằng “sao tuế mùa thu là điềm quét sạch (yêu quái), trai mống mùa hạ như quân đem mưa tới!”. Lại nói sao Chối thì ví như Chối quét, trai mống thì có mưa, thế mới hay.

Năm ấy thường có động đất lớn.

Canh dần, năm Cảnh Hưng 31 [1770].

Mùa xuân, phủ Trấn Ninh đã bình định, tướng sĩ chiến thắng trở về. Năm trước, [quân Trịnh] đánh thành nhưng không hạ được; lần này phò mã của Hoàng Mật là quận Bản (1) ngầm đầu hàng, đã mở cầu và cửa thành cho quan quân Trịnh xông thẳng vào. Hai Hoàng tử hoảng hốt đem vợ con và tùy tùng chạy trốn sang phía tây rồi tự thiêu chết.

Tháng 3, kéo quân về, bắt sống được quận Thuật, quận Bản bên “ngụ” đóng cũi đưa về kinh. Bàn xét công đánh dẹp phủ Trấn Ninh, Đoan quận công được thăng [vượt cấp] hai mươi ba lần, Phan phái hầu được thăng [vượt cấp] mười ba lần, còn tướng sĩ đều được thăng cấp có hơn kém khác nhau.

(1)Cương mục chính biên chép : Lại Thế Thiều phò mã của Hoàng Mật khuyên đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành,(Cương mục chính biên Q.43, tr.23).

Nhâm thìn, năm Cảnh Hưng 33 [1772]

Tháng 3, thi hội thám hoa lang người Lai Thạch, huyện La Sơn, xứ Nghệ An là Nguyễn Huy Quynh quyển thi đầy đủ, đáng lẽ được đỗ cao, nhưng vì bài sách hiến kế của ông có nói nên tha cho việc tuyển lính ở hai xứ Thanh Nghệ, Tĩnh vương không bằng lòng nên cho đỗ thứ 6. Đến khi thi đình, cho hai người là Hồ Sĩ Đống và Nhữ Công Diên (1) đỗ hoàng giáp và mười người đỗ đồng tiến sĩ.

Năm đó nắng to, có người chết nắng.

Quý ty, năm Cảnh Hưng 34 [1773]

O

Miền đông nam có lụt lớn, đề điều đều bị phá hủy, hơn nghìn nhà dân phải lưu tán. Miền đó có nhiều nơi đất nứt ra, quan huyện đến khám và đo.

Tháng 8, các đỉnh núi đều sụt lở.

Giáp ngọ, năm Cảnh Hưng 35 [1774].

Mùa xuân, động đất. Con của Chiêu Huân Tĩnh vương [Nguyễn Kim] từ sau khi vào trấn thủ Quảng Nam [Thuận Hóa] làm bá Nam Hà, chia ranh giới từ giữa sông Gianh, cắm mốc làm giới hạn chống lại họ Trịnh. Trái năm, sáu đời, cha truyền con nối xưng chúa, dựng đô ở Phú Xuân (gọi là Nam Triều) và dùng lịch nhà Lê (2)

(1)Nhữ công Diên : Người làng Hoạch Trạch, huyện Đông An, là con của Nhữ Đình toán.

(2)Sự thật của lịch sử là các chúa Nguyễn nối tiếp nhau trấn trị xứ đàng trong (Nam Hà) không phải năm, sáu đời mà có đến chín đời : từ Nguyễn Hoàng (1558-1612), qua Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1634), Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691), Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Nguyễn Phúc Chú (1725-1738), Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), Nguyễn Phúc Thuần (1765-1775).

Triều Lê từ trước hàng năm lấy người vàng đến mạng tướng nhà Minh là Liễu Thăng bị Lê Thái Tổ giết. Quảng Nam, Thuận Hóa chịu góp đền một tay bằng vàng. Chúa Nguyễn nhiều đời được thừa hưởng thái bình, đến đời Hiếu Vũ vương (1) thời cường thịnh, dùng y phục Bắc triều, lại học kiểu cách ca múa của Bắc triều nữa

(cũng thấy được khí tượng vũ dũng, nhưng có điềm Nam triều bị thôn tính).

• Đến đời thứ 7, chúa nổi nghiệp là Nguyễn Thuần (2). Khi đó có người họ ngoại là Quốc phó họ Trương (3) làm thừa tướng phụ chính lộng quyền, tác oai tác phúc, mặc ý gian tà, bỏ thuốc mê làm dân loạn chốn cung vi, tự tiện làm việc phế lập, ngầm mưu tính kế tiếm ngôi, bèn sai xứ đi đường tắt sang nhà Thanh triều cống, dâng biểu xin nội thuộc. Từ đấy thay đổi phép tắc định chế độ riêng của một nước, thi hành chính sách hà khắc, thuế má nặng nề, trăm họ rất khổ Đàng trong rối loạn.

Lúc ấy có bọn “giặc” ở Tây Sơn là ba anh em Nguyễn Nhạc tụ tập bè đảng đi cướp bóc , lại có quân lính, nhân thời cơ vùng dậy ở Tây Sơn, đánh phá quấy nhiễu miền Quảng Nam, chiếm núi Hải Vân. Miền Nam có kẻ vượt qua cửa ải cầu viện, nói rằng : “Quốc phó Trương Phúc Loan dối vua lừa trên, ngược đãi thần dân, gây phiền hà cho trăm họ, xin triều đình trừ khử kẻ gây mầm mống nội loạn họ Trương để cứu dân lành”. Quan trấn thủ Nghệ An tây bày mọi việc lên trên, tể tướng Trịnh Sâm sai nội thần quốc là lão Việp

(1)Hiếu Vũ vương : Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), nguyên là Hiếu quận công, hiệu từ đế đạo nhân Phúc Khoát không những bắt nhân dân xứ Đường trong phải thay đổi y phục mà còn thay đổi cả một phần tiếng nói nữa.

(2) Nguyễn Thuần : Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần (1765-1775)

(3)Tức Trương Phúc Loan.

quận công tức Hoàng Đình Việp (1) làm thượng tướng thống lĩnh ba vạn tinh binh đi đánh miền Nam , Tể tướng lại ngự giá thân chinh để gây thanh thế [chúa] đi thuyền bắt dân phu địa phương mở đường cảng, tiến đến Doanh Cầu (2) rồi trở về

Ngày mồng 1, tháng 8, nhật thực.

Tháng 9, Việp quận công cầm quân tiến đến châu Bố Chính, ban bố 40 điều quân lệnh để [quân sĩ] răn bảo lẫn nhau.

Tháng 10 [quân của Việp] vượt sông Gianh, Trương giữ thành của Nam Triều đã ngầm dâng cửa quan Lũy Thầy, Việp tiến vào, đóng quân ở Quảng Bình, mấy lần viết thư qua lại, đem tình nghĩa họ ngoại đến cứu viện để dụ, nói rõ ý định là trừ loạn, an dân không có ý đồ nào khác. Nếu bắt Quốc phó [Trương Phúc Loan] đem giải đến đây thì sẽ rút quân, trở về tàu bầy [với triều đình], tình thông gia được bền chặt mãi mãi.

Quốc phó họ Trương dìm việc đó đi, bèn chia sai các đạo quân đến sông Độc chống giữ, cử Thống binh Tiệp là con thứ của Quốc thúc làm đại tướng chống cự lại [quân Trịnh]. Vì thế, các quan Nam triều bàn nhau ngầm mưu bắt Quốc phó đóng cũi đưa lên xe giải đến nơi đóng quân của Việp ở Quảng Bình nâng nộp. Quốc lão Việp cũng không rút quân mà cuốn cờ, bó súng lặng lẽ tiến vào.

Thống binh Tiệp sai cai đội họ Tô thuộc quân bản bộ trá hàng, dụ Việp đến chỗ hiểm, để quân mai phục đón đánh.

-
- (1) Hoàng Đình Việp : tức Hoàng Ngũ Phúc, *Việt Sử Cương Mục* chép Trịnh Sâm .cử Hoàng Ngũ Phúc thống lĩnh .quân đội đi đánh xứ đường trong.
(2) Doanh Cầu : tức huyện kỳ Anh, tỉnh Nghệ Tĩnh

•
Nhưng ngược lại, Việp biết được mưu đó, phá tan quân của Tiệp ở sông Độc. Thống binh Tiệp thua chạy, quay về đóng quân ở một ngôi chùa, đến nửa đêm bỗng nghe thấy chiếc trống lớn trong chùa rơi xuống đất tiếng kêu rầm rầm. Thống binh Tiệp hốt hoảng bỏ chạy, quân miền Bắc thừa kế đuổi mãi đến tận sông Bái Đáp (1) mới [dừng lại] đóng đồn. Nam triều lại chọn nội thuộc là cai đội họ Đặng làm tướng cai quản quân cấm vệ đến đồn Bái chống cự, cùng với 20 chiến thuyền đi theo đường biển, quân thủy quân bộ chia hai mũi tiến đánh không thắng được.

• Tháng 11, lại sai Nội tả chương doanh Chính quận công điều khiển các doanh thủy bộ chống cự với “giặc”. Chính quận công đến nơi, kể tội cai Đặng đã làm tổn hại quân của nhà chúa, bao nhiêu ngày mà không quyết chiến được một trận, bèn chém đầu để ngăn đe các doanh, khí thế trong quân lại phấn chấn lên.

Tháng 12, Quốc lão Việp ngầm sai quân tiên phong từ thượng nguồn làm cầu phao đem quân đánh úp, quân phía trước, quân phía sau đánh giáp công, quân thủy, quân bộ của Nam triều đều thua chạy. Việp huy động quân truy kích, giết chết Chính quận công ngay trên đầu voi. Lúc đó quân dân [Nam triều] đều kinh hoàng, tan vỡ, trong thành không còn người giữ. Việp tiến thẳng vào trong thành, vợ vén của cải, châu báu, voi ngựa, súng ống, thuyền bè quay ra Bắc, lại đóng cũi Quốc phó họ Trương đem về kinh đô để giết.

Khi đó, tôn thất họ Nguyễn bốn ba ở phủ Gia Định. Thượng hoàng (hiệu Gia Long) tuổi còn nhỏ (nghe nói mới 8 tuổi) cũng bốn ba theo. Sau đó chúa Trịnh đặt quan trấn

(1) Sông Bái Đáp : tức sông Phú Lễ, Huyện Quảng Điền, phủ Thuận Hóa.

thủ doanh Phú Xuân, có đại tướng, phó tướng, bên văn thì có sinh đường của quan đốc thị.

Trong phủ chúa Nguyễn có hai con trâu đá của tây nam như trâu thật, chúa Trịnh đưa về Trường Yên (1) đặt ở chùa Tiên Tích.

Mùa Xuân năm đó, triều đình vâng lệnh ra sắc chỉ đặt khoa thi hương.

Tháng 5, quan tri huyện khảo hạch học trò. Theo lệ của triều đình, viên quan tri huyện phải do chân hương cống nhiều lần thi hội đỗ tam trường, trước nhận chức huấn đạo thăng bổ lên, lại có một viên huyện thừa. Tục truyền : các

ông tú huyện, nhị huyện là những người kém văn học, nhưng do biết cách xoay
xỏ mà được lên làm việc. [họ Trịnh] phần nhiều sử dụng người tông
thất, đến nỗi có cả người không biết chữ. Tại cửa quan thì : Các quan ở nhà
giáp, nhà ất và quan tri huyện, quan nhị huyện cùng làm các công việc
xử kiện, chấm thi. Duy con dấu của huyện thì quan tri huyện giữ.

Trước đó, mỗi khoa thi hương, lệ của địa phương lấy 50 người đỗ hương
cống tú trường, 400 người đỗ sinh đồ tam trường. Theo của lệ triều đình, các
năm tỵ, ngọ, mao, dậu là khoa thi hương, các năm thìn, tuất, sửu,
mùi là khoa thi hội. Đến kỳ thi hương thấy có sắc chỉ đưa đến thì dân xã phải
điểm duyệt học trò xã mình, từ 12 tuổi trở lên đã thông thuộc luật làm thơ, biết
làm văn từng đoạn, sát hạch chia ra từng loại, từng bậc, nộp cho quan huyện.
Căn cứ vào các xã lớn, vừa, nhỏ, khác nhau, quan huyện khảo hạch hai kỳ : kỳ
đầu làm tiểu đoạn hoặc thơ phú, kỳ thứ hai làm văn sách. Lấy đỗ : huyện lớn
200 người, huyện

(1) Nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Hà Nam Ninh

vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người. Thi xong, quan huyện dâng sổ lên quan thừa ty
tại trị sở (thừa ty có một viên tả tham chính đỗ tiến sĩ được cất nhắc lên, một viên
hữu tham chính từ chức hiển phó sứ được cất nhắc lên).

Mùa thu, quan thừa ty và quan hiển sát cùng nhau chấm cả 2 kỳ thi (quan
Thanh hình hiển sát sứ là người đỗ tiến sĩ được cất nhắc. Hiếu phó sứ là quan tri
phủ được cất nhắc) người không được dự vào trong sổ trúng tuyển của huyện
thì cho phép kêu lên để được thi một lần, đỗ thì được vào thi sảo thông. Kỳ đầu,
theo từng huyện chia phiên mà thi, thường dùng thơ phú, câu đối và tiểu đoạn, kỳ
sau, các huyện cùng vào thi lẫn lộn với nhau. Lệ thi văn sách, lấy đỗ 100 người, gọi
là thi đỗ sảo thông (theo lệ của địa phương, mỗi khoa lấy đỗ hơn 400 sinh đồ,

trong đó trừ sảo thông 100 người còn 300 người được coi như thi đỗ tam trường của huyện). Thi xong, quan tri xứ (1) nộp quyển cho bộ lại ở phủ đường, những người đã đỗ ở huyện và người đã thi sảo thông đều nộp quyển thi (người đã thi ở huyện nộp 3 quyển, người đã thi sảo thông nộp 4 quyển) và nộp tiền năm mạch (2) rồi đợi dự thi hương.

Tháng 3, mở trường thi ở xã An Tràng, huyện Chân Phúc (3). Từ kinh đô phái ba vị quan : đề điệu (4), giám thị (5), giám khảo (6) (ba vị quan này đều đỗ tiến sĩ) cùng với quan thừa ty và hiến sát của địa phương, ở trường thi

-
- (1) Quan tri xứ : tức quan cai trị xứ đó, địa phương đó
 - (2) Mạch : đơn vị tiền tệ thời xưa
 - (3) Tức huyện Chân Lộc, tỉnh Nghệ An, nay là Nghệ Tĩnh.
 - (4) Quan đề điệu : quan trông nom mọi công việc trong trường thi
 - (5) Quan giám thị : quan coi thi
 - (6) Quan giám khảo : quan chấm thi

gọi là ngoại trường, quan giám khảo, cùng với quan sơ khảo, phúc khảo (đều là hương cống, thi hội đã đỗ tam trường và đã giữ chức Huấn đạo) ở riêng bên trong, gọi là nội trường. Nội trường, ngoại trường được ngăn cách bằng cửa có khóa, có viên quan khiên nhiệm việc khóa cửa.

Trước hết tam trường thi kinh nghĩa, tứ lục và phú. Những người trúng tuyển ở huyện và trúng sảo thông cùng vào thi lẫn với nhau. Sảo thông đã đỗ tam trường mới được gọi là sinh đồ. Sảo thông cũng có nhiều người bị rớt mất cả sảo thông. Đến tứ trường, thi văn sách có bài kim văn. Sảo thông vốn là người có học lực mà thi đỗ gọi là “nhất cử hương cống” [thi một lần đỗ ngay hương cống] trong số này, người đỗ ở huyện mà nay đỗ tam trường gọi là “sinh đồ tam trường”, nhưng không được thi văn sách. Cho nên “nhất cử hương cống” là quý

lắm. Còn những người đỗ ở huyện mà đỗ tam trường, học lực tạm được, tình nguyện thi lược văn [hỏi miệng] thì gọi là “tứ trường sinh đồ”. Cùng là sinh đồ nhưng người giỏi văn học vẫn hơn. Xét từ buổi đầu dựng nước, không biết phép thi cử thế nào, từ thời gian này dùng phép huyện suất(1), (nghe nói giữa thời Hồng Đức mới lập). Huyện suất buổi đó ít mà lệ lấy đỗ nhiều, cho nên học trò đua nhau chuộng việc thực học để dự thi, chạy theo con đường huyện suất. Lại nữa trong thời đó lính binh là học sinh thông hiểu luật thơ thì cho thi một bài thơ, Những lính binh ở kinh, ở trấn mà thi đỗ thì cho về quê dự thi ở huyện, phép thi cũng còn khá. Gần đây (khoa canh ngọ) [1750], chúa Trịnh ngheo theo kế làm tiền của kẻ nịnh thần Việp quận công, không theo lệ thi ở huyện, cho phép quan lệnh doãn huyện mở hai kỳ thi, lấy đỗ ở huyện lớn 70 người, huyện vừa 50 người, huyện nhỏ 30 người. Người đỗ là cử tri, được gọi là

(1) Huyện suất : lấy số người đỗ theo huyện to, nhỏ

• học sinh thứ thông. Học sinh nhỏ, từ 10 tuổi trở lên, đều cho phép dân xã xếp loại làm sổ để dự thi và nộp 3 quan tiền gọi là tiền thông kinh. Dân xã phần nhiều phân loại tràn lan trẻ còn nhỏ hoặc 3, 4 tuổi mà đỗ tam trường người ta gọi diều là “sinh đồ ba quan”. Bậc thức thông và sảo thông đều lấy làm xấu hổ phải dự vào lệ ấy, hướng hồ lại đặt ra nhiều thể văn phiền phức. Nếu như người nào huyện khảo hạch không được ở loại cử tri, đến kỳ quan khảo hạch ở xứ lại cho phép đầu đơn tình nguyện, được bao nhiêu tên [những người này] trước tiên cho khảo hạch riêng một lần, người đỗ thì cho được vào thi sảo thông, lại đỗ sảo thông thì được là hạng trong sổ, người không đỗ thì là hạng• ngoài sổ. Người ngoài sổ chưa phục tình thì cho phép đầu đơn suy ty. Trong huyện người nào đã đỗ lại bị hơn 10 người suy ty thì quan nhận đơn xong, khảo xét lại một lần, nếu như chưa phân hơn kém lại khảo hạch một lần nữa. [Quyển thi] như nhau thì lại là có cho quan khảo hạch ăn hối lộ. Nếu người ngoài sổ trượt mà vẫn chưa

phục tình cho phép đến chính phủ đường kêu ty. Cho nên được trúng sảo thông là khó, hưởng chi còn thi hương. Các quyển thi của bậc khảo thông tam trường lại cùng điểm duyệt lẫn với [quyển thi] của bậc thứ thông học trò và bọn trẻ nhỏ, [do vậy] nhiều người bất hạnh bị trượt. Phép thi đó từ năm canh ngọ [1750] trở về sau thành lệ thường, hưởng chi việc khảo hạch có khoa cho người ngoài sổ hoặc người trong sổ hơn kém nhau nhưng cũng có khoa không cho hơn nhau mà đánh trượt cả, như vậy há không phải là phiền phức, tạo ra vận rủi cho học trò và mở đường cho quan khảo hạch ăn hối lộ đầy sao? May mắn sao đến khoa Nhâm ngọ [1762] những người đã đỗ sảo thông được thu quyển riêng, giành riêng cho vào cửa vi giáp (1) của trường

(1) Cửa vi giáp : một trong những khu vực của trường thi

thi, quyển thi của họ cất vào vào hòm riêng được chấm riêng không đến nỗi đánh hỏng chữ sai. [cho nên họ] đều không bị trượt.

Ất mùi, năm Cảnh Hưng 36 [1775]

Mùa xuân thi hội, cho bọn Phan Huy Ích (người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (1), con của Huy Cận, anh của Huy Chú, cha con anh em đều là chân tiến sĩ cùng một triều) Nguyễn Thế Bình (người làng Cát Ngạn, huyện Thanh Chương [tỉnh Nghệ An] con của Tăng Mãn), 18 người đỗ đồng tiến sĩ.

Tháng 4, Quốc lão Việp cho quân vượt qua đèo [Hải] Vân đến Quảng Nam, Tây Sơn hẹn nhau với Trung Nghĩa. Hòa Nghĩa chia quân làm ba đạo chống lại, cho Tập Đình Hầu tướng quân tàu đầu hàng lãnh đạo Trung Nghĩa làm tiên phong. Quân Tây Sơn phối hợp mặt sau, giao chiến với quân đảng ngoài ở Cẩm Sa (2). Tập Đình Hầu bị tướng tiên phong đảng ngoài tung đội kỵ binh xông vào, chém giết hỗn loạn. Quân đạo Trung Nghĩa bị giết quá nửa, đại bại. Quân Tây Sơn và quân đạo Hòa Nghĩa không đánh tự tháo chạy bèn cùng mưu giết Tập Đình Hầu. Tập Đình Hầu thấy thế bất lợi, cướp tàu chiến chạy về Quảng Đông, Việp đại thắng, đóng đồn ở Quảng Nam.

Tháng 6, ôn dịch phát triển, quân sĩ nhiều người bị mắc bệnh chết. Việp bèn hạ lệnh bãi binh về phủ xuân nghỉ ngơi, Nguyễn Nhạc bèn sai sứ đem vàng bạc châu báu đến hối lộ Quốc lão Việp, xin quy hàng triều cống. Việp vì thế xin

-
- (1) Thiên Lộc : tên huyện thuộc Nghệ Tĩnh có từ niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông. Năm Tự Đức 15 [1862] đổi làm Can Lộc cho đến ngày nay
- (2) Cẩm Sa : tên xã, thuộc huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam

mệnh lệnh của triều đình phong cho Nguyễn Nhạc làm trưởng hiệu Tây Sơn và ban cho áo mũ, ngựa. Việp đặt quân giữ từ Hải Vân trở ra, chia quân đóng đồn chiếm giữ đất đó làm phiên trấn. Việp ở Thuận Hóa hai năm, đào hào, sửa sang dinh lũy, đặt quan lại, bố thuế khóa, sai dịch tuyển chọn lính địa phương, thay đổi cách ăn mặc, khiến cho trở về với phong tục chung cả nước.

• Tĩnh vương cho võ thần tạo sĩ cơ là Phạm Ngô Cầu (1) làm đại tướng, tạo sĩ Thế là Hoàng Đình Thế(2) làm phó tướng. Lại cho văn thần là Nguyễn Trọng Đương(3) làm đốc đến đóng giữ thay, triệu Việp rút quân. (Việp là người Kinh Bắc, xuất thân một hoạn quan, nuôi Hoàng Đình Huy làm con để nối dõi. Huy đỗ hương cống, lại thi võ đỗ tạo sĩ, lấy quận chúa, sau được thăng Điện quận công. Đến năm Nhâm dần [1782] bị loạn binh giết chết.

Bính thân, năm Cảnh Hưng 37 [1776].

Nguyễn Nhạc từ khi được phong nhận mệnh lệnh, lấy làm đặc chí, dựa trên nền cũ của Chiêm Thành, đắp thành Đồ Bàn, sai đào lấy đá ong, xây đắp thành lũy, dựng mở cung điện, cát cứ một phương, tự làm hùng trưởng.

Tháng 3 [Nguyễn Nhạc] tiếm xưng vương, đúc ấn vàng, luyện binh chứa lương, chiêu mộ vong mệnh, thu nhận kẻ bạn nghịch, uy thế lừng lẫy. Năm Cảnh tý [1780] Nguyễn Nhạc xưng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức, cho em là Huệ làm Long Nhượng tướng quân, em là Bấy (4) làm tiết chế

- (1) Phạm Ngô Cầu : trấn thủ Hải Hưng, ông người Kinh Bắc.
 (2) Hoàng Đình Thế : Người xã Hà Thương, huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa.
 (3) Nguyễn Trọng Đương : người xã trung cần, huyện Thanh Chương, nghệ Tĩnh ngày nay.
 (4) Tức Nguyễn Lữ.

thủy bộ. Kể thức giả giải hai chữ Thái Đức là “tam nhân tranh nhất thủy, thập tứ niên nhi vong” (ba người tranh nhau một dòng nước, mười bốn năm thì mất). Sau này quả như lời ấy.

Mùa thu, trong cõi dần dần bị đói.

• **Đinh dậu, năm Cảnh Hưng 38 [1777].**

Cả nước đói to, gạo một bát nhỏ trị giá một quan tiền, dân gian thậm chí phải lấy củ nâu, củ chuối thay cơm, người chết đói đến quá nửa, lại thêm ôn dịch thịnh hành, dân chúng nhiều người ốm chết.

Tháng 10, lụt to.

Năm này chuẩn định điều lệ xử kiện gồm hơn 30 điều

• **Mậu tuất, năm Cảnh Hưng 39 [1778].**

Hoàng thái tử [Lê Duy Vĩ] bị người vu thành tội, chúa Trịnh tâu xin phế làm thứ dân, khép vào luật thất cổ.

Cả nước lại đói to.

Tháng 3, thi hội, cho bọn Ninh Tồn (1) đỗ tiến sĩ. Khoa này, Lê Quý Kiệt (người huyện Duyên Hà, trấn Sơn Nam, con bảng nhãn Lê Quý Đôn chức Lang trung bộ Lại, mụợn Đình Thì Trung người huyện Đông Sơn. Thanh Hoa chức Huấn đạo gà văn. Sự kiện bị phát giác. Quý Kiệt phải trở về làm dân, Thì Trung bị phát phối (2). Khi đó có câu giễu rằng : “Thời Trung tông phối, chấn Yên Quảng (3) chi văn phong; Quý Kiệt hoàn dân, tăng Duyên Hà chi đình xuất” nghĩa là: Thời Trung bị phát

-
- (1) Ninh Tồn : người xã Côi Trì, huyện Yên Mô, Ninh Bình (nay là huyện Tam Điệp, tỉnh Hà Nam Ninh).
- (2) Việc Lê Quý Kiệt mượn Đình Thì Trung gà văn, trong *Cương mục chính biên* chép năm 1775
- (3) Yên Quảng : tức Quảng Ninh ngày nay.

phối làm chấn động văn phong vùng Yên Quảng; Quý Kiệt trở về làm dân, tăng thêm suất đinh cho đất Duyên Hà).

Đại hạn (từ mùa đông năm trước đến tháng 4 [năm này] không mưa).

Tĩnh vương xuống chỉ cầu lời nói thẳng. Lánh binh ở xã Quang Chiếu, huyện Ngọc Sơn, [tỉnh Thanh Hóa] trần tình thời xưa có câu :Trước đây hoàng sừ (1) là con vua mà phế làm thứ dân , là rể chúa mà xử theo phép nước, như thế là trị tội không trừ kẻ quý hiến. Đó là điều mà thiên hạ không dám nói, Văn vương trị tội người không làm liên lụy đến vợ con nó. Trẻ nhỏ mấy tuổi có tội gì mà bắt giam oan ở Đền Lĩnh. Trước đây Hòa Cung là anh em vua mà giam vào ngục tối. Là con vua mà cũng bị gia hình, như vậy là pháp luật thi hành từ người cặc. Đó là điều thần dân không dám bàn. Vua Thuấn phạt kẻ có tội không phạt đến dòng dõi, trẻ nhỏ mới hơn mười tuổi có tội gì mà bắt giam lâu trong ngục ở Sơn Tây?

Ở xứ Thanh Hoa có cựu tham nghị Lê Thế Toại trần tình rằng : Dĩnh Thành Hầu [Lê Quý Đôn] mưu đồ cho con mình trộm mượn người làm bài trong khoa thi, lại ngầm chiếm đất cấm của vua Hùng(2). Mạnh tử nói : “xem con người của mắt thì người đó dấu sao được [hay dở]. Xin hãy xem con người Dĩnh Thành Hầu luôn luôn chuyển động. Người ấy mà được trọng dụng tất làm hại đến nhân dân. Kiều Nhạc hầu (3) từ khi được chúa tin dùng đến nay, chưa nghe nói tiến cử được một người hiền nào, loại bỏ được một kẻ gian nào, làm được một việc lợi nào, trừ bỏ được một việc hại nào mà chỉ chuyên dùng cung hoa thặng cảnh làm dâm dăng lòng

(1) Tức thái tử khi chưa lên ngôi.

(2) Xét việc gian lận trong khoa thi là việc mượn Đình Thì Trung làm hộ văn, chiếm đất cấm tức là việc chôn trộm mộ tổ trên núi Tản Viên (theo Việt Sử).

(3) Kiều Nhạc hầu :tức Nguyễn Lệ.

chúa, mới nhận chức Tham lĩnh ở Nghệ An mà dân ở Nghệ phiêu lưu quá nửa, kính xin trị tội Đinh Thành Hầu, bãi chức Kiều Nhạc hầu để tạ lỗi với thiên hạ, thì trời sẽ mưa.

Tháng 6, Tĩnh Vương ban chỉ mở khoa giám(1) định đến tháng 10 mở khoa thi hương.

Khi đó, Hoàng Tố Lý(2) (cháu của Việp quận công [được quận công] nuôi làm con), vâng mệnh giữ chức trấn thủ xứ Nghệ An, bắt đầu lập trấn doanh ở xã Sa Nam, huyện Nam Đường(3), đặt trường thi Nghệ An tại bãi phù sa xã Lương Trường(4). Chưa được bao lâu quan phủ liêu vâng mệnh truyền bảo hoãn thi, lại gỡ trường thi đi.

Tháng 8, ở đạo Sơn Nam(5), có giặc biển tự xưng là An Hải quận công (gọi là quận Mèo) cướp bóc nhân dân ven biển, kéo thẳng tới sông Vị Hoàng, người trấn Sơn Nam náo động. Tĩnh vương cho Hoàng Tố Lý làm kiêm thống, đem Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Chính đi đánh dẹp, cuối mùa thu mới dẹp yên được, cho nên việc mở khoa thi hương tạm hoãn (Đinh Tích Nhưỡng là dòng dõi công thần ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thi đỗ tạo sĩ. Nguyễn Chính người xã Đông Hải, huyện Chân Phúc thi đỗ hương cống nhờ Hoàng Tố Lý tiến cử, làm tới chức cai Tiền ninh cơ

Xét việc nổi loạn ở An Hải, có câu truyền miệng rằng “Áo màu Đinh lột Lý, vật càn Lê dữ tuột bụi Trần”. Người đời có vẽ đối giễu rằng : “Sông Ngân, Hán cấm Hàn, vượt

(1) Khoa giám :khoa thi bất thường không theo lệ

(2) Hoàng Tố Lý :còn có tên là Hoàng Đình Bảo

(3) Huyện Nam Đường : có từ đầu đời Lê, nay huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh

(4) Nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh

(5) Đạo Sơn Nam : đời Lê gồm đất nam Hà Đông , Thái Bình, Nam Định

Bể Sở dẹp tan loài Ngụy”(1). Khi đó Đinh thời Trung ở Yên Quảng được giặc biến tôn làm tham mưu nên mới có câu truyền miệng ấy. Đến khi Tổ Lý đem đại quân đến đánh dẹp, Thời Trung đầu hàng. Tổ Lý sai Thời Trung đi dụ bọn giặc biến bị bọn này giết hại.

- **Kỷ hội, năm Cảnh Hưng 40 [1779].**

Tĩnh vương lập con trưởng Trịnh Tông làm vương thế tử, cho nội thần Nhân quận công(2) và Khê quận công(3) làm A phụ cho thế tử.

Tháng 10 mở thính khoa thi hương.

Tháng 12, thi hội, cho Lê Huy Trâm(4), Nguyễn Du đỗ hoàng giáp, bọn Phạm Quý Thích, Hoàng Vĩnh Chân 13 người đỗ đồng tiến sĩ. (Phạm Quý Thích người Hoa Đường, huyện Thọ Xương. Nguyễn Du người Chân Lộc tên cũ là Phạm Vĩ Khiêm, năm kỷ mao ông 16 tuổi đỗ đầu khoa thi, văn chương của ông nổi tiếng, được Tĩnh vương yêu, làm quan đến tham tri bộ Hình, sau làm quốc sư. Ông là con nuôi Nguyễn Hoàn. [vì thế] lấy họ Nguyễn tên Du. Khoa này ông đã 40 tuổi)

Năm đó [chúa Trịnh] sai Nội sai Khoái Trung hầu kiểm soát binh lính Nghệ An (ngạn ngữ có câu : Năm nay sai Khoái, năm ngoài nhất hùng.)

Canh tý, năm Cảnh Hưng 41 [1780].

Mùa xuân, quận công Nguyễn Nghiễm (5) mất (sau được phong đại vương phúc thần).

(1) Nguyên văn viết bằng chữ Nôm

(2) Nhân quận công : Chu Xuân Hán

(3) Khê quận công : Nguyễn Khắc Tuân.

(4) Lê Huy Trâm : người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, Hà Sơn Bình.

(5) Nguyễn Nghiễm : (1707-1780) hiệu Nghi Hiên, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Nghệ Tĩnh.

Triều đình triệu tập cống sĩ hai xứ Thanh Nghệ hỏi về sự việc hai xứ đó, [cho] trình bày những điều hay dở. [triều đình] xếp cống sĩ Bùi Dương Lịch (1) người Nghệ An đứng thứ ba, thưởng cho 5 quan tiền, và cho phép vào thi hội, trúng tam trường, sau thi hội lại trúng tam trường một lần nữa. Bộ Lại cho là ông đã trúng cách hai lần, bổ ông chức Tước sĩ lang, làm nho học huấn đạo ở phủ Từ Nhân.

Khi ấy cung tần của Tĩnh vương Trịnh [Sâm] là Đặng Thị Huệ rấy được chúa yêu, ban cho hàm chức tu dung, sinh được con trai đặt tên là Cán. [Thị Huệ] được lập làm Tuyên phi (Huệ người làng Trà Hương, huyện Phù Đồng, trấn Kinh Bắc).

Vương thế tử Trịnh Tông bị vu cáo.

Trước đây mẹ thế tử là bà Phương (Nguyễn Thị Bồn(2) quê ở xã Long Phúc, huyện Thạch Hà (tỉnh Nghệ Tĩnh) hầu trong phủ chúa, vào năm Quý mùi [1763] sinh thế tử đặt tên là Tông. Đến khi lớn [Tông] trông nom công việc trong phủ chúa, tuyển mộ gia thần, ghi tên lập sổ. Lúc đó có tiến sĩ Ngô Thì Nhậm bè đảng với họ Đặng [Thị Huệ] cùng với thủ khoa Nguyễn Huy Bá(3) vu khống thế tử âm mưu làm điều bất chính.[Trịnh Sâm] hạ lệnh bắt thế tử bỏ ngục và bắt các quan A Bảo là Nhàn quận công, Khuê quận công cùng cả bọn Xuất, Sáu, Triều, Lâm. Tất cả bọn đều bị tra hỏi nghiêm ngặt. Nhàn quận công và Khuê quận công đều uống thuốc độc tự tử, các môn thuộc đều bị sát hại. Người nhũ mẫu là Thị Quỳnh (vợ người lính Sơn Tây là Quỳnh Tài, có nhiều sữa tốt, làm vú nuôi thế tử) chạy trốn ở Sơn Tây, làm bà vú trong

(1) Bùi Dương Lịch : (1757-1827) người làng An Toàn, huyện La Sơn, Nghệ Tĩnh

(2) Có sách ghi là Đương Thị Hoan.

(3) Nguyễn Huy Bá : người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm.

chùa, bị lính đuổi theo, bắt được giải về kinh, [chúa] sai cho voi đực dày xéo. Khi
đấy đang nóng nực, không có gió mây, bỗng mưa to như trút, mọi người đều cho là lạ.
Lần này năm trước thì giết Đông cung(1), sau đó bắt bỏ tù thế tử, giết đại thần,
[dân chúng] ngoài kinh thành bàn tán xôn xao. Quan phụ tá là Hồng Lĩnh hầu (2) và
tri châu cũ là Lê Vĩ (người xã Nhân Mục) đến cửa khuyết mạo tội can chúa dâng
sớ kêu oan. Sớ rằng : Từng nghe cha con tính trời rất thân, bất hiếu lắm mới lên
truất bỏ; vua tôi cương thường rất lớn, tội nặng lắm mới phải gia hình.

Nay thì : Thế tử bách nỗi hiềm nghi, tuổi trẻ đã tin, kém kế trong mà phải dựa bên
ngoài thì lẽ chưa ổn, chẳng qua là dự kế tự phòng; Đoàn khốn gặp duyên tri ngộ,
ơn sâu hai kỳ phận là tội mà tình thờ bố thì lòng nào nỡ phụ đâu lại giám
lập mưu phản bội.

Bỗng nên chuyện dèm pha thâm độc; khiến cho điều tàn khốc tràn lan.

Sự biến cố sinh ra trong cửa trong nhà, tố cáo giá họa vu oan, làm động lòng thánh
hoàng thực hậu(3). Khi tra tấn đứng trước lưỡi rìu lưỡi búa, gán ghép đành bảo sao nghe
vậy, thành vụ án tặc tử loạn thần(4). Dù bản án đã đưa tới đình thần,
nhưng đơn kiện chưa được qua mắt chúa.

Than ôi !

Nguyên thần thạc phục(5) tội gì ? Bỗng phải chịu dèm pha vô cớ.

(1) Chỉ thái tử Lê Duy Vĩ

(2) Hồng Lĩnh hầu : Nguyễn Khả

(3) Thánh hoàng thực hậu : vua sáng suốt như thánh, và bà hoàng hậu hiền lành

(4) Con làm giặc, bề tôi nổi loạn

(5) Bề tôi đứng đầu có công giúp lớn.

Thiên hạ quốc gia đáng tiếc ! Sợ xảy ra tai họa khôn lường; kẻ ngu cuồng
dám mạo muội trình bày; lượng dung nạp mong bề trên nghe rõ.

Kính nghĩ : Vua tôi thực có quan hệ tới lộc phúc của đất nước khiến cho ngôi nhà hiện ở ấy được vững chãi như núi Thái Sơn.

Xét gương ra đời trước [lại phải để] tiếng giết đại thần, hãy cho bề tôi chưa bị chết oan, được hai vùng nhật nguyệt vô tư soi xét.

Trịnh vương chỉ dụ cho thiên hạ rằng : “ Trịnh Tông trước đây vốn là đứa con giòng, đã cho ra theo quan bảo phó ở ngoài, nhưng người dạy dỗ, bồi dưỡng không giáo huấn nổi đến nỗi bị bọn tiểu nhân dẫn dắt, ngầm có mưu phản. Nếu theo nghĩa trong kinh Xuân Thu thì đáng trị tội nặng. Nhưng ta nghĩ cốt nhục tình thâm, có điều không nỡ, cho nên nhẹ về pháp luật, nặng về ân tình, truất xuống làm con út, khiến cho suốt đời giữ đạo làm tôi để trọn vẹn tình thân do tính trời sinh ra.

Cất nhắc Ngô Thì Nhậm làm Công bộ tả thị lang (vì tố cáo thể tử nên được ban thưởng, thăng [vượt cấp] bảy lần).

Đốc trấn xứ Lạng Sơn Ngô Thì Sĩ học rộng văn hay lại có phẩm hạnh cao quý, thi đỗ tiến sĩ, từng được bổ vào quốc sử quán. Con ông là Ngô Thì Nhậm cũng đỗ tiến sĩ; cha con cùng làm quan trong triều. Sĩ thấy con bề đảng xu phụ tuyên phi, vu khống thể tử, ông rất bất bình, ra sức khuyên ngăn, nhưng [Ngô Thì Nhậm] không nghe, ông phần uất uống thuốc độc tự tử (Vụ loạn năm Nhâm dần [1782] Ngô Thì Nhậm bỏ trốn, sau ra làm quan với Tây Sơn, giữ chức thượng thư bộ Binh đến năm Nhâm tuất [1802] triều đình nhà Nguyễn mở nước, xử tội kết án, bị giết).

Tân sửu, năm Cảnh Hưng 42 [1781].

Thi hội cho Nguyễn Bảo, Nguyễn Cầu 2 người đỗ tiến sĩ (Bảo người Đông An (1), Cầu người Đông Khê).

Đoan quận công Bùi Thế Toại mất, được tặng là Du liệt đại vương, phong phúc thần.

Nguyễn Thiếp người xã Nguyệt Áo, huyện La Sơn, tỉnh Nghệ An (cháu họ tiến sĩ Nguyễn Công Hanh), lại có tên là Khải Xuyên, thi hội đỗ tam trường, được bổ làm nho học huấn đạo ở Anh Đô (2), từng làm tri huyện Thanh Chương, [tỉnh Nghệ An]. Bị phạt, ông cáo quan xin về, dựng nhà ở núi Nam Hoa(3) bên ngoài thành Lục Niên, ở ẩn, vui cảnh nhàn. Khi Tĩnh vương cầm quyền, trấn thành Nghệ An là Diên quận công(4) tiến cử ông. Chúa sai đem gấm vóc, tiền đến mời Khải Xuyên, lệnh cho lính địa phương ấy hộ vệ đưa ông tới kinh, chưa kịp dẫn vào yết kiến thì chúa ốm nặng, mấy tháng sau chúa mất, [ông] bèn quay trở về. Khải Xuyên là người hiểu rộng biết nhiều, học vấn uyên bác, các bậc nho đều kính trọng. Ông lấy hiệu là Lạp Phong tiên sinh, có làm thơ tự ví mình.

*Ngưu Lang Chúc Nữ định giai kỳ
 Nguyệt hạ tiên nhân vịnh cổ thi.
 Tự viễn bất văn chung cổ tiệp
 Canh thâm phương kiến đấu ngưu di
 Đa thiếu thần tiên du cổ miếu
 Triều trung tể tướng phí tâm ky.*

(1) Đông An : tên cũ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hải Hưng
 ngày nay

(2) Anh Đô : năm Minh Mệnh 3 [1822] đổi làm huyện Anh Sơn

(3) Núi Nam Hoa : thuộc Nghệ An.

(4) Diên quận công : tức Hoàng Đình Bảo

*Kỷ thời đắc đáo Đào nguyên(1) động
 Đồng giữ tiên nhân hạ tượng kỳ.*

Dịch nghĩa:

Ngưu Lang Chúc Nữ hẹn ngày tốt gặp nhau

Dưới bóng trăng người tiên ngâm thơ cổ.
Chùa xa không nghe thấy tiếng chuông kêu.
Đêm khuya mới thấy sao Đẩu sao Ngưu di chuyển
Biết bao thần tiên đến thăm miếu cổ
Tể tướng trong triều uống phí tâm sức.
Bao giờ cũng được đến động Đào Nguyên,
Cùng với người tiên ngồi đánh cờ.

Người đời cho ông là người biết trước [mọi việc].

Khi đó ở Cổ Liêu(2), Phú Xuyên, trấn Sơn Nam có Hồ Danh Siêu, mới lên 6 tuổi là thần đồng [sinh ra đã biết không phải học]. Ở Kim Động cùng quận có người giám sinh nghe tiếng Siêu, đến nhà ra câu đối để thử : “Bán thiên danh thế, tự cổ liêu văn” [Nửa nghìn năm nổi tiếng trên đời, xưa nay ít thấy]. Siêu ứng khẩu rằng : “Ngũ bách xương kỳ, vu kim tái kiến” [Năm trăm năm thịnh vượng, đến nay lại hiện]. Mọi người thấy thế khen là lạ, Tĩnh vương nghe tin sai sứ triệu vào yết kiến. Chúa thấy (Siêu) đỉnh ngộ ra câu đối rằng : “Thần đồng lục tuế bàng hoàng đan phượng lệ thanh vân” (Thần đồng 6 tuổi hình như chim phượng đỏ bay lên mây xanh). Siêu đối ngay : “Thánh chúa vạn niên phảng phất hoàng long du bích thủy” [Thánh chúa muôn năm, phảng phất như rồng vàng bơi trên dòng nước biếc]. Chúa lại ra câu đối : “Lý Bí(3)

(1) Động Đào Nguyên : động tiên ở. Ở đây ý tác giả muốn ca ngợi cuộc đời ẩn vật.

(2) Nay thuộc huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Sơn Bình.

(3) Lý Bí : người đời Đường, 7 tuổi biết làm văn, lớn lên học rộng kinh sử, giỏi văn chương.

thất tuế phú kỳ” [Lý Bí bảy tuổi biếc đánh cờ]. Siêu đáp: “Thành vương ấu niên ly tộ” [Thành vương tuổi nhỏ lên ngôi]. Chúa nghe lời này rất không hài lòng, cho trở về nhà. Triều thần Lê Quý Đôn đến hỏi về nghĩa lý. Siêu không trả lời. Đôn dâng lời khải nói là quái dị, xin ngầm quăng xuống sông giết đi.

Nhâm dần, năm Cảnh Hưng thứ 43 [1782].

Mùa thu Tĩnh vương Trịnh Sâm mất, con là Cán nối ngôi.

Trước kia, chúa quá yêu Tuyên phi (gọi bà chúa Chè) bèn lập con thứ là Trịnh Cán [chúa] dâng biểu [lên vua Lê] xin sách phong làm Trịnh [Điện] Đô vương.

Cán mới 7 tuổi (1), chúa để lại sắc chỉ cho bọn Diển quận công 7 người phò giúp [Trịnh Cán] Dụ rằng : “ Dụ chỉ cho thân huân đại thần và các quan văn võ biết. Ta vì tài đức nhỏ mọn, kể giữ ngôi chúa phò giúp nhà vua, hết sức lo lắng công việc cho xã tắc, mong muốn cho con cháu mãi mãi phồn vinh. Nay [ta] ốm đau đã lâu ra lệnh cho vương tử Cán nối ngôi và ủy cho Hương quận công, Viện quận công(2), Châu quận công(3), Huy quận công, Tứ Xuyên hầu(4), Thùy Trung hầu(5) cùng nhận cố mệnh, trong thì theo ý thánh từ quốc thánh mẫu(6) và ngôi chính cung(7) tạm cùng nhau phán quyết việc quân quốc(8) quan trọng. Ngoài thì nhờ các

(1) *Lịch triều tập kỷ* chép rằng bấy giờ Cán mới 6 tuổi.

(2) *Viện quận công* : tức Nguyễn Viện.

(3) *Châu quận công* : tức Lê Đình Châu, người làng Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn.

(4) *Tứ Xuyên hầu* : tức Phan Lê Phiên, người làng Đông Ngạc, Từ Liêm.

(5) *Thùy Trung Hầu* : tức Tạ Danh Thùy, hoạn quan, người làng Khương thượng, Yên Mô, Ninh Bình.

(6) Mẹ Trịnh Sâm, bà chúa Sét.

(7) Chỉ Đặng thị Huệ mẹ Trịnh Cán.

(8) *Quân quốc* : mọi việc quân sự, chính trị trong nước.

quan chức lớn nhỏ đồng tâm hiệp lực, thận trọng giúp vương thế tử vượt qua những lúc gian nguy để cho tôn miếu xã tắc vững vàng muôn vạn năm, đó là sự nghiệp của chúa, hãy cung kính. (Nay ban sắc chỉ).

Hoàng thượng Lê Hiên Tông phong Trịnh Cán làm nguyên soái Trịnh Đô vương. Sắc dụ rằng : Sắc dụ Vương thế tử Trịnh Cán : Trẫm đức mọn nhờ

tiên phụ sự Tĩnh vương(1) phò tá giúp đỡ, nay bỗng bỏ ra đi, việc quân việc nước trong thiên hạ không thể một ngày không có [chúa]. Vương thế tử là người hiền đức, sai quan hữu ty chuẩn bị lễ vật, sách lệnh tấn phong làm nguyên soái Tổng quốc chính Trịnh Đô vương. Hãy cung kính. Nay ban sắc.

Làm lễ thanh phục(2) cho Tĩnh vương. Triều đình bàn rằng : Trịnh Đô vương còn nhỏ, thế tử cũ là [Trịnh Tông] chủ việc tang.

Trước đây, Trịnh tướng quân [Trịnh Sâm] đi đánh dẹp phương nam, đặt quan trấn thủ doanh Phú Xuân. Từ đó, Phú Xuân là trấn quan trọng, trấn Doanh Cầu hơi nhẹ đi, cho nên rút quân trấn thủ Nghệ An về đóng đồn ở trấn Vĩnh An. Quan trấn thủ Phú Xuân chia quân đóng đồn ở núi Hải Vân (núi này kéo dài tới bờ biển, chia ranh giới hai xứ Quảng Nam, Thuận Hóa), lại thường sai người đi tuần tiễu ở các phủ Quy Nhơn, Hòa Nghĩa(3). Bỗng nhiên ở sách Tây Sơn, phía trên phủ Quy Nhơn có một quan thổ bào(4) tên là Đồng Toàn, Đồng Toàn sinh ra Đồng Phúc, [còn gọi] là Thư Nhạc, chiếm cứ nơi hiểm yếu, tự xưng là Trại chủ, chiêu tập binh mã anh em có tất cả bốn người, đều nổi tiếng, đánh cướp dân

(1) Chỉ Trịnh Sâm vừa là cha vừa là thầy của Trịnh Cán.

(2) *Lễ thanh phục* : lễ phát tang, mọi người từ đây mặc tang phục.

(3) *Hòa Nghĩa* : thuộc tỉnh Nghĩa Bình.

(4) *Thổ hào* : hào trưởng địa phương được phong quan chức.

lành, chống cự với quan quân. Triều đình không đánh dẹp được, cũng lấy làm lo. Hơn nữa, họ Nguyễn di chuyển về Gia Định lập ra cái thế có thể xưng hùng, xưng bá một vùng, từng đánh nhau với Tây Sơn.

Quân lính phò thế tử Tông lập chính phủ, nổi nghiệp chúa, giết Hoàng Tổ Lý ở cửa hậu cung.

Xưa kia khi vương tử Tông sinh ra đã làm lễ cáo tổ tiên, cho đốt 3 tiếng ống lệnh, đến khi sinh vương tử Cán, Tĩnh vương lại sai quân Thiên Hùng đốt ống lệnh,

mới đốt được một tiếng, quốc sư Nguyễn Viện đang ở trong phủ, sai bắt quân cơ quân Thiên hùng toan đem chém, [quân cơ] van xin thảm thiết mới được tha và ngừng không đốt nữa.

Khi đó, Điển quận công (Hoàng Tổ Lý) được chúa tin dùng, quyền cao chức trọng, chính cung dựa vào để mưu toan kế hoạch đoạt ngôi của con cả. Vì thế vu khống tội trạng cho thế tử, nên mưu kế bỏ con cả lập con thứ được thực hiện. May có thánh từ quốc mẫu (mẹ của Tĩnh vương, là cung phi của của Minh vương, người xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì là đức bà Sét) thường che chở. Vương thế tử mới được bảo toàn. Đến khi Tĩnh vương mất, lệnh cho con là Cán nối ngôi, quân sĩ hai xứ Thanh Nghệ đều ngấm ngầm phần uất kêu ca. Lính trong phủ ước hẹn cùng vào núi bí mật toan định ngày giờ phế lập. Bên trong theo [ý] quốc mẫu, bên ngoài dựa vào sự chi viện của Phan quận công(1), và nhờ tiến triều Nguyễn. Nhưng (người Vạn Lộc, huyện Đông Sơn) làm bài hịch khích lệ quân lính, phù chính nghĩa. Lời hịch bằng quốc âm(2) : “Sắc khuy nh quốc đế bao phen nhắm tịch, nổi yêu da nên đích tử dời ngôi, Mộng bại gia lâu sấm chốn đình vi;

(1) Phan quận công : tức Nguyễn Phan

(2) Bài hịch (viết bằng chữ Nôm).

lời kết tóc để đông cung rủi mạng . Kết bè dữ há e chi nữa? Ôm thống thiêng mon giữ được chăng? Ngây thơ bệnh não bấy lâu, thuốc xích tử khôn tìm phải mặt quỷ quái tinh ma đường ấy chề Hoàng đài chi có dừng tay ! Trên thánh từ liệu lượng làm sao? Dưới tế phụ thờ ơ khéo nhĩ? Chẳng đoái tới công gây dựng, giang sơn ai, thiên hạ nhà ai? Chẳng toan nên chước chống phò, tôn xã ấy, tự vương đường ấy? Dù cố mệnh cũng mơ màng chưa tỏ, sao thiên cơ mà khuây khoắt cho đành? Đuốc cao thông tướng(1) ngắt che, chữ quý tử cũng còn(2) thâm ý. Nền nhân hậu cảm phen vun vén, phúc trưởng quân ấy mới viễn đồ. Tựa ngai Chu nào nào thấy mặt Cơ công ! Dòm vạc Hán dễ tin lòng Mạnh Đức? Nào những kẻ cân đai đeo lộc nặng !

Chẳng đau lòng di đức đấng tiên vương, nào những người chung đỉnh đội ơn dày; chẳng ngửa mắt phỉ mưu loài nghiệt phụ? Đóng vải áo lên cờ chu thái úy, chốn khuyết đình đều sau trước hiệu trung. Dịp chân ma vững gót Địch Lương công, dân thang mộc vốn xưa nay hướng nghĩa”.

Bài hịch làm xong, quân sĩ truyền cho nhau biết, trong ngoài đồng lòng. Ngày 23 tháng 10, các quân còn hầu trong phủ chưa tan, quân sĩ theo lời hẹn nhau đã vây kín bốn mặt phủ chúa, tiếng người huyền náo, có thư lại đội quân Tiếp bao là Nguyễn Bằng(3) tự xin lên gác phủ đánh trống làm hiệu. Biện lại là Trù(4) tốt gươm canh giữ cửa thang lên lầu. Đúng giờ dần [4 giờ sáng] ngày 25, họ hành động. Khi đó có lính Thượng doanh, Trung khuông, Trung dũng(lính do Diên cai quản), ngày 24 đã đến doanh của Diên mật báo trước. Diên cả giận, lập tức sai quân khiêng kiệu vào trong phủ chúa

(1) Mất một chữ

(2) Bằng *lịch triều tạp kỷ* phiên là “Toàn”

(3) *Nguyễn Bằng*: người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An

(4) *Trù*: tức Nguyễn Trù, người xã Phật Kê, huyện Nam Đường.

túc trực tại đấy để xem sự biến. Đầu đầu canh năm, bỗng nghe một hồi trống trên lầu phủ (như lệ lập chúa). Diên truyền bắt Nguyễn Bằng giải xuống gác dưới, rút kiếm định chém; may có hội thần là Châu quận công(1) khuyên giải rằng: “Đây là nơi cung cấm, nên giam lại đợi tra xét để tìm ra kẻ thủ mưu. Diên đồng ý. Bằng được thoát chết”.

Lính tam phủ ở ngoài lầu gác, nghe tiếng trống ở trên lầu và tin Nguyễn Bằng bị bắt, đánh trống hò la ầm ỹ, muốn phá cửa khóa xông thẳng vào, Diên quở trách Châu quận công biết kỷ luật quân sĩ mà răn bảo không nghiêm. Châu quận công lấy có già không đương nổi, quận Huy sai đội quân voi chinh đồn bành voi. Huy lên voi tuần hành để răn đe quân sĩ. Quân sĩ ở cửa sau phủ đã rút kiếm khỏi vỏ. Diên ở trong phủ

không biết mình đã rơi vào trong vòng vây, mới trèo lên bành voi quân sĩ đập phá lấy gạch ngói ném bừa vào Điển, Điển bị thương ngã gục trên mình voi, quân sĩ lại lấy kiếm dài đâm lên bành voi, làm Điển bị thương tiếp rồi lấy câu liêm lôi xuống, bằm ra từng khúc, tranh nhau ăn gan Điển. Khi đó, lính trong phủ đã rước thể tử Trịnh Tông lên chính phủ, nối nghiệp chúa và dời Trịnh Cán đến ở một cung khác. Ngày hôm đó, nhà cửa dinh thự của quan lại trong kinh đô đều bị lính phá hủy gần hết, đình thần im hơi lặng tiếng, đứng yên một chỗ (từ đó quyền hành về tay quân sĩ).

Các bề tôi văn võ và quân lính dâng biểu xin [vua Lê] tấn phong Trịnh thế tử Tông làm Đoan Nam vương tổng quốc chính (danh hiệu không đáng như vậy).

Hoàng thượng sắc phong, [chúa mới] ban chỉ vụ thiên hạ rằng : Vương huynh (2) thơ ấu chưa kham nổi công việc,

(1) *Châu quận công* : tức Lê Đình Châu, người làng Liêm Hồ, huyện Ngọc Sơn

(2) *Vương huynh* : chỉ Trịnh Cán. Trịnh Tông gọi như vậy vì Cán tuy là em, nhưng đã được Trịnh Sâm lập thế tử.

ta nhờ quan quân trong ngoài đồng lòng tôn phò lên nối ngôi chúa. Vì vậy ban lời bố cáo để thần dân đều biết.

Lời kim sách rằng :

Hoàng thượng nói : Theo mưu trước, noi phép xưa vui nghĩ đạo thường kế thuật (1).

Dâng lễ lớn, đặt hiệu đẹp, bèn cử hành điển lễ tôn sùng. Vừa gặp ngày lành. Liền ban sách đẹp. Bèn nghĩ : Nguyên soái tổng quốc chính Đoan Nam vương, thần giúp thông minh, trời sinh văn võ. Lời ca thoả lòng mong làm chúa, đại hiếu nối nghiệp nhà. Chữ Địch bảo(2) có công cảm cách trời, chí nhân định việc nước. Đương lúc cơ đồ vừa chỉnh đốn, hợp khi trời mở việc kinh Luân(3). Công việc cẩn thận lúc ban đầu, kỷ cương chính thì xa gần vui phục. Công giúp đỡ ngang xây dựng lại, uy đức ban, yên ổn trong ngoài. Yên dân, dẹp loạn là làm tốt cho cơ đồ, trị nước chia khu thì biết rõ việc căn bản. Đặt phép dạy, phải giảng mưu quân kế nước;

giữ mối hòa, rạng rỡ phúc xưa. Giữ việc học phải tìm lẽ trời bệnh dân, giúp
thịnh trị theo lên đạo lớn. Mong sao được thỏa chí, nhờ cậy cơ nghiệp đã hoàn
thành, thì hãy kê cứu điều lệ thông thường của điển lễ. Vậy đặc sai bề
tôi cầm phù tiết, đem sách vàng ấn ngọc tôn làm Đại nguyên soái tổng quốc
chính thượng sư Đoan Nam vương.

Hãy nên :

Nhân danh hiệu lớn ; Hưởng phúc tốt lành. Trở lại lối thịnh trị thái hòa từ
nghìn thuở, làm rạng rỡ công đức thánh thần; Kéo dài đường phúc lộc, gìn
giữ hàng ức năm, được vững chãi cơ đồ vua chúa.

-
- (1) Kế thuật : rút từ chữ “Kế chí thuật sự” nghĩa là nối chí ông cha để làm công việc.
(2) Dịch bảo : dạy bảo giúp đỡ.
(3) Kinh Luân : xếp đặt, sửa sang.

Hãy kính theo.

Khi đó, quân sĩ đã tôn lập ngôi chúa, lại thả con của cố thái tử (1) bị giam là
Duy Khiêm, Duy Tụ, Duy Chi rước về nội điện. [Quân lính] lại đến cửa khuyết
xin lập hoàng thái tôn. Vua ban sắc thưởng cho quân sĩ hai nghìn lạng
bạc và ban cho mỗi người thêm một bậc chức tước và cho phép
nhường cho họ hàng quen biết để lấy đó làm ơn, giáng hoàng tử thứ tư trước đây
được lập để nối dòng, làm Sùng Nhượng công, ra sức chỉ lập Duy Khiêm làm
hoàng Thái tôn. Lời văn của sách chỉ : Kính nghĩ : Hoàng tôn là giòong cháu đích,
tuổi đã trưởng thành. Ta nhờ tự vương mở rộng được mưu lớn xoay chuyển càn
khôn được đúng đắn, người là đích tôn, noi theo đức xưa giữ đồ thờ cúng.

Cố thái tử là người thiên tư anh tuấn. Minh vương rất yêu quý, lại gả con gái
yêu là Ngọc Nhuận cho. Khi đó, Tĩnh Vương còn là thế tử, ngầm ghen ghét cố thái tử. Đến
khi Tĩnh vương nối ngôi chúa, buộc tội oan cho cố thái tử rồi giết chết. Bọn Hoàng tôn

cũng đều bị giam cầm, đến khi ấy, quân phò giúp ra khỏi ngục. Quân sĩ được hoàng thượng ban thưởng tiền bạc và bằng sắc, quân sĩ đều bái tạ.

Trịnh vương [Tông] xét công tên phò, cho Biện Bằng làm chức thủ hiệu, cai quản quân doanh Trung thắng. Biện Thọ (người Phật Kê, [huyện] Nam Đường) làm thủ hiệu thị hầu tả tượng cơ. Quân sĩ đều được thăng ba bậc, lại được cấp riêng khám hợp (nửa con dấu đóng ở giữa gọi là khám hợp, như chức tri bạ, tri sự, phó sở sứ). Lệnh chỉ cai hợp, thủ hợp, bách ngu mỗi người đều hai bản, cho phép nhường cho họ hàng thân thích và người ngoài để lấy tiền. Vua lê cũng gượng nghe theo.

(1) Chỉ Lê Duy Vĩ, thái tử nhà Lê đã bị Trịnh Sâm giết hại

Khi đó, quân lính cậy có công tôn phò càng kiêu căng ngang ngược, viên cai quản không kiềm chế được [Kiêu binh] đòi hỏi những mối lợi nơi điểm tuần, bến đò, đầm hồ, gò bãi, cửa ải, chợ búa. Uy đức của triều đình không thi hành được, dân chúng khổ sở vì sự quấy nhiễu hà khắc của chúng, mỗi hạn thắm vào cốt tủy. Từ đấy lính với dân coi nhau như kẻ thù. Triều đình lại đặt ra đội phong vân để tuần phòng trong kinh kỳ, dò xét quân lính, hễ ai dám còn có thói cũ, rủ nhau tập hợp phá nhà lấy của thì lập tức bắt giải về triều xét xử.

Ban cho Nguyễn Bằng tước hầu.

Quản tiền ninh cơ đóng đồn ở Nghệ An là Nguyễn Chính (Chính người làng Đông Hải, huyện Chân Phúc) là con nhà hào phú, tuổi trẻ có tài thao lược, thi văn đỗ hương cống, thi võ lại đỗ, có tài làm thơ Nôm. Kết giao với Diên quận công và là gia thần của Việp quận công. Việp quận công cho Chính cai quản tiền ninh cơ. Hai ngày sau, nghe được tin báo Chính tránh nạn loạn quân, chạy về Chân phúc đem theo vợ con và quân nghĩa dũng hơn trăm người vượt biển chạy vào Quy Nhơn đầu hàng Tây Sơn. Nguyễn Nhạc thấy Chính có tài thao lược, cho quản hữu quân.

Chỉnh có ý báo thù cho Diễn quận công, [bèn] bày kế cho Nhạc huấn luyện quân sĩ, thao diễn trận đồ, quân ngũ hiệu lệnh nghiêm túc, [do vậy] đánh đâu thắng đấy. Nguyễn Nhạc rất tin và nghe theo mưu kế của Chỉnh, Chỉnh bèn khuyên Nhạc sớm mưu lấy lại Thuận Hóa, chớ bỏ mất cơ hội, Nhạc nghe theo kế ấy.

Hơn tháng sau, Trịnh Cán mất, bị giáng làm Cung quốc công, chúa sai bà chúa Chè trở về Thanh Hoa coi giữ lăng Tĩnh vương.

Việc cho Bùi Huy Bích, Hồ Sĩ Đống làm tham tụng phủ liêu, Phan quận công Nguyễn Phan làm đề lĩnh tứ thành quân vụ sự, Dương thọ hầu Bùi Thế Toại làm trấn thủ Nghệ An là

O

do sự bầu cử của quân sĩ. (Bùi Huy Bích người ở làng Định Công, huyện Than Trì, là giòng dõi tiến sĩ Bùi Xương Trạch và Bùi Vĩnh, đỗ hoàng giáp, làm Thiêm sai phủ liêu, được thăng dần tới chức đốc đồng hành tham chính Nghệ An tước Hiệp trấn công. Hồ Sĩ Đống, người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu là cháu năm đời của thượng thư Hồ Sĩ Dương, đỗ hoàng giáp, đi sứ Trung Quốc làm tham chính Hải Dương, đến khi ấy quyền chức tham tụng, tước Ban hải hầu Bùi Thế Toại là con của Đoàn quận công Bùi Thế Đạt, đỗ tạo sĩ, lấy con gái đầu lòng của công chúa Ngọc Anh, từng quản Tiền ninh cơ lại làm Thiêm sai ngũ phủ, Thủ hiệu vệ tả thủy cơ. Vì bất hòa với công chúa, bị biếm, đến khi ấy quân sĩ bầu cử lên, mới có mệnh lệnh ấy).

Giờ ty ngày 6, tháng 12, trời không mây không mưa, bỗng nổ một tiếng như tiếng sấm, vang rền hơn một khắc.

Quý mao, năm Cảnh Hưng 44 [1783].

Cho Nguyễn Khản làm tham tụng phủ liêu, thượng thư bộ lại, tước Tấn quận công, cai quản doanh Trung dũng.

Giờ thìn, tháng giêng, núi Hùng Vương sứt hơn 20 trượng.

Khi ấy, quân lính tam phủ không vừa lòng với chúa, lại âm mưu lập Hoàng thái tôn lên ngôi vua, tôn vua làm Thái thượng hoàng, bỏ chúa, đoạt quyền họ Trịnh.

Quân tam phủ lấy cớ vào nội điện để báo tạ việc sắc phong, mật tâu xin lệnh chỉ của vua Lê. Việc bị phát giác, chúa ủy cho tào sĩ Nguyễn Triêm (1) quản đội. Nhưng nhất đi bắt được 7 người thủ mưu. [Triều đình] bàn xét nếu đem giết hết sẽ gây ra biến loạn, nếu

(1) *Nguyễn Triêm* : người xã Phú Đa, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

không giết thì không lấy gì răn đe được, muốn trước tiên đem chém một hai tên gian ác đầu sỏ để dần dần ức chế tính kiêu ngạo [của chúng]. Lúc bấy giờ, trong triều đình có thượng thư bộ Lại Nguyễn Khánh, quản Trung uý cơ Nguyễn Khuông mới được cất nhắc, vốn ghét quân sĩ không phục mình, đã viện nghị định của triều đình, chiếu theo luật : “Lén vào hoàng thành” xử tội chém chết để răn quân lính.

Khánh làm tư giảng cho chúa, Khuông là cậu chúa, người làng Thạch Hà, huyện Long Phúc. Vào năm Canh tý [1780], vì có liên can tới thể tử nên bị bắt giam. Đến khi chúa lên ngôi, được vọt lên ở vào địa vị quyền quý. Khánh, Khuông đều không có tài năng danh vọng nhưng lại thích tự ý mình, xử sự thô bạo, người hiểu biết cho đó là nguy hiểm. Được sáu ngày, quân sĩ lại gây bạo loạn, họ gào thét xông thẳng vào phủ chúa tìm giết bọn Khánh, Khuông. Khánh trốn về trấn Sơn Tây, Khuông nấp mình trong phủ chúa. Mẹ chúa là Dương Thị bước ra phủ đường khóc kêu xin tha cho Khuông ; chúa lại cho nhiều tiền bạc để chuộc cho cậu, quân sĩ mới chịu giải tán, trở về đập phá nhà riêng của Khánh, Khuông. Hôm sau [quân sĩ] lại đòi đem Nguyễn Triêm giết đi để hả giận riêng. Chúa không còn cách nào nữa, vội Triêm đến, lấy lời lẽ yên nước, yên nhà mà dụ bảo, lại cho dân một xã thờ cúng, ruộng thế nghiệp 30 mẫu, rồi sai Triêm ra để chịu chết.

Khản cùng với em là Nguyễn Điền ở trấn Sơn Tây bí mật dâng tờ khải lên
chúa xin mộ nghĩa sĩ tứ trấn để giết kiêu binh, dẹp hết thói kiêu căng [của chúng],
Chúa nghe kể ấy, ban chiếu cho dân tứ trấn cùng nhau tụ tập làm lính, gặp
người Thanh Nghệ là mắng nhiếc. [Như vậy] sớm muộn thế nào cuộc xô sát
cũng bùng ra.

Khi ấy huấn đạo Bùi Dương Lịch đi chơi ở Trường Yên trở về quê, có bài ký
sự rằng :

*Sóc sụy tiêu tao tuyết vũ phân,
Nan tương thử ý vấn đông quân.
Biên thành hà sách đoàn dân ngũ,
Long miếu vô quyền thúc loạn quân.
Lữ kế bách tiền tư bất mị,
Ngoa ngôn thôi hậu thính như phần.
Nam quy tự tín càn khôn khoát,
Tùng Lĩnh, Nam Sơn đa bạch vân.*

Dịch nghĩa :

Gió bắc thổi mưa rơi như tuyết trông cảnh tiêu điều.
Khó đem ý ấy hỏi chúa xuân.
Nơi biên thành có kể gì đoàn kết quân dân.
Triều đình không còn quyền hành để kiềm chế loạn quân
Mưu kế của kẻ kờ khách bức bách không sau ngủ được.
Nghe lời ngoa truyền dục phía sau mà lòng như lửa đốt.
Trở về nam tự tin trời đất rộng.
Núi Tùng Lĩnh, núi Nam Sơn phủ nhiều mây trắng.

Đoan Nam vương mưu cầu mọi kế sách, thấy có câu “Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong” (vua Lê còn thì chúa Trịnh còn; vua Lê mất, chúa Trịnh cũng mất). Chúa lấy làm lo lắng.

Ban sắc chỉ xuống cho các xứ mở khoa thi hương. Huyện lớn trước lấy 70 “cử tri”, [nay] lấy thêm thành 100; huyện nhỏ trước lấy 50 “cử tri”, nay lấy thêm thành 70. Hạng sảo thông, hương cống cũng lấy thêm.

Ngày tháng 11 năm đó, khi đang thi, có một ngôi sao lớn rơi xuống hồ kinh thành, tiếng kêu to, mặt nước bốc khói, cá chết hết. Quan tư thiên tử rằng sao hỏa rơi. Coi điềm đó đoán rằng: “Vận văn suy đồi, sĩ phu bị khuất nhục 30 năm”.

Giáp thìn, năm Cảnh Hưng thứ 45 [1784].

Quân lính phá doanh thự của Tán quận công (1).

(1) *Tán quận công* : tức Nguyễn Khản.

Khi đó quân lính kiêu căng lắm, hội họp bè đảng, vào nơi thượng điện, quỳ tâu bày công giúp hoàng tôn xin ban thưởng. Vua sai quan Hữu tư đề đạt việc đó sang phủ chúa để bình nghị ban thưởng. Tán quận công nói rằng : “Không chém thì không thể nghiêm chỉnh được”. [Bấy giờ] bắt được 5 tên đầu sỏ giao cho Viên lãnh hầu đem đi chém. Thế là quân lính liền phá dinh thự của Tán quận công và Viên lãnh hầu . Tán quận công lánh về Thái Nguyên, Viên lãnh hầu chạy lên Kinh Bắc. Quân sĩ liền vào phủ tâu trước mặt chúa, kể công, chúa giao cho quan chức Ngũ phủ bàn xét, ban thưởng đặt biệt. Tất cả quân sĩ trong ngoài, mỗi người được thưởng một đạo khám hợp, một đạo bách hợp để họ yên lòng.

Cho Đại tướng Tào Sĩ Cơ đã về hưu trí ở hành cung Phú Xuân lại được ra lưu trấn. Đại tướng Cơ, phó tướng Thế nhận được bức thư giả của Nguyễn Nhạc xin nộp cống quy hàng. Khi đó quân sĩ kiêu căng lười biếng, ngày đêm không chú ý đề phòng. Tào Sĩ Cơ vốn không có tài phòng ngự địch. Lúc ấy, Ngũ phủ có việc về quyền quân lính, tiến sĩ Hồ Sĩ Đống từ hành cung trở về, nhiều lần tâu xin thay tướng khác. Gặp lúc Sĩ Đống mất, việc đó bèn thôi. Tào Sĩ Cơ chuyên lấy việc đồ

dành mơn trớn làm điều nhân, không sửa sang võ bị. Tây Sơn bề ngoài giả bộ đầu hàng, nhưng vẫn tự lập làm Tây Sơn trưởng đặt niên hiệu từ lâu đã có ý đồ nhóm ngó biên cương.

Mở khoa thi hội, cho Nguyễn Du (người Chương Đức) đỗ hoàng giáp và 11 người một người đỗ đồng tiến sĩ.

Thượng thư trí sĩ Nguyễn Bá Lân mất (ông người Cổ Đô, Tiên Phong) (1).

(1) *Huyện Tiên Phong* : nay nằm trong huyện Ba Vì, ngoại thành Hà Nội.

Ất tỵ, năm Cảnh Hưng thứ 46 [1785].

Thánh từ “Dịch” mất. Chúa sai Thùỵ Trung hầu làm Chính đồng lĩnh, Bằng Trung hầu làm phó đồng lĩnh, an táng Thánh từ, xây lăng ở Thanh Hóa.

Bằng trung hầu được tiến cử từ trong quân ngũ coi quân Trung thắng 700 người. Khi về Thanh Hóa, không rảnh để được quân sĩ, thả phóng ngựa và voi phá hủy ruộng dân. Dân đem việc đó tâu lên. Bằng trung thành hầu bị biếm trật, giáng xuống cho coi [một] tiểu đội.

Tham đốc Ban quận công Hồ Sĩ Đống mất, ông là người ôn hòa, bình dị, thi đỗ hoàng giáp, vâng mệnh đi sứ có công. Khi Tĩnh vương còn sống, chưa được trọng dụng, nhưng lòng người đều kính phục đức vọng của ông. Đến thời Đoan vương, ông được thăng vọt lên chức Hành tham tụng. Đến năm Giáp thìn, vì có tang cha, ông xin về [chịu tang]. [Sau] chúa lại triệu vào, trao cho chức quan võ cai quản Tả uy cơ, lại được cử làm án sát đạo Quảng Nam, Thuận Hóa. Sau đó [triều đình] lại triệu về trao cho quyền chính sự trong phủ. Đến khi ông ốm, chúa thường sai người thăm hỏi và ban cho chức tham đốc, lại ban cho tước Ban quận công. Khi ông mất, được tặng làm thượng thư bộ Hành

Quân lính các doanh cơ thuyền, đội ở kinh không ai là không thương sót. Ông Bùi Hành tham tụng có bài văn tế rằng :Bạn cũ là Bích nay nghe tin ông mất [trong lúc] sắp

quay trở về Nghệ An, đem đến bó cỏ tươi(1) khóc tiễn ông : Kẻ sĩ đạ phu có văn
học, có đức độ, có phẩm vọng như ông ít lắm. Tất cả những bậc trước tôi, sau
tôi, bên tả, bên hữu

(1)Bó cỏ tươi : xưa có một người chết, người bạn mang một bó cỏ tươi đến để trên bàn
thờ rồi về, có người hỏi, ông trả lời : “Sinh sơ nhất thúc, kỳ nhân như ngọc” ý nói phẩm giá con
người ấy cao quý.

tôi dạy bảo tôi những điều tôi chưa biết được, [liệu] mấy người? Người bạn
đồng hương tự Ban Dương Hồng Cách có bài thơ khóc ông :

*Tuế tại long xà quả bất khi,
Khốc công hữu lệ khả vô thi,
Song nguyên tuần trạc thăng đẳng khoái.
Nhị phẩm liên siêu tể ngộ kỳ,
Sứ tiết tam đông quan thượng quốc,
Nhưng mao nhất độ thí nam thù.
Thế gian nan sự thành đô tận,
Sinh dã vinh hề, tử diệt nghi*

Dịch nghĩa :

Năm thìn, năm ty, quả là không sai,
Khóc ông rơi lệ, há không có thơ,
Hai lần đỗ đầu, thăng chức nhanh chóng.
Liên tiếp thăng tới nhị phẩm, gặp duyên hội ngộ,
Cầm cờ tiết đi sứ 3 năm xem cảnh thượng quốc (1)
Một lần cầm quân gìn giữ nơi biên thù phương nam.
Việc khó trên đời ông đều hoàn tất,

Sống đã vẻ vang, chết thỏa nỗi lòng.

Tháng 5, ngồi trên mái nhà đại bác bảo long bỗng vô cớ sụt xuống, làm chết mấy người tránh nắng.

Phó tướng Phan quận công mất, được phong làm Phúc thần anh dũng hoàn bại tối linh đại vương.

Khi đó kinh kỳ và tứ trấn gặp nạn đói.

Tháng 6, mùa hạ, sao Chổi xuất hiện đầu phương đông, đuôi kéo dài tới phương tây bắc.

(1) Chỉ Trung Quốc.

Trước kia, năm giáp ngọ, tướng sĩ Trịnh đánh dẹp Phú Xuân ở phía nam, trong phủ chúa Nguyễn có hai con trâu đá của tây nam giống trâu thật. [Quân sĩ của chúa Trịnh] đem về Trường Yên đặt trong chùa Tiên Tích. Đến tháng 4 năm đó, trâu đá tự nhiên kêu rống lên suốt mấy đêm. Quả là linh nghiệm. Phủ chúa sai quân kéo đi, đập ra nung thành vôi vút xuống sông.

Có người làm bài văn tế giễu bằng quốc âm.

Khảo bình có nói : Sách *Xuân thu* ghi chuyện đá biết nói ở nước Tấn; Ngụy Du ghi điều kỳ lạ đó. Vậy thì chuyện trâu đá này biết kêu. Cũng là diễm biến dị, không phải là ngoan truyền. Còn như nói đá biết ngâm thơ thì e đó là ngoan truyền.

Bính ngọ, năm Cảnh Hưng 47 [1786].

Ngày mồng 1, tháng giêng nhật thực, mưa to, trời tối sầm.

Trước đây, lính Ngũ phủ có công tôn phò, chúa Trịnh đều ban sắc lệnh theo ý muốn của họ. Vì vậy họ ngày càng kiêu căng can rỡ. Lúc này chỉ còn có thượng thư tham tụng tiến sĩ Bùi Huy Bích đứng đắn đứng lại trong triều đình, còn các người

khác đều sợ bọn kiêu binh phá hại, bọn quân lính càng tung hoành hống hách, người các thôn xã ai cũng sợ hãi tránh mặt.

Tháng 5, tại Phú Xuân, đại tướng Tào Sĩ Cơ cho là vô sự, mặc sức dong chơi bày đặt ra hội hè phù phiếm xa xỉ, lập các đàn chay lớn, mở hội đàn tràng tụng niệm bảy ngày bảy đêm. Hội chưa xong thì Tây Sơn Nguyễn Nhạc cho em là Nguyễn Huệ làm nguyên soái, thân thần Nguyễn Chỉnh làm hữu quân, đem hết quân thủy bộ tiến đánh Thuận Hóa. Ngày 18, Huệ và Chỉnh dẫn quân ập đến, vây đánh mạnh cả bốn

phía, Đại tướng Cơ, phó tướng Thế hoảng hốt ra trận, quân hai bên đánh nhau dữ dội, hai tướng bị phục kích, đều chết trận. Ngày 20 thành bị hãm. Hiếp mưu Nguyễn Trọng Đang (1) cũng tự sát. Toàn quân bị tiêu diệt.

Khi ấy những người Thanh Nghệ bị thiếu đói, vào Phú Xuân kiếm ăn đều bị hại, thây chết đầy khe, Thuận Hóa, Quảng Nam đều thuộc về Tây Sơn.

Ngày 24, tin từ biên giới báo về, đình thần bàn việc sai tướng đem quân vào cứu viện, bàn kế bảo vệ các trấn và canh giữ ven biển. Nội giám là Quyến được Đoan vương tin cẩn, xin cho con nuôi là Mãn làm thống lĩnh, đình thần bác đi bác lại (ba bốn lần) vẫn chưa quyết định. Quân sĩ quen thói kiêu căng, vốn sợ chinh chiến, đòi tiền đòi lương, chần chừ không tiến quân. Vì thế viện binh mãi không tới. Và chẳng xưa nay biên cương có điều nguy cấp, thì tuy không có việc gì xảy ra, cũng phải có tin báo ngay địch tình, [thế mà] cả tuần vẫn bất tin tức. Trong kinh đô đã lo sợ xôn xao, bậc đại thần có người đem gia quyến ra ngoài để tính kế rút chạy. Do vậy tình hình đổ sụp không thể cứu vãn được nữa.

Huấn đạo Bùi Dương Lịch đang ở kinh, thấy tình cảnh này có làm bài thơ rằng :

*Nam lai nhất kỵ địch trần phi.
Quốc thế biên tình vị khả tri,
Tuệ giới bất linh biên tướng cấp,
Thái a ký đảo viện binh trì
Thùy đầu Ban lão phong hầu bút,
Bất kiến phùng quân thoái lỗ thi,
Vô kế ưu thiên hoàn tự tiếu,
Khu khu vẫn mặc quả hà vi.*

(1) Nguyễn Trọng Đang : người xã Trung Càn, huyện Thanh Chương, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu [1769].

Dịch nghĩa:

Một con ngựa chạy trạm tung bụi từ phương nam phi tới
Thế nước và tình hình nơi biên cương chưa biết thế nào
Phật chùa không thiêng [nên] tướng [cầm quân] nơi biên
thùy nguy cấp

Gương Thái A cầm ngược cán nên viện binh chậm trễ.
Ai ném bút [tòng quân] được phong hầu như Ban lão (1).
Không thấy thơ đuổi lui giặc của Phùng Quân (2)
Không mưu kế nào mà lo trời [sụp] chỉ tự cười mình,
Bo bo với sách vở thì làm được gì.

Ngày 3 tháng 6, nhà trạm Nghệ An nhận được thư cụ thể về tình hình thất thủ Phú Xuân. Triều đình giữ kín không nói ra, nhưng lời ngoài đường sá phao đồn, lòng người dao động. Khi ấy gió đông nam thổi mạnh suốt ngày đêm không ngớt, “giặc Liêu” ở Hải Dương, “giặc Thục” ở Kinh Bắc tung hoành, Ở miền đông nam quân

triều đình đi đánh nhiều lần không thắng, tình thế trong nước trống rỗng, lòng người không còn là chỗ trông cậy. Đình thần bàn bạc đều cho Thanh Hoa là nơi có lăng tẩm, lại hiểm trở có thể dựa được nên sớm xếp đặt giữ gìn phòng ngự. Nhưng chúa bị mê hoặc lời của Nguyễn Khản, chỉ chú ý tới trấn Sơn Tây, triều đình thắng thốt cũng không nghĩ đến đất căn bản, các trấn tướng ít, quân yếu lại kiêu căng, không thể dùng được. Việc nước hỏng cả.

Khi đẩy trấn Nghệ An đương khảo hạch học trò, mới được kỳ đầu, thì nghe Nguyễn Chỉnh dẫn quân Tây Sơn từ đông nam tới, đánh úp doanh Phú Xuân, cả xứ Nghệ An sợ hãi. Quan ở trấn nhân đẩy đình việc khảo hạch.

(1) *Ban lão* : Chỉ Ban Siêu người thời Đông Hán, khi nhỏ viết thuê nuôi mẹ, sau bỏ bút đi tòng quân, lập công lớn. Vua Hán phong tước Định Viễn hầu. Tuổi già ông mới về.

(2) *Phùng Quân* : Phùng Chương người đời Tống, do văn chương được thăng quan chức.

Nguyễn Chỉnh nói với Nguyễn Huệ rằng : “Việc binh quý ở chỗ thần tốc, cái thế mạnh như chẻ tre không nên để lỡ” Huệ cho ý đó là phải, bèn dẫn quân thủy trên một trăm thuyền theo chiều gió vào đánh phá thành Thăng Long. Thuyền đến cửa Hội [thuộc Nghệ An], trấn thủ là Bùi Thế Toại bỏ trấn chạy, thuyền đi như vào nơi không người. Quân đi đến đâu như gió lướt đến đó, không ai dám chống cự. Nguyễn Tiến Phúc tiến quân theo đường bộ, tự xưng hoàng đế, nêu niên hiệu là năm “Thái đức thứ 9”. Treo bài hịch để phỉnh lừa thiên hạ. Lời hịch rằng : “Sinh dân phải nuôi dân làm trước. vậy hoàng thiên dựng đấng quân sư, gặp loạn đánh dẹp loạn mới xong, ấy vương giả có phen binh cách. Hội thuận ứng thế đừng được chữa; việc chinh tru lòng khá muốn ru. Đây cầu khí trời Nam, vốn dòng dõi họ Nguyễn. Nhờ lộc nước phải lo việc nước, đòi phen Trương tử giả ơn Hàn (1), ăn cơm vua nên nhớ nghĩa vua, chi để Tào Man nhòm vạc Hán (2). Giận quốc phó ra dòng bội thương, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương. Trước là ngăn cột đá giữ dòng, kéo đảng nghịch đặt mưu ngấp nghé, sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân sa chốn lầm than. Ví lòng trời còn nề nếp Phú Xuân, ắt dấu cũ lại cơ đồ Hữu Hạ(3). Nào biết

tội đời có bảy(4), giặc họ Trương toan phiến biến mười tuần,; bỗng xui thế nước
nên ba, tôi nhà Hạ phải thu hồi hai nước(5), Thế bạng duật (6) đang

(1) *Trương tử* : tức Trương Lương bề tôi nước Hàn, vì vua Hàn mà diệt Tần và Sở.

(2) *Tào Man* : tức Tào Tháo tự là A Man, làm thừa tướng cho Hán Hiến đế, tính gian hùng luôn
nhòm ngó ngôi nhà Hán.

(3) *Nhà Hạ* : Một trong ba triều đại của 3 thời thượng cổ Trung Quốc (Hạ, Thương, Chu).

(4) Làm vua bảy đời. Theo *Nam hà tiếp lục* đến Nguyễn Phúc Khoát, có câu sấm “Nam hà hữu
thất thế hoàn trung đô” (Nam hà sau bảy đời trở nên trung đô) ý nói chúa Nguyễn chỉ được yên
ổn trong bảy đời.

(5) Bề tôi trung thành phải có nhiệm vụ thống nhất đất nước.

(6) *Bạng duật* : con trai và con cò (chỉ chúa Nguyễn Phúc Thuần và Tây Sơn).

còn đối mặt, thói (1) đường lang (2) sao khéo lẳng tai. Ngoài mượn lời cứu viện làm
danh, dân kinh loạn (3) ngõ binh diều phật, trong cưu cưu (4) thừa nguy để dạn, chốn
thừa bình nên nổi lưu li. Cung đài thành quách phá lằng lằng, súng ống thuyền
bè thu thủy thủy. Cơn gấp khúc chẳng thương lòng ngoại tộc, đã cùng rừng đuối thú thời
thôi, dấu dưới rờn còn nhớ đức tiên quân, lại khoét lỗ bừa sâu sao nử ? So chữ
bạo, lửa nồng quá Hạng (5), dò lòng người, nước chảy về lưu (6), Chúng điều tàn mong
cờ nghĩa về đầu, khiến quân số một ngày một thịnh, dân cơ cận cảm lòng nhân ngóng cổ,
nên binh uy càng thánng càng thêm. Quảng Nam đã quét sạch bụi nhơ; Thuận Hóa
lại đem về bờ cõi. Nam một giải tằm kinh phẳng lặng, cơ thái bình đứng đợi đã gần, bắc
mấy thành chăm nhận (7) chưa yên, bề cứu viện ngồi xem sao tiện? Cảm công đức
vua Lê dấm phệ; lộng quyền hành họ Trịnh khó nghe (8). Ngôi hoàng đế đặt
không, há nước thấp (9) lung lao lấy trịch

(1) Nguyên *phú* bản viết chữ “gió” (51*) chúng tôi theo *Quốc âm* chữa thành “thói” (52*).

(2) *Đường lang* : con bộ ngựa : ý chỉ họ Trịnh đứng ngoài nghe ngóng xem nhà Nguyễn và
Tây Sơn đánh nhau.

(3) Dân trải qua loạn lạc.

(4) *Cưu* : cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn. Ở đây tác giả tố cáo họ Trịnh mang danh đi
cứu giúp nhà Nguyễn nhưng nhân lúc nhà Nguyễn gặp cơn hoạn nạn mà đánh cướp lấy.

(5) *Hạng* : tức Hạng Võ, vua nước Sở

(9) Chỉ quân đội đánh đâu được đấy.

(10) *Sông Mạnh* : nơi vua nhà Chu họp chư hầu đánh vua Trụ.

(11) Vũ vương nhà Chu.

(12) *Đất Quan* : tức đất Quang Trung, nơi Hán Cao Tổ đánh Tần.

Hán Hoàng (1) quyết chí lấy nhân đối bạo. Sắp sửa vốn nguyên lòng thực, vỗ về phải ngỏ lời ngay. Chữ “hướng minh” phải mượn ai suy, thương sĩ nữ huyền hoàng(2) là thế; máy “trợ thuận” hẩn nhiều kẻ biết, Tần lại dân ngu tửu nữa ta (3) (4). Ai biết suy lẽ phải, quyết một lòng “Hạ chúng hề tô (5); ta chi phụ dân lành, ắt bõn chữ thu hào vô phạm. Thối bại bạn chớ quen như trước; phúc thái bình đều hưởng về sau. Nước triều đông ví chẳng thuận lòng, lại cự cường dám giơ tay chẵn; lửa cháy, đá nhỡ hòa lằm ngọc, dù hiền ngu khôn lọt lưới trời. Ổn với uy ngổ cáo lời hằng; thuận hay nghịch mặc lòng ai quyết”.

Ngày 24, tháng 6, thuyền “ngự” xông thẳng vào vây hãm trấn Sơn Nam. Chúa triệu Thạc quận công Phùng Cơ, người Vân Cốc, trấn Sơn Tây vào hộ vệ.

Ngày 25, chúa ra ngoài Tây Long, lên lầu Ngũ Long xem quân đội. Quân hộ vệ rất nghiêm.

Chính thần Trương Đăng Quĩ (6) và Lý Trần Quán (7) (người Vân Canh) đều xin về quê chiêu tập quân cần vương. Quan quân sĩ thứ dân trong thành chạy ra khỏi thành đầy đường.

(1) Hán Cao Tổ.

(2) Huyền hoàng : tức lụa đen, lụa vàng. Khi Vũ Vương nhà Chu đánh vua Trụ, sĩ nữ nhà Thương đem lụa đen lụa vàng ra đón quân đội nhà vua.

(3) Khi Hán Cao Tổ đánh Tần, dân nhà Tần đem trâu, rước khao quân đội nhà vua.

(4) Theo Quốc âm phú còn có câu : “Tuy rằng uy đẳng định vốn nhơn nhơn, song cơ dạ nổi hằng hoài đau đầu”

(5) Hạ chúng hề tô, Kinh thư có câu : “Hề ngã hậu, hậu lai kỳ tô” (đội vua ta, vua ta đến cứu sống ta). Ý muốn nói nghĩa sỹ đem lòng cứu vớt dân khỏi lằm than.

Ngày 26, quân Tây Sơn đến bến Thúy Ái, huyện Thanh Trì; quân cơ Tiền trạch là Ngô hầu (1) tử trận. Quân Đinh Tích Nhưỡng (2) hơi núng, quan quân thua trận.

Đoan Nam vương chạy về trấn Sơn Tây, kinh thành thất thủ.

Lính thua trận tùm tùm hàng trăm nghìn đám, tay cầm gương giáo, trông thấy mấy trẻ chăn trâu chạy đến, hốt hoảng không biết làm thế nào, vút hết đồ đạc bỏ chạy. Đến làng bên, gặp người đi đường cùng nhau cướp đoạt. Đường xá vắng tanh.

Nguyễn Chính nghe lời xưa có câu : “Hổ tự tây sơn xuất, long tòng đông hải lai” (nghĩa là : hổ từ núi phía tây ra, rồng từ biển đông đến”. Chính người Đông Hải lấy làm đắc chí.

Đêm ấy Bùi Dương Lịch tránh loạn ở thôn Phùng Quang, huyện Từ Liêm, mộng thấy một người đọc một bài thơ. Câu đầu là :

Kiểm châu nhất đán khuếch thiên thanh (Kiểm Châu một buổi sáng bỗng nhiên trong), hỏi về đất Kiểm Châu thì nói : “Đến ngày nào nước Kiểm Châu trong, phẳng lặng như ao, sẽ sinh ra bậc thánh nhân). Câu thứ tư : “Đồng thi tứ phương

.....

(6) *Trương Đăng Quỹ* : người xã Thanh Nê, huyện Chân Định, tỉnh Thái Bình. Ở đây chép xin về quê chiêu tập quân cần vương. Có lẽ như vậy không đúng. Sự việc này sách *Hoàng Lê nhất thống chí* chép Nguyễn Noãn người Vân Điem, còn Trương Đăng Quỹ xin về quê mộ quân mưu giúp Chiêu Thống khôi phục nhà Lê sau khi bị Tây Sơn đánh bại cùng với 10 vạn quân xâm lược Mãn Thanh.

(7) *Lý Trần Quán* : người xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, ngoại thành Hà Nội, đỗ tiến sĩ khoa Bính tuất [1766].

(1) *Ngô hầu* : tức Ngô Cảnh Hoàn.

(2) *Đinh Tích Nhưỡng* : người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Hưng.

bảo quốc chinh” (tên đồ nay đương bảo vệ việc chinh phạt trong nước). Câu thứ bảy : “Kiếm Hoàn ma đảo tương hà nhập” (đặt ngang kiếm mài ngược sẽ dùng vào đâu). Ngoài ra không nhớ nữa. Nhân đây có bài thơ rằng :

*Phân loạn thời nhân tối khả thương,
Chiêu thê Hà Liễu, mộ Phùng Quang.
Phong hàm chiến hưởng suy thanh bạo,
Thử đái binh phong diễm khí hoàng.
Kỷ ẩn thập niên, nho trách trọng,
Phần du thiên lý khách hoài mang.
Thùy nhân báo đắc Kiềm Châu cú,
Tằng thực nhân gian kỷ độ lương.*

Dịch nghĩa :

Người trong thời buổi rối ren rất đáng thương,
Sớm nương Hà Liễu, tối Phùng Quang.
Gió lẫn tiếng chiến trận, thổi dữ dội,
Nắng theo lửa binh đao, hơi hùng hực.
Mười năm đèn sách trách nhiệm nhà nho nặng,
Quê hương xa nghìn dặm, lòng người khách nhớ mong
Ai người đáp được câu thơ “Kiềm Châu”
Từng nấu chín mấy nồi kê (1) trên đời này.

Trận Thúy Ái, Ngô hầu không trở về nữa. Vợ là Thị Huấn đến nơi chiến địa, phát tang và lập đàn cúng tế, khóc than hết sức ai oán, rồi tự gieo mình xuống sông tự (vẫn) tử. Người đời sau có thơ viếng rằng :

*Phụ tử ư phụ thần tử quốc,
Ngọc tinh ưng hữu thánh triều dương*

(1) Câu này muốn nói đến giấc mộng hoàng lương của anh Lư Sinh. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi (nồi kê nấu chưa chín) đã hiện lên cả sự giàu sang phú quý trong quãng đời 50 năm của anh học trò nghèo.

Dịch nghĩa :

Vợ chết theo chồng bề tôi chết vì nước,
Tấm lòng nêu giá ngọc xứng đáng với sự biểu dương
của triều đình.

Lại có bài thơ khác rằng :

Tòng nhất nhi chung thệ bất phân(1)
Cổ kim liệt phục hứa thùy luân.
Nhị hà phong trích cương thường lệ,
Thúy Ái ba đào tiết nghĩa thân.
Kích trọc nhất thời giang hữu sắc,
Lưu thanh thiên cổ thủy vô trần.
Khả liên tam bách dư niên quốc,
Thiên lý dân di nhất phụ nhân.

Dịch nghĩa :

Theo chồng đến lúc chết thề không sai lòng,
Nhưng người đàn bà nghĩa liệt xưa nay mấy ai
sánh kịp,
Chiến trận trên sôngnhị làm rơi giọt lệ cương thường,
Sóng gió bến Thúy Ái (2) giữa trọn tấm thân tiến nghĩa.
Khúc sông có khí sắc đã kích lệ được những kẻ ô trọc
trong một thời.
Cái chết đó phơi trong dòng nước muôn thừa, không
bụi trần
Thương thay triều đại hơn 300 năm ấy,

[Giữ được] đạo trời, đạo người chỉ là một người đàn bà.

Trước đây quân Tây Sơn đến Vị Hoàng (3). Hữu quân Nguyễn Chính là người Nghệ An, người cả nước đều biết, có

(1) Lịch triều tạp kỷ chép : “ Thệ chí tông phụ nghĩa bạc vân”

(2) Bến Thúy Ái : ở địa phận bãi Thúy Ái, huyện Thanh trì.

(3) Vị Hoàng : tên xã thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh

người ngầm đến yết kiến, Chính thường nói là phù Lê diệt Trịnh. Khi ấy chính quyền của nhà vua không còn kỷ cương gì nữa. [Triều đình] hoang mang không biết trốn tránh vào đâu nghe được tin này, bèn đóng cửa khoanh tay mà thôi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Chính dẫn quân vào thành, phá tan phủ chúa, triệt hạ lầu Tây Sơn, rồi sau đó vào diện yết kiến [vua Lê], tâu bày ý phù lập chính thống, rồi triệu các quan văn võ vào chầu, mở kho Thạch Viên lấy của cải [phát cho dân] trong kinh kỳ. Phàm bố cáo [các việc] trong nước đều dùng ấn “ngự tiền chi bảo”(1). Duy quân lệnh của Tây Sơn thì dùng riêng ấn “Phụng thiên phạt tội” (2). Nhà cửa trong kinh thành có cái nào còn sót lại thì viết chữ “Nội diện gia thần” (3) hoặc “Hữu quân gia thuộc” ở ngoài cánh cửa để đề phòng khỏi bị cướp bóc. Quân lệnh của Tây Sơn nghiêm ngặt không ai được tơ hào một tý gì [của dân], nhưng phá sạch cung khuyết họ Trịnh, lấy hết của cải trong kho. Đoan vương chạy đến [làng] Hạ Lôi thuộc Văn Lãng. Trần Quán (4) sai học trò của mình người làng Vân Diêm đến đón. Quân Tây Sơn đuổi kịp. Dân có kẻ tên là Tuần Trang phản chúa, người Vân Diêm biết sự tình không thể làm gì được, tranh nhau với Tuần Trang, bức chúa dâng cho Tây Sơn để lấy công.

Trần Quán nói : “Ý thần vốn muốn đón chúa, không ngờ trở thành hại chúa”, liền tự mổ bụng (4) trước mặt chúa để tỏ lòng trung thành, Chúa cũng tự vẫn chết. Quân Tây Sơn chở thi hài chúa về.

(1) Báu vật của vua.

(2) Vâng lệnh trời trị kẻ có tội.

(4) Lý Trần Quán không mổ bụng, mà tự nằm vào áo quan rồi nhờ chủ nhà đẩy nắp áo quan đem chôn.

Thành ngoại thành trung hã kiến văn,
Ngôn thù, phục dị nhất ban tân.
Khi thiên, thử bối thành vô sỉ,
Hô phụ y thùy mạn tổ thân.
Thiên cố y quan thành thổ tử,
Bát vương miếu hiệu tại phong trần.
Càn khôn cử mục sơn hà dị,
Bất kiến tân đình sái lệ nhân.

Nói năng, ăn mặc hoàn toàn mới lạ.
 “Bọn ấy” dối trời thực không thấy nhục,
 Ai gọi là cha để dần làm thân [với họ].
 Nơi áo mũ ngàn xưa thành ra cỏ rác,
 Miếu hiệu tám đời chúa trong làn gió bụi,

Đưa mắt nhìn trời đất non sông biến đổi,
Không thấy người rơi lệ ở Tân Đình.

Khi đó [quân Tây Sơn] gọi quan là tôn ông, gọi lính là “cha”.
Nguyễn Nhạc thấy em là Nguyễn Huệ đóng lâu ở Thăng Long, lo rằng quân đơn
độc vào nơi đất khách, sợ có biến cố

khác; lại dẫn hơn vạn quân bộ và một trăm thớt voi tiến thẳng ra Thăng Long để
tiếp ứng. Vua [Lê] ra ngoài thành đón tiếp, làm nghi lễ hai nước đón tiếp nhau. Nhạc
cũng nói một niềm tôn phò nhà Lê, xin kết làm thông gia để giữ tình hòa
thân.

Tháng 7, vua Lê tấn phong Nguyễn Huệ làm Đại nguyên soái phụ quốc chính,
gả công chúa Ngọc Hân. Vua ốm từ lâu, đến đây bệnh tình nguy kịch. Ngày 17,
mưa to gió lớn suốt đêm, trong thành nước ngập một thước. Hôm sau
vua mất, lo liệu việc khâm liệm năm ngày thì xong. Ngày 25 [triều đình] rước
quan tài xuống thuyền đưa về Thanh Hoa, táng ở lăng Bàn Thạch, dâng miếu hiệu
là Hiến tông Vĩnh Hoàng đế.

Hoàng Thái tôn Duy Khiêm (1) lên ngôi, đổi tên là Tư Khiêm, đại xá, đặt năm sau
là năm Chiêu Thống thứ nhất.

Ban dụ rằng : May nhờ được vương thượng quý quốc đặc sai Đại nguyên soái
phụ chính thượng công đem binh từ xa đến, nói rõ công tôn phò họ Lê. Nay bố cáo
cho thiên hạ [đều biết] :

Tháng 8, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ dẫn quân lính và voi trở về nam. Khi đó
của cải trong kho tàng đều bị quân Tây Sơn thu hết không sót một mảnh đồng,
một tấc sắt, cùng mọi thứ chất đầy xe chở về nam.

Cho Hữu quân Nguyễn Chính giữ Nghệ An để phò giúp Chiêu Thống.

Khi ấy, từ Thanh Hoa trở ra, vua Chiêu Thống đã sai quan trấn giữ, chỉnh đốn
kỷ cương của triều đình.

Quân Nguyễn Nhạc đóng ở hành cung Nghệ An. Nguyễn Huệ từ lâu đã nghe tiếng La Sơn tiên sinh, sai hai viên

(1) Tên khác nữa là Duy Kỳ

quan Đại tư đồ, Đại tư mã đến La Sơn đón tiên sinh Nguyễn Thiếp. Huệ đối đãi theo nghi lễ bậc thầy. [Huệ] hỏi rằng : “ Hiện nay, thiên hạ bị chia cắt, đến bao giờ thì bình định được?” [Nguyễn Thiếp] thưa rằng : “Trong nước có loạn lớn, thiếu bậc anh hùng. Người có thể bình định được phi tướng quân thì còn ai nữa?”. Huệ im lặng, sai người đưa tiên sinh về nhà (1).

Tây Sơn danh nghĩa nói là tôn phù nhà Lê, nhưng vẫn chia quân đóng đồn giữ đất Thanh Nghệ, thực ra là kế lấy dần nhà Lê.

Từ đó các bề tôi cũ nhà Lê đều bỏ đi ẩn náu nơi rừng núi, tụ tập binh lính khởi nghĩa, cùng lo việc nước. Khi đó có người ở Đặng Điền, huyện Chân Lộc là Phạm Vĩ Khiêm đem hơn trăm đồ đệ đến Thanh Chương, Cát Ngạn truyền hịch, [khắp] quận huyện đều kể tội Nguyễn Chỉnh, xưng nghĩa cần vương. Quân vừa tụ tập thì Vĩ Khiêm ốm chết. Lại có người ở Đồng Môn, Thạch Hà là Nguyễn Tiến, cùng với các bậc kiệt biệt trong những người thổ hào nhiều lần mai phục bên đường chặn giết quân Tây Sơn. Tiến dũng cảm hơn người, quân Tây Sơn sợ [Tiến] như hổ. Sau Tiến bị chết trận.

Chỉnh trở về chiếm cứ Nghệ An, điểm dân bắt lính, liệu tính các nhà giàu [đóng góp] lương thực, lấy danh nghĩa giúp vua Lê khởi sự. Thổ hào nhiều người hưởng ứng. Thế của Chỉnh ngày càng mạnh.

Nguyễn Nhạc đem quân trở về thành Quy Nhơn, cho người em thứ hai là Đông định vương, giữ mặt nam, người em thứ 3 là Nguyễn Huệ làm Bắc bình vương đóng ở Thuận Hóa.

(1) Theo *La Sơn phu tử* của Hoàng Xuân Hãn thì lần mời La Sơn phu tử lần thứ nhất, Nguyễn Huệ sai một quan bộ Binh, một quan bộ Hộ mang vàng, lụa đến núi Thiên Phận mời Nguyễn Thiếp, từ chối không xuống núi.

Tháng 9, bề tôi cũ nhà Lê, trấn thủ Nghệ An là Bùi Thế Toại khởi binh ở Vân Trục, [huyện] Đông Thành. [tỉnh Nghệ An] chống lại Nguyễn Chỉnh. Toại dựa vào địa thế, xây đắp lũy tự vệ. Chỉnh đem bọn tướng hiệu Lê, Thái Đồ Tuyền, đến đánh tan quân của Toại (Lê là cháu xa dòi của Thái Nguyên quốc công) Đồ Tuyền người Vạn Phần.

Ngày 21, tháng ấy, mưa to gió lớn, giờ thìn sấm sét nổ rền như tiếng súng đại bác.

Tháng 10, Nguyễn Chỉnh sai đồ đảng là Nguyễn Như Thái (1) người Nghệ An làm trấn thủ Nghệ An, hương cống là Lê Hằng (người Nôn Hồ) làm trấn thủ Thanh Hoa. Chỉnh lại kéo quân ra Thanh Hoa. Vua Lê không tin, sai tướng chống cự, [Còn sai] làm bài hịch bằng quốc âm kể tội lỗi của Chỉnh. Đại lược có câu: “Chu thiên vương ai chẳng tôn Chu, cứ chi rợ Tây Sơn mượn tiếng, Hán quốc tặc chắc nào vì Hán, cũng bởi tù Đông Hải lấp vây”. Chỉnh dò hỏi bài hịch đó do ký lục thi đỗ hương cống người xứ đó làm ra. [Chỉnh] cho người vờ đến khiển trách rồi đem giết.

Lưu thủ trấn Thanh Hoa là Mãn quận công (2) đánh nhau với Chỉnh ở Bãi Hào bị thua rồi chết.

Khi ấy, lính bảo vệ ở kinh đô không nhiều, chính sự tốt đẹp chưa được thi hành. Dân bốn phương nổi lên như ong, tiếng súng tiếng trống suốt ngày đêm đều nghe thấy.

Cự phò mã người Gia Lâm là Trương Tuân (3), Thiêm đô ngự sử người Lạc Đạo là Trương trọng Tế (4) đem dân

(1) Nguyễn Như Thái : người Thượng Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh, là dòng dõi Cương quốc công Nguyễn Xí.

(2) Tức Lê Trung Nghĩa là hoạn quan, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(3) Trương Tuân : người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội

(4) Trương Trọng Tế : còn có tên là Dương Trọng Khiêm, người Xã Lạc Đào, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa giáp tuất [1754].

Thuận An thuộc Kinh Bắc đón chú của Đoan vương là Trịnh Lệ vào thành lập lên làm chúa. Vua Lê sai vòl bọn Tuân, Trọng Tế nói điều bất kính với sứ giả, vua ra lệnh đem giết, các đình thần tha thiết can, mới thôi. [Trịnh] Lệ trong lòng sợ hãi, không yên, đúng lúc ấy, con trưởng của Toàn vương là Trịnh Bồng từ Sơn Tây về ở làng Nhân Mục, Trọng Tế đem dân Thuận An ra chống cự không thắng được, bèn đem [Trịnh] Lệ vượt sông sang phía Bắc.

Quận Nhượng người Hàm Giang ở Hải Dương là Đinh Tích Nhượng cũng họp bè đảng, đóng ở Hà Bắc xem sự việc diễn biến, nghe tin Trịnh Bồng đến, bèn hội họp với Thạc quận công tôn Bồng lên làm chúa. [Đồng thời] tấu xin đem quân vào bảo vệ. Vua [Lê] đồng ý. Bồng vào bái yết, được vua Lê phong làm Tiết chế thủy bộ chư quân Bình chương quân quốc trọng sự Thái úy Côn quốc công. Bồng đã nhận mệnh lệnh [Đinh] Tích Nhượng muốn viện việc cũ ra để cầu công lớn, đem liêu thuộc vào xin vua Lê phong vương cho Bồng. Vua không nghe, Tích Nhượng bèn dàn bày quân, bao vây cửa cung điện, đặt súng, tuốt gươm. [Tích Nhượng] vào sân điện Vạn Thọ, quỳ phục xuống kiên quyết xin [phong vương cho Bồng] Vua vẫn không nghe. Các vị đại thần trong hàng tôn thất sợ sinh biến, khóc lóc xin vua. Vua miễn cưỡng nghe theo.

Ngày 20, sách phong Trịnh Bồng làm nguyên soái phụ quốc chính Yến đô vương. Tích Nhượng tự phong làm chức Bình chương sự kiêm Đồng tham tụng, làm quan ngự trong cả nội điện và phủ chúa.

[Trịnh] Bồng vốn nhu nhược, thiếu tính quyết đoán. Đối với bề dưới thì bề lên, chính sự đều ở Tích Nhượng ra. Các bề tôi thì so kè chức vị hơn kém, không lo việc nước, chèn ép lẫn nhau, kẻ trong người ngoài dòm ngó nhau. Bọn thủ hạ giữ ban ngày cướp bóc nhân dân ven kinh thành không ai kiềm chế nổi.

Tháng 11, Nguyễn Chỉnh đem quân [hai xứ] Thanh Nghệ vào bảo vệ nhà Vua. Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ biết Trịnh Bồng không đáng phò giúp, nên Nhưỡng về Hải Dương, bị thổ hào Hải Dương uy hiếp, [Nhưỡng] không nổi lên được. Phùng Cơ cũng bỏ về Sơn Tây, Trịnh Bồng tả hữu không người giúp đỡ bèn sang sông chạy về phía bắc. Cơ đem quân đánh [Chỉnh], bị giết. Bồng, Nhưỡng đều bị Tây Sơn giết

Chỉnh vào kinh thành, dàn quân trên bãi cát, vua ngự lên lầu Tây Long nhận triều yết, mọi việc trong nước [vua] đều hỏi [Chỉnh] và thăng [cho Chỉnh] chức Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ tước Bằng công. Phàm những việc phong tước, thưởng công, sắp đặt công việc, phần nhiều theo lời xin của Chỉnh. Bọn cầu cạnh chạy vạy, bám theo hàng đàn.

Vua lên ngôi từ lúc còn trẻ [lại] đang buổi khó khăn, uy đức chưa có bao nhiêu. Chỉnh chuyên quyền đặc ý sinh kiêu căng, không thu dụng được nhân tài tứ trấn để cùng giúp việc nước. Chấp sự Lê Trọng Phiên chỉ e dè nhìn bên nọ, ngó bên kia, không dám quyết đoán. Riêng gia thuộc của Lê [Trọng Phiên] thì muốn sao làm vậy, Vì thế lòng người thất vọng lại cùng nhau phiền động, mượn tiếng đánh họ Lê, khôi phục họ Trịnh, lập đồn tụ quân, bốn phương náo động. Đến khi các trấn tạm yên thì căn bản đã lung lay trước.

Khi ấy, Chỉnh thấy lính mới tuyển vào bảo vệ phần nhiều chưa hiểu chiến trận, nên giải tán cho về làng, rồi theo thể lệ trước, triệu các lính cũ trở lại hàng ngũ. Nhưng bọn lính cũ quen thói kiêu căng, lười biếng, sợ chiến trận, dễ bỏ chạy, người có hiểu biết cho rằng binh cơ rõ ràng không mạnh, thế nước phải suy yếu.

Tháng 12, Nguyễn Chỉnh ở Thăng Long chuyên nắm chính sự, mượn danh nhà vua, sai khiến mọi người, trưng tập

hết quân trong nước lập lại các doanh vệ, chia đồn trấn giữ đặt quan chế, thay đổi luật lệ, cho bè đảng là Nguyễn Thái, Hoàng Tuyển làm tướng, chuyên sai đi đánh dẹp. Tây

Sơn rất nghi ngờ. Chính không tôn trọng đạo Phật, thu hết tượng Phật [bằng đồng], chuông đồng ở trong chùa, quán phá ra đúc tiền.

Năm đó, quan trấn thủ của nhà Lê người địa phương là phò mã của chúa Trịnh, người Tiên Lý, Đông Thành tên là Nha Ca Nao, vì là con nhà thế phiệt được làm quan, nói năng hoạt bát, giỏi văn chương, nhưng không có thực dụng. Khi quân Tây Sơn đến, đương trấn thủ ở Vinh Doanh (1) bỏ chạy lên Đô Lương (2). [rồi lại] về Đông Thành. Khi Hữu quân lưu lại ở Nghệ An, Nao tập hợp quân chống lại không được bèn bỏ trốn lên Kinh Bắc sau về Nam quan.

Xuất Đế, vua là Hoàng Thái tôn, lên nối ngôi vào lúc thế nước khó khăn, binh lực suy yếu, không thu phục được non sông, đến nỗi phải chạy ra ngoài, ở nhờ đất Bắc (3), cho niên hiệu là Xuất Đế. Kẻ hiểu sự tán hai chữ Chiêu Thống rằng : “Nhật bàng đao thượng khẩu, thái thăng hệ nhị huynh” (nghĩa là chữ Chiêu 55* và chữ Thống 56*). Sau vua chạy sang Bắc quốc, Nguyễn Chính bị giết, đều đúng như lời nói ấy

Đỉnh mùi, năm Chiêu Thống thứ 1 [1787].

Mùa xuân, tháng 3, [vua] xuống chiếu cất nhắc những người hiền tài ngay thẳng dám nói, dám can cho vào thi đình làm bài đối sách, cho bọn Trần Bá Lãm (4) hai người đỗ chế khoa xuất thân.

(1) Vinh Doanh : trấn lý Nghệ An.

(2) Đô Lương : tên xã thuộc huyện Nam Đường.

(3) Tức đất Trung Quốc.

(4) Trần Bá Lãm : người Văn Canh, huyện Từ Liêm, ngoại thành

Hà Nội

Tây Sơn sai bày tôi Nguyễn Đĩnh ra Thanh Hoa, Nguyễn Duệ ra Nghệ An, hổ tướng Đức ra Diễn Châu, để làm Trấn thủ. Duệ đóng đồn ở đất Thiên Lộc, thu tre, nứa, cồng, đất, củ nâu, dân bị phiền nhiễu trăm bề [Duệ] còn sai viên quan khám dụng cụ đo lường của nhà giàu. Viên quan đến đình Vũ Liệt viết thẻ bài, báo cho các tổng đến kê khai

nhà giàu, mọi người rung sợ. (Khi ấy, Tây Sơn cho quân mặc áo màu phần nhiều là màu đỏ tía, trên đỉnh nón, mũ đính lông chiên đỏ, lại thường mặc áo gấm màu. Binh khí của họ thường dùng hỏa tiễn, hỏa sào buộc trên đầu ngọn giáo, gọi là hỏa hổ. Khi ấy, ai thấy hỏa hổ và lông chiên đỏ cũng đều sợ hãi bỏ chạy)

Ngày mồng 1, tháng 5, nhật thực, ban ngày trời tối om, các ngôi sao hiện ra. Dân ở ngoài đồng không ai là không kinh sợ bỏ chạy. (Lời bình rằng : Mặt trời phần nhiều khi mới mọc thì nhật thực. Nhưng lần này nhật thực vào lúc buổi chiều tà, đó là vì nhà Lê [làm vua] đã lâu ngày sẽ mất).

Tháng 7, bốn trấn xấp yên, duy Đông Quan (1) chưa hạ được. [vua] sai Hoàng nhị đệ là Điền quận công (2) đến Sơn Nam đốc chiến, lấy Bùi Dương Lịch làm Nội hàn lâm viện cung phụng sứ tham dự việc quân, ủy cho giám sát đạo quân thủy của Nguyễn Trọng Khang. Ngày 30 Trọng Khanh ngầm vào lũy giặc, nổ súng đánh, [giặc] thua chạy, bèn dẹp yên được. Tin thắng trận báo về, [vua] ban chỉ cho Bùi Dương Lịch làm Xuất nạp tùy binh chương sảnh sự, sau bộ lại, lại thăng bổ Thái bộc tự thừa, thự công bộ, [làm] công thần ty viên ngoại lang.

Tháng 10 ngày mồng 5 [vua] ban chỉ cho Bùi Dương Lịch cùng với Nguyễn Du, Hàn lâm viện hiệu lý người Văn Xá (3) biên soạn hộ tịch, kiêm giám phù bảo ấn trong nội điện.

(1)Đông Quan : tên huyện thuộc tỉnh Thái Bình.

(2)Điền quận công : tức Lê Duy Tụ.

(3)Văn Xá : tên xã thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình.

Ngày 13, mở khoa thi hội cho các cống sĩ trong thiên hạ.

Khi ấy, Nghệ An bị Tây Sơn chiếm cứ, người đến thi ít nhất. Cống sĩ các trấn có 1.212 người. Ngày 5, tháng 11, bộ Lễ treo bảng đỗ : trúng cách 14 người Bùi Dương Lịch người An Toàn, thuộc La Sơn đỗ thứ nhất, Phan Bảo Định (1) đỗ thứ hai. Ngày 22, thi đình, ngày 24 treo bảng vàng cho Bùi Dương Lịch đỗ đệ

nhị giáp đệ nhất danh tiến sĩ xuất thân, cho bọn Phan Bảo Định đồ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, tất cả 14 người.

Nguyễn Huệ tự phụ là người hùng tài, thế lực đã ngang nhau, rút Nguyễn Đĩnh về Thuận Hóa. Vì có tranh giành tiền của, lại dẫn quân đánh anh là Nguyễn Nhạc, vây thành Quy Nhơn. [Nguyễn Nhạc] đóng cửa thành chống giữ. Huệ đánh thành suốt ngày đêm, vài ngày không hạ được, bèn giảng hòa, giải vây rút quân về, cho quân đóng đồn giữ ở Quảng Nam làm ranh giới.

Lời bình rằng : Tây Sơn được Hữu quân dẫn đường xâm lược đất đai của người khác, vì hiềm khích tranh giành tiền của, kho tàng mà chia cắt bờ cõi nước ta. Đường lối đúng đắn từ lúc đầu, ngay thẳng từ gốc rễ chỉ có như thế.

Vua nghe tin Nguyễn Huệ chống lại Nguyễn Nhạc, [bèn] sai Hoàng thân thứ 4 là Duy Duệ bình chương sự Trần Công Xán (người An Vĩ); Thiêm thư Ngô Nho (người Tri Chỉ) đi Thuận Hóa, xin lại đất Nghệ An. Huệ bắt giữ lại. Lâu không thấy tin báo, vua triệu các bề tôi họp bàn. Khi đó vợ con Nguyễn Chỉnh từ Tây Sơn trở về qua Thuận Hóa, bị Huệ giữ lại, vì thế Chỉnh khuyên chủ hòa và nói : “Huệ đã chống cự với Nhạc, lẽ nào còn dám sinh sự với ta”. Duệ là bề tôi cũ của Nhạc có ý lo lắng không yên. Đức cũng là bề tôi

(1) *Phan Bảo Định* : người xã An Toàn, huyện La Sơn.

cũ của chúa cũ (1) âm mưu bỏ đi, họ sai người ngầm thông với Chỉnh, hẹn hợp sức đánh Huệ, sau khi thắng lợi thì trả lại đất Nghệ An, mãi mãi giữ tình giao hảo láng giềng. Chỉnh không đáp lại. Có Cai cơ Quỳnh giữ đồn Tiên Lý, là người hà khắc tàn bạo. Duệ cho người bắt để trị tội, Quỳnh trốn về Phú Xuân tố cáo [với Huệ] để báo thù. Duệ sợ bị tội, bắt thành linh đem quân bản bộ theo đường thượng đạo ngầm trốn về Quảng Nam với Nguyễn Nhạc. Đức nghe tin chúa cũ

ở nước Tiêm La cũng tìm đường khác sang Tiêm La. Huệ được tin, sai quân đi chặn đánh nhưng không kịp, Duệ đã bỏ đi rồi Chính cũng không dám hành động. Khoảng mười ngày, Nguyễn Huệ sai Tiết chế quận Nhậm (2) đến trấn Nghệ An mộ binh để xâm lấn miền Bắc hà. Nhậm tự tiện duyệt chọn, tăng thêm số quân ở Nghệ An, làm nhiều mưu kế hà khắc tể những. Điểm binh xong, tiến quân ra Bắc thành. Đến Thanh Hoa, Thủ thần Lê Hằng (3) chống cự không nổi bèn sai Nguyễn Như Thái, Hoàng Viết Tuyền chia làm nhiều đường chống cự. Bố của Tuyền bị Huệ bắt, Tuyền ngấm ngầm muốn hàng, dừng quân ven biển không tiến. Quân Thái thua chạy. Vua ban chỉ cho Thái bộc tự khanh Bùi Bật Trục (4) làm Tham tán quân trấn Sơn Nam đến dụ Viết Tuyền; [Trục] đến đốc thúc mấy lần nhưng Viết Tuyền đều không chịu nghe lệnh, chần chừ không tiến, quân Nhậm đã ập tới Sơn Nam.

(1) Chỉ chúa Nguyễn.

(2) *Quận Nhậm* : tức Vũ Văn Nhậm.

(3) *Lê Hằng* : sách Lê quý kỷ sự chép Nguyễn Trọng Duật – Sách Việt sử thông giám cương mục chép Nguyễn Duật.

(4) *Bùi Bật Trục* : người xã An Đồng, huyện La Sơn, tỉnh Nghệ An, đỗ Hương cống

Ngày 25, tháng 11, vua sai Nguyễn Chính đem đại quân đến chống cự ở sông Sinh Quyết (1).

Ngày 30, Nhậm sai người ban đêm lặn xuống sông lên vào chỗ quân thủy của Chính đóng, dùng thừng chèo buộc thuyền kéo về bờ nam, quân Chính tan vỡ. Nhậm thắng trận liền tiếp kéo quân đến sát thành Thanh Long. Vua nghe tin báo có ý muốn về phía tây ngầm theo đường thượng lưu rút về Thanh Hoa.

Nửa đêm Chính từ sông Sinh Quyết trở về, vua sai vời mấy lần, Chính không vào mà ủy cho Tham tri chính sự Nguyễn Như Khuê (2) (người Chân Lộc) vào tàu xin

vua chạy lên phía bắc và nói : Nguyễn Cảnh Thước (3) ở Kinh Bắc, thế lực có thể
trông cậy được.

Vua nghe theo, đợi trời sáng, vua ngự ra điện Vạn Thọ, bọn thị vệ dần dần bỏ
trốn, vua triệu các quan sảnh đường để xét hỏi, thì họ đã ngầm trốn đi từ trước,
không còn một người nào trực cả. Bọn nội thị ai về nhà nấy thu xếp hành lý. Trong điện
chỉ còn Hoàng thân thứ hai, cai quản vệ Hồ bôn Đạt quận hầu (4), người mới được
tiến triều là Nguyễn Khải người Hương Cần, huyện Kỳ Hoa (5), người họ ngoại là Tích
Xuyên hầu cùng hoàng giáp Bùi Dương Lịch bưng khăn đứng hầu mà thôi.

Khi sắp đi, vua trước hết đến nhà tắm miếu tiên đế bái khóc. Bọn thị vệ lại lên
bỏ đi. Vua tôi chỉ đưa mắt nhìn nhau,

(1) Sông Sinh Quyết : tức sông Thanh Quyết, thuộc địa phận xã Thanh
Quyết, huyện Gia Viễn, tỉnh Hà Nam Ninh

(2) Nguyễn Như Khuê : người làng Đặng Xá, huyện Chân Lộc, là anh
rể Hữu Chính, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi [1787].

(3) Nguyễn Cảnh Thước : người Đô Lương, huyện Nam Đường, là
đồng dôi Tấn quốc công Nguyễn Cảnh Mô.

(4) Đạt quận hầu : tức Duy Đạt.

(5) Kỳ Hoa : tên huyện, nay là huyện Kỳ Anh, Nghệ Tĩnh.

không biết làm thế nào. Bùi Dương Lịch đến trước vua tâu rằng : “ Nay Chính đầu
thua trận rút lui, nhưng thủ hạ của Chính còn nhiều, lòng người còn biết sợ Chính, xin
nhà vua truyền dụ đi đến nhà Chính, sai Chính đi theo hộ giá, chắc được, như thế
có sự ràng buộc”. Vua cho là phải, Dương Lịch lại bảo Đạt quận hầu đứng giữ sân
lớn tiếng triệu tập. Bọn thị vệ dần dần tập họp lại. Các quan nội thị đều xếp thành
hàng. Vua cười voi đi từ từ, đi theo có đến vài trăm người. Đến nhà Chính, Chính
đội khăn xếp mặc áo thanh cát khóc lay, đón vua. Vua vào nhà, ngồi trên ghế chéo
ở chính giữa nhà, người theo hầu mặc áo giáp, cầm gương đứng hầu. Vua dụ
Chính cùng đi với vua. Chính xin cho con là Hoảng cùng đi. Hoảng từ chối không

chịu đi, Chỉnh chần chừ nhìn quanh trong nhà. Trời sắp trưa, bị ép mãi, Hoàng bất đắc dĩ đi theo hầu vua. Xa giá đến đình Kiên Nghĩa bên bờ sông hồ lâu rồi Chỉnh mới đến.

Khi ấy thuyền công đã để cho Hoàng thân thứ hai lái, hộ vệ thái hậu, Hoàng phi, Hoàng nguyên tử (1) và cung tần sang trước còn vua tôi lấy hai chiếc thuyền của dân vượt sông sang phía bắc.

Ngày mùng 1, tháng 12, vua chạy tới Kinh Bắc, xa giá đến trấn doanh, trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước mưu làm phản (Thước là dòng dõi công thần Tấn quốc công ở Đô Lương). [Thước] cáo ốm không ra chầu, cho thủ hạ cướp bóc đồ đạc vua đang dùng, giấu thuyền, làm ngăn trở ở bến sông Xương Giang (2). Chỉnh đến nhà Thước để thăm bệnh [lấy lời] dụ bảo, Thước giả vờ từ tạ là không biết, mới sai con đem 5 chiếc thuyền đón nhà vua qua sông. Khi đến Như

(1) Con cả của vua.

(2) *Xương Giang*: tức sông Thọ Xương, hay sông Nhật Đức, nay là sông Thương.

Thiết, huyện Yên Dũng có tri huyện là Nguyễn Thảng (1) tuổi trạc sáu mươi, đem dân binh hộ vệ xe vua và tình nguyện giữ thành Xương Giang làm nơi căn cứ. Vua khen ngợi và đặt cách cất nhắc Thảng làm Lại khoa cấp sự trung. Vua với binh lực quá ít ỏi, muốn tiến giữ thành Lạng Sơn, mượn tiếng có thiên triều giúp đỡ. Khi tới Mục Sơn (2) có Lệnh Tuấn là thổ hào đem dân binh lạy đón ở bên đường. Lệnh Tuấn người Yên Thế, là tay hào phú, được cả phủ Lạng Sơn suy tôn. Những kẻ đi trốn tránh đều dựa vào Tuấn làm nơi ẩn náu. Triều đình từ lâu bỏ qua không xét hỏi đến, do đó Lệnh Tuấn tụ tập ngày càng nhiều kẻ vong mệnh. Đến khi ấy, có chiếu chỉ

cần vươngLệnhTuấn cảm kích vâng mệnh.Nhưng Lệnh Tuấn không có tài lược, binh lính là quân ô hợp, không có kỷ luật.

Ngày mùng 4, quân của Nhậm đến, vua sai Chính và Lệnh Tuấn chia quân chống cự. Vua thúc ngựa đi trước, các quan nội thị cưỡi ngựa đeo kiếm đi chung quanh. Lệnh Tuấn ra quân đánh, bị thua, hai con chết tại trận. Nguyễn Chính bị bắt, con là Hoằng bị giết; Quan quân tan vỡ không ai biết nhà vua ở đâu.

Nguyễn Huệ biết quân Duệ đã bỏ trốn, bèn cho Chuồng Túc lên thay Duệ làm trấn thủ, lại đặt một viên quan Tham thị, đóng đồn tại An Việt thuộc La Sơn, cho Diêu vũ hầu làm đốc trấn đóng đồn ở Cửa Trào, Nghĩa Liệt (3), đặt kho tàng ở núi Nghĩa Liệt, lập hành cung ở Khánh Sơn .

Mậu thân, năm Chiêu Thống 2 [1788].

(Năm Thái Đức thứ 12. Từ đây cả nước mới dùng niên hiệu Thái Đức).

(1) Nguyễn Thắng : người huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

(2) Mục Sơn : thuộc huyện Yên Thế, tỉnh Hà Bắc.

(3) Đồn thuộc đất Nghệ An.

Lời bình rằng : Chữ Chiêu Thống viết to chưa niên hiệu “ngự” triều để thấy Tây Sơn không được kế tiếp chính thống.

Khi ấy trấn quan đòi các sinh đồ, hương cống của triều lê cũ làm các chức trấn tự, Sái sai Trục lại.

Mùa xuân, hoàng giáp Bùi Dương Lịch tìm vua không thấy, bèn đi Kinh Bắc để thăm dò. Nghe tin lúc đầu vua chạy đến Bảo Lộc, thổ hào Hải Dương đón vua về Giáp Sơn

(1). Dương Lịch đi Lang Tài không qua được sông Bình (2) phải quay về. Có thơ rằng:

*Giang bắc, giang đông, nhất đái trường,
Bách ưu như thủy loạn mang mang,
Phong truyền hỏi lãng loan linh cận,*

*Vân ửng sơn thành tản cái trương,
Vị tín Ba xuyên năng trị Hán.
Khả linh thất huyện vị Vong Đường.
Phù nguy cứu bại tầm vô lực,
Bộ bộ đài đầu vọng thái dương.*

Dịch nghĩa :

Phía bắc đến phía đông, một dải sông dài.
Trăm mối lo như nước cuộn chảy mênh mông,
Gió đưa sóng biển như tiếng chuông xe vua gần
đâu đây,
Mây ấp thành núi như cái tán cái lọng nhà vua
dương lên,
Không tin đất Ba Thục có thể [là nơi] làm cho nhà
Hán đứng vững.

-
- (1) *Giáp Sơn*: còn gọi là Hiện Sơn, thuộc huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng
(2) *Sông Bình* : sông Kênh Thầy, còn gọi là sông Vân (Quảng Bình).

Đáng tiếc bảy huyện chưa quên nhà Đường,
[Ta] thẹn vì không có sức để phù nguy cứu bại,
Từng bước chỉ ngừng đầu mà trông ngóng vùng
thái dương.

Thành Thăng Long bị phá.
Hoàng Viết Tuyền bị Hàn Khê công và các thủ hạ bức bách không hàng “giặc” được
đã quay lại chống cự với Nhậm. Thế quân hơi mạnh lên, các thổ hào miền đông nam quy

phục vào, xây đắp hành tại ở Nam Xương. [Tuyển] đem quân thủy đón xe vua. Vua bèn đi về phía nam.

Tháng 3, Nguyễn Huệ nghe tin Tiết chế Nhậm đã giết Hữu quân, rất tiếc tài trí của Chính, đã thuật lại công lao có câu rằng: “Gạo Phục Ba khéo chất hình non, đường Thục đạo rõ bày nơi hiểm dễ; dây Nhược Thủy hay dò đáy nước, sông Nhị Hà tỏ mạch chốn sâu nông”. Lại nghĩ tới Chiêu Thống phải chạy vạy, danh nghĩa phò Lê không được trọn vẹn, bèn từ Phú Xuân ra Nghệ An chuẩn bị ra Bắc thành, khi đi qua đồn Tam Thoan, châu Bố Chính có cai đội Thận trực hầu vốn là người cương nghị, dũng cảm, thẳng thắn. Nguyễn Huệ cho thăng lên làm chỉ huy, tước Chuyên tông hầu, và ban chức quản lĩnh trấn Nghệ An, khi đến thành Xâm, thảo chiếu sắc ban cho Thận trực hầu, lại truyền lệnh tu sửa hành cung, kho tàng, và các việc quân dân. Tháng 4, Nguyễn Huệ tiến ra Bắc thành, quân ở Nam Xương lại tan vỡ. Vua ngồi thuyền nhỏ vượt biển chạy vào Thanh Hoa, đến Thiết Giáp (1) đi theo đường bộ lên thượng du, giấu kín tăm hơi.

Hoàng Viết Tuyển một mình đến cửa quân Tây Sơn đầu hàng bị Huệ giết chết.

(1) *Thiết Giáp* : tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 6, Nguyễn Huệ đến Thăng Long, Nhậm tự mình đem tướng sĩ ra tận ngoài thành đón tiếp. Huệ ngờ vực và ghét Nhậm uy quyền quá trọng, giả thác là có tội làm mất nhà Lê, nhân đấy bắt Nhậm giết đi, giải tán quân ngũ, cho Đại tư mã Trấn (1) thay Nhậm làm trấn thủ. Nguyễn Huệ bèn triệu tập các kỳ mục trong thiên hạ làm biểu khuyên Huệ lên ngôi. Tháng 8 Nguyễn Huệ trở về kinh đô Phú Xuân

Tháng 11, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy năm đó làm năm Quang Trung thứ 1, lấy Phú Xuân làm Nam Kinh, Nghệ An làm Trung Kinh, Bắc thành làm Bắc Kinh, phong Hoàng tử thứ tư (2) của nhà Lê cũ là Sùng Nhượng công làm Giám quốc, giữ việc thờ cúng họ Lê.

Gặp người nhờ hỏi công việc nhà nông.

Nghe tiếng cuốc kêu, hai hàng lệ chảy.

Tháng 12, Hoàng thái hậu cầu viện nhà Thanh, vua Thanh sai quân đến cứu viện.

Trước đây, vua dùng chân ở Mục Sơn, sai bọn nội thị Trường phái hầu Lê Quýnh (2) bảo vệ hoàng thái hậu, hoàng phi, hoàng nguyên tử và “phù ấn quốc bảo” lên Lạng Sơn trước. Vì vậy thái hậu đem nguyên tờ sắc phong và bảo ấn theo đường trạm chạy vào nội địa (3) tâu lên triều đình nhà Thanh. Vua Càn Long sai tuần phủ sứ Quảng Tây là Tôn Sĩ Nghị đem quân đến cứu viện, dụ phải thu phục Thăng Long, lập vua nối ngôi.

Tháng ấy, Sĩ Nghị đem quân vượt qua trấn Nam Quan, từ đường Lạng Sơn đến Kinh Bắc, đi đến đâu thắng trận đến đó, đánh bại quân Tây Sơn ở Xương Giang.

Hôm ấy vua ở Hưng Hóa, vâng theo ý chỉ của thái hậu, hội hợp với quân Sĩ Nghị ở trấn Kinh Bắc, tiến về Thăng Long, đặt thành 9 đồn, cò mở, trống rong, gươm giáo lấp liệp. Quân Tây Sơn đánh nhiều lần bị thua, lui về giữ sông Sinh Quyết, chốt nơi hiểm trở đợi quân cứu viện.

(1) *Châu Thang* : Thanh Hóa ngày nay.

(2) Bản này chép là Bùi Quýnh, chúng tôi chữa lại là Lê Quýnh.

(3) Chỉ địa phận đất Trung Quốc.

Sĩ Nghị đã vào thành Thăng Long, vâng theo sắc thư của vua nhà Thanh, phong cho Chiêu Thống làm An Nam Việt quốc vương. Trong sách phong có câu : “Nhớ tới tổ tông trước, lo chức cố một trăm năm mươi năm; không phải tham gì đất đai mà chia ra cõi bờ mười ba đạo”.

Tháng ấy, Nguyễn Huệ nghe tin báo, bèn tự mình đem đại quân cùng voi chiến, huy động hết cả quân của các trấn Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh “xâm lấn” đất Bắc, thề quyết đánh. Quân tới Nghệ An, Huệ sai vò La Sơn tiên sinh đến, hỏi về mưu kế đánh và giữ. La Sơn tiên sinh thư rằng : “Chúa thượng xuất quân lần này, không

quá 10 ngày thì giặc Thanh bị diệt hết”. Huệ khen ngợi, nhận kế đó, rồi tiến quân đi gấp ngày đêm, nhằm Thăng Long thẳng tiến. Nguyễn tiên sinh nói : “Ngày nay trong nước trống rỗng, lòng người ly tán. Quân Thanh từ xa tới, vào sâu đất nước ta, chưa biết tình hình mạnh yếu, không hiểu được thế chiến trận, đánh trong khoảng mười ngày có thể dẹp yên được”.

Kỷ dậu, năm Lê Chiêu Thống 3 [1789] (Tây Sơn Quang Trung 2).

Tháng giêng, ngày rằm, giờ thân có hai mặt trời chọi nhau.

Khi ấy vua Chiêu Thống đại hội với Tôn Sĩ Nghị nhà Thanh ở nơi đóng quân, bố trí quân đội. Tùy tùng có bọn Cao Bình phụ đạo Định quận công Hoàng Khiêm Hiếu người Nôn Hồ, thuộc Nam Đường. Thự Kinh Bắc trấn thủ là Lê Hân người Tỳ Bà, thuộc Lung Tài ; Thích Uyển Nguyễn Quốc Đống người Thự Trì, thuộc Sơn Nam; Đề lĩnh tứ thành Phạm Như Tùng người Thanh Tuyên, thuộc Nam Đường; phó đề lĩnh Nguyễn Viết Triệu người Quỳnh Côi, thuộc Sơn Nam; Hiệp lý binh vụ Phạm Trần Thiện người Nghĩa Động,

Nam Đàn ; thự tri công tượng Lê Văn Trương người Đồng Phương, Thanh Hoa, Chương tứ bảo Lê Quý Thích.

Quân Thanh đánh nhau với quân Tây Sơn ở Bình Vọng. Quân Tây Sơn đánh tan quân Thanh, Tri phủ Tứ Xuyên Sầm Nghi Đống(1) tự thắt cổ ở đền Đống Đa, Sĩ Nghị nhổ trại vượt qua sông chạy về phía bắc, cầu phao bị gãy, quân sĩ rơi xuống sông chết đuối vô kể. Vua một mình một ngựa cùng Sĩ Nghị chạy lên phía bắc, chỉ có Viết Triệu cầm cương ngựa đi theo. Bọn Ích, Hiếu chạy về nội điện bảo vệ thái hậu, mang con cả của vua chạy khỏi thành qua sông.

Quân Thanh bị chết, bị thương và bị bắt rất nhiều, khí giới quân lương vứt bỏ lại hết.

Vua Chiêu Thống tới trấn Nam Quan, bề tôi mới lục tục kéo đến. Vua từ tạ Sĩ Nghị rằng : Xã tắc bị mất, được ngài thương yêu, vâng lệnh đến cứu viện, thật là cảm kích vô hạn. Nay ngài lại bỏ đi, chưa dám nghĩ bao giờ lại được gặp. Cúi mong ngài về triều được hai chữ “vạn phúc” Cô (2) nguyện trở lại đất nước, thu thập dân binh để mưu tính việc khôi phục. Mong mỗi được dựa vào uy thanh, may ra nên việc thì cũng là do ngài ban cho. Nếu việc không thành, sẽ lại đến nơi ngài cầu xin. Nghị lấy ngón tay viết vào ván rằng : “ Không giết được Quang Bình thì không thôi” (Quang Bình là tên giả của Tây Sơn). Nghị lại nói : “ Đã dâng biểu tâu về xin thêm quân, không đầy một tháng thì viện binh sẽ đến. Chốn này gần kề bọn giặc, không tiện cho việc đóng quân, tích lương thảo, nên tạm về Nam Ninh nghỉ ngơi, để đợi chiếu chỉ của triều đình. Vua bèn cùng Sĩ Nghị về Nam Ninh. Khi tới Nam Ninh, Sĩ Nghị lại mời vua về công quán ở Quế Lâm, thấy

(1)Sầm Nghi Đống không phải là tri phủ Tứ Xuyên, mà là tri phủ Diên Châu.

(2)Tiếng tự xưng.

trên đường đi treo tờ chỉ dụ, nói “Quang Bình giám chống lại quân đội của thiên triều, tội không thể tha thứ”.

Khi ấy, quân Tây Sơn tiến đến thành Lạng Sơn, dân nội địa (1) xôn xao. Sự việc được tâu lên, triều đình nhà Thanh đã sai Các thần (2) Phúc Long An (3) làm đề đốc binh mã 9 tỉnh đi đánh An Nam. Long An người Kỳ Tương Hoàng thuộc Mãn Châu, do chân ấm sinh làm đến ngôi tể phụ. Hoàng đế nhà Thanh rất tin dùng, sai đến Quảng Tây lo liệu công việc An Nam.

Tháng 2, Long An đến Mạc phủ ở Quảng Tây. Khi đó người trong nước lần lượt kéo đến nội địa. Hoàng thúc Trung quận công Lê Duy Án theo đường Du quan đi sang, bọn Đinh Nhạ Hành, Đinh Lệnh Dân người Hàm Giang vài chục người từ trấn Long Môn đi sang, Nội hàn Trần Huy Lâm người Nam Chân và xuất nạp Lê Nguyên người Nghệ An từ trấn Nam Quan đi sang, Cao Bằng phụ đạo Bế Nguyên Cung, Bế

Nguyên Doãn từ ải Cao Bằng đi sang. Long An tùy cho sắp xếp cho họ và chiếu cấp lương thực. Cho Phan Khải Đức làm Đô ty ở Diên Châu, Đinh Nhạ Hành làm thủ bị ở Toàn Châu. Bế Nguyễn Doãn làm Bách tổng. Chỉ có Lê Duy An và bọn Huy Lâm, Doãn Hiệu được đưa vào Quế Lâm đến ở chỗ nhà vua.

Tây Sơn nghe tin Long An tới, sai sứ là Ngô Nhiệm đến nơi đóng quân của Long An tạ tội, trấtù binh và quan tài Sầm tri phủ(4) cho nhà Thanh, lại hối lộ rất nhiều vàng bạc châu báu nhờ Long An thu xếp cho, xin nộp cống vật hàng năm và cầu xin sắc phong. Long An mong được vô sự ,

(1) Nội địa : chỉ Trung Quốc.

(2) Các thần : một chức đại thần trong triều nhà Thanh.

(3) Không phải Phúc Long An mà là Phúc Khang An.

(4) Sầm tri phủ : tức Sầm Nghi Đống.

dâng biểu về triều đình trình bày thay cho Tây Sơn và khẩn khoản xin chiếu chỉ, vua Thanh nhận cho sứ bộ vào triều.

Trước đây, Tây Sơn Nguyễn Huệ vốn biết tiếng Nguyễn Khải Xuyên người được nhân dân lúc bấy giờ tôn trọng gọi là tiên sinh và giữ lễ là bậc thầy. Nguyễn Huệ muốn dựa vào đó để thu phục lòng người, bèn sai sứ đem thư đến Nghệ An khen thưởng, lời lẽ rất cung kính, tặng vàng lụa và mời ông ra. Khải Xuyên không đến. Khải Xuyên sai học trò là Phan Khải Đức người An Ấp về Phú Xuân, dâng biểu khẩn khoản từ chối. Nguyễn Huệ lại ban cho vàng lụa rất nhiều để an ủi. Khi ấy Tây Sơn đánh thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ thấy Khải Xuyên quả là người có kiến thức, càng thêm kính trọng, triệu Khải Xuyên đến Thăng Long, sai đi Kinh Bắc xem đất Cổ Bi(1), sau đó về Nghệ An xem đất An Trường(2), vì có ý muốn bàn dời đô, ban lộc cho Khải Xuyên mộ số ruộng, số đình ở quê ông là xã Nguyệt Ao, miễn lính và tô để tỏ ý tôn kính người hiền.

Tháng 4 Nguyễn Huệ thắng trận trở về, bèn định đô ở Phú Xuân, đắp thêm thành quách, mở rộng cung điện, đặt tên quan chức, định luật lệ, tu sửa sổ hộ tịch, thu thuế ruộng, chế độ được đổi mới một loạt. Vì cho đất nơi ấy hiểm trở mà căn bản là ở phía Nam Hà.

Trước đây, Tây Sơn cho Nghệ An là nơi trung tâm đất nước nên xây dựng thành Trùng Kinh, đặt tên là thành Phượng Hoàng. Đến khi ấy, truyền lệnh xây dựng cung điện ở Vinh Đô (thuộc xã An Tường). Các quan trấn, đốc thúc dân phu các huyện đến An Trường lấp hồ ao, chặt cây cối, công việc rất gấp, dân phu nhiều người bỏ trốn. Quan trấn địa phương lại truyền lệnh

(1) Cổ Bi : thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

(2) An Trường : thuộc huyện Chân Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh

cho các quan phân tri (1) ngói các đền chùa và khám xét lấy các thứ tốt của nhà dân làm hành lang tả hữu. Mọi người ai cũng ca thán. Tây Sơn truyền cho xã Thái Lão (thuộc huyện Hưng Nguyên) xây dựng tổ miếu của nhà vua để thờ cúng, vì theo gia phả, lấy xã Thái Lão, huyện Hưng Nguyên làm quê quán của tổ tiên mình. Cụ tổ ngày xưa đi lính vào nam, đóng ở Quy Nhơn. Năm ấy, Nguyễn Huệ “xâm lấn” đất Bắc, thắng trận khải hoàn về đến Nghệ An, nhân đi qua xã ấy cho nho sinh là Kiều tông hầu, tước Thị Lang làm tri phủ phủ Đức Quang và làm phân tri huyện Hưng Nguyên.

Sách lập Lê Thị Ngọc Hân là Bắc cung hoàng hậu.

Năm ấy mất mùa, hạn hán, lúa ngoài đồng khô héo, thiên hạ đói to, người bị dịch chết nằm gối lên nhau. Tiền một mạch chỉ đổi được một bát gạo nhỏ hạt bằng miệng, kẻ hay vẽ chuyện, lấy tiền tính ra gạo, cứ một đồng tiền được hai mươi bảy hạt gạo.

Tây Sơn thấy dân đói kém, ban chiếu đại xá tô ruộng.

Tháng 5, Phúc Long An nhà Thanh trở về Quế Lâm, bãi hết binh mã các tỉnh, mở yến tiệc, ca nhạc linh đình. Chiêu Thống ngạc nhiên hỏi, Long An nói : “Mùa hạ nóng nực, đi

đánh phương nam không lợi, đợi đến mùa thu mát mẻ mới điều động quân đi. Long An lại mời Chiêu Thống yến tiệc say sưa, thông thả nói rằng : “Thời kỳ ra quân không còn xa nữa, vương nên đích thân dẫn các liêu thuộc đi trước dẫn đường . Nhưng lối trang phục của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Ngày trước Tôn tổng đốc bị bại trận, cái hại chính là chỗ này. Nếu cạo đầu tết tóc (2), thay đổi quần áo như Trung Quốc, khiến quân giặc trông thấy không thể phân biệt

(1) Phân tri là tri huyện thời Tây Sơn.

(2)Kiểu đầu của người Mãn Thanh : gọt tròn xung quanh như cái nồi đất, rồi tết đuôi sam ở đằng sau (theo CT HLNTC tr.377).

được, chỉ thấy màu áo của quân Thiên triều thì hồn bay phách lạc, như vậy công việc lớn mới hoàn thành được. Đợi khi đã khôi phục đất nước , sẽ lại theo phong tục nước mình việc quân phải dùng những kế quỷ quyệt, vương sao chẳng nghĩ tới. Vua tin là thật, đáp rằng : “Để mất nước, mất nhà thờ được thiên triều cứu viện thì dù bắt cả nước ăn mặc theo lối phương bắc thì cũng tuân mệnh. Việc đó có hề gì”. Do đấy vua tôi cạo đầu tết tóc thay đổi cách ăn mặc, hăm hở mong trở về nam. Long An mừng vì đạt được mưu kế, biểu tặng tiền bạc rất hậu , tiếp đãi tử tế và mật tấu với vua Thanh rằng : “Vua Lê tự nguyện yên tâm ở đất Trung Quốc, không có ý cầu viện nữa nên đã cạo đầu tết tóc, thay đổi cách ăn mặc”

Khi đó có các thần là Hòa Khôn chủ trì công việc bên trong cùng với Long An cai quản nơi phiên viện (1), Long An bảo Tây Sơn đem nhiều tiền đút lót cho Hòa Khôn. Bên trong, bên ngoài tương ứng với nhau, ngầm khuyên vua Thanh bãi binh, không gây hiềm khích ở miền biên giới để khỏi tổn hại đến Trung Quốc. Vua Thanh nghe theo lời bàn ấy ra lệnh cho Nguyễn Huệ vào châu. Nguyễn Huệ bèn ủy cho bèn tôi là Tư Mã Chấn đến Yên Kinh để vào châu vua Thanh. Triều đình nhà Thanh giả vờ như không biết, hậu đãi sứ thần để vỗ về. Long An ở Quế Lâm, ít lâu sau lại mời vua Chiêu Thống vào dinh. Trong dinh giàn bày gươm, giáo khác hẳn ngày thường, hai bên tả hữu mấy trăm quân rất uy

nghi, trang trọng. Chính giữa dựng một lá cờ lớn để mấy chữ : “Đốc cửu tỉnh binh mã” (Đốc suất binh mã 9 tỉnh). Sau khi uống trà, ăn hoa quả xong. Long An im lặng không nói gì, vua cũng không hiểu ý ra sao, đứng dậy đi ra. Đến ngoài lần cửa thứ hai thì thấy sứ giả Tây Sơn đã ở đấy rồi. Nhưng [vua] còn cho là

(1) Biên giới giáp nước khác

Trung Quốc lấy tín nghĩa để để cho người từ xa đến miễn phục, chứ không lừa dối ta. Về lại việc binh không câu nệ sự quyền biến, cần phải bình tĩnh để xem sao.

Tháng 6, Tây Sơn thấy kho tàng đã vơi, ra lệnh thu thuế ruộng; ruộng nào cũng được giảm nhẹ.

Mùa thu, Tây Sơn mở khoa thi cho học trò ở Nghệ An, sai Nguyễn Khải Xuyên làm Đề điệu trường thi

Tháng 7, Trường phái hầu Lê Quýnh với Lý Bình Tạo, Lê Trị, Trịnh Hiến mười mấy người vào nội địa, Quýnh trước đây vâng lệnh ở lại nước ta, chiêu dụ thổ hào để mưu việc khôi phục. Đến khi ấy, sang nhà Thanh theo vua cũ.

Tháng ấy, Long An đưa trát triệu vời Lê Quýnh bàn việc nước, Quýnh đến Quảng Tây yết kiến. Long An dụ cạo đầu tết tóc, thay đổi cách ăn mặc, Quýnh biết Long An lừa dối đáp rằng : “Tiếp tờ trát nói để bàn việc nước, nay không bàn bạc gì cả, chỉ nói cạo đầu tết tóc mà thôi, thế là nghĩa lý gì. Đầu tôi có thể chặt được, chứ tóc tôi không thể cạo được”. Long An giận, lập tức cho an trí ở nơi ấy, rồi sau giải đi Yên Kinh.

Quýnh đi đến Sơn Đông gặp vua nhà Thanh đi tuần thú về miền đông, bèn triệu Quýnh vào chầu. Vua Thanh dụ rằng : “Chúa người tự nguyện ở lại Trung Quốc để nhờ ơn trời mưa móc, các người một lòng theo chúa thì hãy thay đổi lối ăn mặc để đợi được tuyển dụng”. Quýnh tâu rằng : “Hạ thần muôn dặm đi theo vua lánh nạn, xin được giữ theo quốc tục vào yết kiến quốc vương, sau đó sẽ vâng theo chỉ dụ chừa chưa muộn”.

Vua Thanh khen là trung thần của nhà Lê, rồi cho vào Yên Kinh, đưa xuống ty Thận hình thuộc bộ Binh.

Ngày 13, tháng 8, bão lớn, nhà cửa của dân Nghệ An bị đổ nát quá nhiều. Khi đó, dân xã Vạn Phân⁽¹⁾ lúc giờ thân thấy cây nước cao như núi ở

(1)Xã Vạn Phân : thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ Tĩnh.

ngoài biển đổ xuống, tràn vào người chạy không kịp. Trời sắp tối lại, có ba đợt sóng lớn dồn đến người và gia súc mười phần chết chỉ còn ba.

Tháng 12, vua Thanh trở về Yên Kinh, phong tặng cho tri phủ đã chết là Sầm Nghi Đống làm “Điền châu thái thú”, sai sứ mang sắc phong cho Tây Sơn Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương, tặng bài thơ trong đó có câu rằng : “Tranh nại tồn Lê, Lê yếm đức; phiên giáo phong Nguyễn, Nguyễn thâm thành” (Cố giữ nhà Lê thì nhà Lê gết đức; nên phong cho họ Nguyễn thì nhà Nguyễn mạnh lòng thành), lại ban tặng một chiếc khăn lụa, trên khăn có thêu một dòng chữ vàng : “Xa tâm triết trực nhân do thử, hòa trọng sinh vinh tổng tại ngư” (Trực ruột xe gậy vì con chuột; lúa tốt bời bời là nhờ con trâu). Người đời cho là lời sấm.

Sứ nhà Thanh tới Thăng Long lập đàn tế Sầm thái thú⁽¹⁾. Bài văn tế vua ban đại lược rằng : “Hồ thĩ⁽²⁾ bốn phương là chí khí buổi đầu của người nam tử ; kiếm cung muôn dặm là sự nghiệp trọn đời của bậc anh hùng. Nhớ lại buổi đầu khi nghe tiếng khánh! Cảm khái cái chết như núi như non. Duy tướng quân là bậc cao tài ở xứ Trung Nguyên, là người kiệt xuất trong hàng tướng soái. Ngoài ngũ lĩnh giáo vàng lẫm liệt, mong lập công danh như Ban Siêu; bên La Thành súng lửa rền vang, bỗng mất trí tuệ của Mã Viện”

Vua Thanh ban chiếu chỉ triệu vua Lê vào châu. Từ đó, quân Thanh không xuất quân nữa. Vua Lê đành an phận bên Bắc triều.

Em thứ ba vua Lê (Lê Chiêu Thống) chạy lên miền Bảo Lạc. Tuyên Quang khởi binh.

(1) Chỉ Sầm Nghi Đống.

(2) Hồ thĩ : cung tên, chí sự nghiệp của người con trai gánh vác việc đời

Trước đây khi Thăng Long thất thủ, hoàng đệ thứ ba hộ vệ hoàng phi, cung tần chạy ra khỏi thành. Khi đến bến sông bị tắc đường vì cầu gãy, không qua được sông, nên chạy về đường phía tây, dựa vào các xứ tuyên Quang, Hưng Hóa, chiêu mộ hào kiệt, lo việc khôi phục, nhiều lần đại chiến với quân Tây Sơn, bại trận, bị bắt giải về Phú Xuân rồi bị giết. Hoàng phi lẩn trốn về quê ở Kinh Bắc. Tây Sơn nhiều lần tìm bắt không được, có người thấy hoàng đệ chết vì nước, có tặng một câu đối rằng :

*Phú Xuân hữu địa mai tân hận,
Bảo Lạc vô thiên báo cựu thù.*

Dịch nghĩa:

*Phú Xuân có đất chôn vùi hận mới,
Bảo Lạc không trời báo thù xưa*

Tây Sơn Nguyễn Huệ lập con trưởng là Nguyễn Quang Toản làm Hoàng thái tử và phong tước cho các con : con thứ là Nguyễn Thùy làm Khang công, quản lĩnh miền bắc, lãnh chức Tiết chế thủy bộ chư quân. Nguyễn Bàn làm Tuyên công, lãnh chức Đốc trấn Thanh Hoa, nắm giữ mọi việc quân sự và dân sự

Tây Sơn định lại việc đặt quan chức. Hàng quan văn có phân tri ; hàng quan võ có phân suất. Mỗi trấn đặt một viên trấn thủ, một viên hiệp trấn, một viên tham trấn. Mỗi huyện đặt chức phân tri và hai viên quản lý tả hữu, thu tô thuế, xét xử kiện tụng. Quân sự thì đạo thống lĩnh cơ, cơ thống lĩnh đội, đều có viên phân suất cai quản, huấn luyện.

Lại ban chiếu : “Các trấn từ sông Linh Giang trở ra bắc, sức cho các phủ huyện đốc thúc dân xã kê khai số đinh theo từng loại ; lấy lính theo lệ cũ. Còn số dân thực nạp(1), mỗi một suất đinh đóng một quan tiền thuế dung,

(1) Dân thực nạp : số dân nằm trong danh sách nộp sưu thuế

một mạch tiền thuế man, một bát gạo thuế cước. Cho làm sổ điền bạ, định rõ ngạch thuế cho ruộng công, ruộng tư (ruộng công loại 1, mỗi mẫu, nộp trên một trăm năm mươi bát thóc; loại 2, mỗi mẫu nộp tám mươi bát thóc, loại 3, mỗi mẫu nộp năm mươi tám bát thóc. Loại 1,2,3 mỗi mẫu nộp tiền một mạch tạp vật, tiền khoán làm kho là 50 đồng. Ruộng tư loại 1, mỗi mẫu nộp bốn mươi bát thóc tức là 26 thăng, 6 hớp, 3 thược, 7 sao (1); loại 2 mỗi mẫu nộp ba mươi bát thóc tức 20 thăng; loại 3 mỗi mẫu nộp hai mươi bát thóc tức là 13 thăng, 3 hớp, 3 thược, 3 sao. Tất cả loại ruộng 1, 2,3 mỗi mẫu đều nộp tiền 1 mạch tạp vật, tiền thuê khoán làm kho là 30 đồng, đặt làm lệ thường hàng năm.

Nguyễn Huệ cho thân huân(2) là Nguyễn Diệu (người Quy Nhơn) làm Đại đô đốc, lãnh chức Đốc trấn Nghệ An, Lê Văn Trung làm Đô đốc trấn ti, chiêu mộ quân bổ sung vào các đội có voi và đội voi trận đặt thành từng vệ từng cơ. Các thót voi cao từ 6 thước trở lên mỗi tháng mỗi thót được cấp lương 5 phương(3); cao từ 5 thước trở lên mỗi thót mỗi tháng được cấp lương 4 phương, cao từ 4 thước trở lên và voi lái thì mỗi thót mỗi tháng được cấp lương 3 phương.

Tây Sơn triệu hoàng giáp thời Lê cũ là Bùi Dương Lịch và tiến sĩ Phan Bảo Định đến phú xuân, ở đó hai tuần lại trở về.

Khi đó, các bề tôi văn, võ [của nhà Lê] bôn ba gian khổ, hoặc bị Tây Sơn giết hại, hoặc ra làm việc với Tây Sơn cũng nhiều. Dương Lịch khi đi đường có làm bài thơ thuật hoài :

(1) Thăng, hớp, thược, sao, đơn vị đo lường ngày xưa.

(2) Thân huân : người vừa có công, lại vừa có họ gần.

(3) Phương : đơn vị đo lường, dùng để đo lường hteo dung tích

Tảo tri tâm tích lưỡng quải sơ
Bất nhược đương sơ bất độc thư.
Hiếu vị khả tri, trung dĩ thất.
Hành như hoặc sử chỉ hà cư?
Trấn quan vân viễn nhân tòng đích,
Nam giới sương hàn, mẫu ý lư.
Trù trương vô liêu hành khách ý
Hải ba hàm vũ chính suy khứ.

Dịch nghĩa:

Sớm biết suy nghĩ và việc làm trái ngược nhau,
Thì thà rằng khi xưa không đi học nữa
Chữ hiếu chưa biết chữ trung đã mất,
Khi làm quan, khi nghỉ việc, cư xử thế nào?
Nhớ người cần cương nơi quan trấn, mây núi xa
vời
Cõi nam sương lạnh, mẹ ngồi tựa cửa chờ con,
Lòng người khách ghen ngào khôn tả.
Sóng biển mang hơi mưa đang thét gào.

Đi qua huyện Thạch Hà, gặp người thuộc lại (1) cũ, lòng cảm động bèn làm bài thơ:

Bất năng vũ trụ hứa trì khu,
Lao lộc chi trần thất xích khu,
Ly lệ hướng phong suy vị lạc,
Ngâm hoài đắc vũ nhuận nhưng khô,
Ngạo nhân ngoan thạch lâm trung lập,
Nộ thế hồng đào hải ngoại hô,
Khả tiêu đạo bàng cố huyện lại,
Tương phùng nhan diện bán mơ hồ.

Dịch nghĩa:

*Không thể rong ruổi trong vũ trụ được,
Tấm thân này long đong trong gió bụi.*

(1) Thuộc lại : người làm văn thư

*Giọt lệ li biệt trước gió, còn chưa ráo.
Khúc ngâm dù được mưa thấm, vẫn khô.
Như phiến đá chông chờ lụt trong rừng thẳm,
Tựa sóng lớn giận đời gào thét ngoài biển cả.
Thật nực cười, bên đường thấy người thuộc lại cũ,
Gặp nhau mà nét mặt còn ngờ ngàng.*

Canh Tuất, năm Quang Trung thứ 3 [1790].

Vua Chiêu Thống ở Quảng Tây, ngày 21 tháng 2 ra đi, ngày 5 tháng 5 đến Yên Kinh (1), trọ ở ngoài cửa chính dương. Người trong nước sang sau cũng tiếp tục đến. Ngày mùng 7 người nhà Thanh cho xe và lính đón vua, quốc thái hậu và con cả vua về ở cửa Tây Định, cạnh ngõ Quốc Tử Giám [trước cửa có biển đề] “Tây An Nam doanh”. Các bề tôi ở cạnh ngõ Đông Trục cạnh ngõ Dương phố, [trước cửa có biển đề]: “Đông An Nam doanh” [Tất cả mọi người] đều được cấp lương ăn, tự do đi lại. Khi ấy, vua nhà Thanh đến hành cung Nhiệt Hà để tránh nắng, sớm mai lên đường. Vua Chiêu Thống sai bề tôi thảo tờ biểu xin quân, nhờ Kim Giản, Đô thống đội quân cờ vàng(2) xin vào yết kiến.

Ngày mùng 8, sáng sớm, xe vua Thanh khởi hành. Vua Chiêu Thống đợi ở bên đường, đón xe vua Thanh, sụp xuống lạy, xe vua Thanh dừng lại tí chút và thấy thông sứ báo rằng : “Hoàng đế có chỉ khen thưởng”, giục lạy tạ. Khi trở về doanh, thì Kim Giản vâng mệnh vua Thanh ban phong cho Chiêu Thống chức Tá lĩnh, đời đời nối chức và được ban cho mũ áo tam phẩm. Vua Chiêu Thống bất đắc dĩ phải nhận.

(1) Yên Kinh : tức là Bắc Kinh ngày nay.

(2) Đội quân cờ vàng : Hộ khẩu của dân Mãn Thanh chia theo binh chế gồm 8 đội cờ : cờ vàng, cờ trắng, cờ xanh, cờ đỏ, cờ viền vàng, cờ viền trắng, cờ viền xanh, cờ viền đỏ. Các đội cờ này lúc thường làm dân, lúc động làm binh

Ngày 11, viên quan nội phủ vâng mệnh vua Thanh triệu vua Chiêu Thống vào sân điện, thưởng cho 400 lạng bạc và truyền cho người người ở đội cờ đó sắm sửa các thứ đồ dùng, còn những người đi theo đều được cho 500 quan tiền. Phàm việc hiếu, việc hi của người trong nước đều chiếu theo thể lệ của người ở tám đội cờ mà định.

Tháng 4, quan trấn thủ Nghệ An chỉnh đốn binh mã, đi kinh lược các huyện miền thượng.

Tháng 5, quan trấn thủ lại sai quan phân tri, phân xuất cùng các quan trấn ty, đi khám đo ruộng đất trong xứ để xét xem là ruộng thực canh hay bỏ hoang. Khi ấy, quan trấn thủ là Diệu về châu, quan phân xuất các đạo phần nhiều hà lạm, ăn hối lộ. Trước đấy, cấp trên tự tay viết chiếu chữ son mật sai các quan trấn thủ phải kiểm chế được nạn tệ những. Các quan ở trấn sai ba viên quan người địa phương ở trong đạo, chia nhau đi dò hỏi các dân xã để dân các xã kê khai những viên phân xuất tệ những. Quan mật thám thu lấy đơn từ, đưa về trấn. Các quan ở trấn giao xuống cho các viên tri huyện, lập nơi tra cứu ở doanh trại của trấn để tra xét.

Tháng 8, vua nhà Thanh về Yên Kinh, Kim Giản vâng lệnh vua Thanh đến thăm hỏi [vua Chiêu Thống].

Cho Phan Khải Đức(1) làm Kiêu Kỳ hiệu úy, Đinh Nhạ Hành (2), Phạm Trần Thiện(3) làm Lãnh thôi. Ngoài ra còn cấp cho mỗi người khẩu phần lương thực bằng ba người và mỗi tháng 3 lạng bạc. Sau Khải Đức vô lễ

(1)Phan Khải Đức ;trước làm trấn thủ Lạng Sơn, đầu hàng giặc Thanh ngay từ lúc bọn Tôn Sĩ Nghị và Hữu Thế Hanh.

(2)Đinh Nhạ Hành : người Hàm Giang, thuộc huyện Cẩm Bình, Hải Hưng, theo vua chạy sang nhà Thanh bị bệnh chết.

(3)Phạm Trần Thiên : tức Phạm Đình Thiên, người Bác Trạch, huyện Chân Định là dòng dõi Phạm Đình Sĩ.

bị tội với vua, sai Đình Nhạ Hành làm Kiêu kỵ hiệu úy thay Đức.

Tháng 10, biết không thể trông cậy vào người nhà Thanh, vua Chiêu Thống cùng bề tôi đồng tâm quyết chí mưu tính kế khác, lựa chọn 10 người bề tôi : Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiễn, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm (người Từ Liêm), Lê Tùng (người Tây Đàm), Lê Thức (người Hoằng Hóa) ùng uống máu ăn thề, thảo tờ biểu [xin quân cứu viện]. Nếu không được thì xin cho hai châu Tuyên Quang, Hưng Hóa là đất của nhà Lê trước để thờ cúng tổ tiên; hoặc lên vào Gia Định bàn cùng chú Nguyễn mưu tính việc khôi phục, quyết không sống thừa ở đất Bắc. Vua tôi phục xuống sân đình, cõ tình xin nếu có điều gì bất trắc thì sống chết cũng liều. Trước tiên [vua nhà Lê] đến nhà Kim Giản, Kim Giản không tiếp, bèn cùng nhau ra ngoài cửa phủ, phục xuống đất gào lên. Giản bất đắc dĩ phải mời vào nhà pha trà tiếp đãi và bảo : “Hãy về công quán, đợi bàn bạc sau”.

Tháng 11, có ba người khóa lan đại (4) đến báo rằng : “Kim Giản đã vâng chỉ cho vương cùng đất Khâm Châu; cuối xuân sang năm, khi hoa nở trở về nước cũng chưa muộn (Khóa lan đại cũng như chức thứ ký của nước ta).

Tây Sơn vờì Trần Án, tiến sĩ nhà Lê vào châu. Án làm thơ cố ý cáo bệnh từ chối không đến, vua Tây Sơn phê bằng son đỏ rằng : “Cho được làm theo chí hướng cao thượng”. Án có thơ rằng :

Phiên âm :

*Vô tri phong nghị hữu quân thần,
Bỉ vật do nhiên hướng ngã nhân.*

(4) Khóa lan đại : trong Hoàng Lê nhất thống chí dịch là : “có một người tên là Khóa Lan tới báo với vua rằng.....”

*Khấu, Đặng thượng yên phù Hán tộ.
Tạ, Văn hạ hỹ sĩ Nguyên dân.
Thiên như vô ý hoàn sinh mục.
Ngã diệc cam tâm tác tử thần.
Thảng đắc hậu nhân đề mộ chí,
Lê triều tiến sĩ tính xưng Trần.*

Dịch nghĩa:

*Vô tri như loài ong, kiến còn có vua tôi,
Loài vật kia còn như thế, huống chi ta là người,
Họ Khấu(1), họ Đặng (2) gặp vận khá, phò giúp ngôi
vua Hán;
Họ Tạ(3), họ Văn(4) gặp vận suy thối then làm dân nhà
Nguyên.
Trời nếu không có ý cho vua sốngtrở về ,
Ta cũng cam tâm làm tử thần.
Mong được người đời sau đề lên mộ chí,
Đây là tiến sĩ triều Lê họ Trần.*

Tân hợi, năm Quang Trung thứ 4 [1791]

Vua Chiêu Thống ở bên nhà Thanh.

-
- (1) Khấu : tức là Khấu Thuấn, người đời Tống. Khi Khuất Đan vào cướp phá, vua giao quyền binh cho Chuẩn, giặc không dám xâm phạm phải rút quân về. Chuẩn được phong Lai quốc công.
(2) Đặng : tức Đặng Vũ, người thời Đông Hán, giúp Quảng Vũ để khởi binh, được phong tước Cao mật hầu, đứng đầu 28 tướng võ ở Vân Đài.

- (3) Tạ : tức Tạ Phòng Đắc, người cuối đời Tống, đỗ tiến sĩ, khi quân Nguyên kéo đến, ông bại trận trốn vào núi Đường Thạch. Nhà Nguyên tìm được ông, ép đưa ông sang phía bắc, ông nhịn ăn rồi chết.
- (4) Văn : tức Văn Thiên Trường, người thời Tống, đỗ tiến sĩ làm thừa tướng, bị quân Nguyên đánh bại, bị bắt, ông làm bài ca chính khí để tỏ ý không chịu khuất phục, rồi bị giết.

Tháng 3, khóa lan đại lại đến mời nhà vua và các bề tôi đến ấn phòng (1), uống trà, ăn hoa quả xong lại trở về. Không ngờ bị các thần là Hòa Khôn làm hại, chúng đã ngăn trở viện binh, lại muốn phân hóa người nước mình để khởi tai tiếng.

Ngày 20, tháng 4, khóa lan đại lại cười ngửa đến báo rằng : Vàng chỉ truyền cho vương về đất Tuyên Quang, giục các bề tôi đi theo phải chỉnh đốn áo mũ vào tạ ơn. Các bề tôi theo khóa lan đại đến ấn phòng, người Thanh lấy khóa sắt khóa luôn lại, cho lên ve trâu đưa xa ba trăm dặm để an trí.

Ngày 21, Hoàng Ích Hiếu bị đưa đến Y Lê (2), Lê Hân bị đưa đến Phụng Thiên (3) Phạm Như Tùng bị đưa đến Hắc Long Giang (4), Nguyễn Quốc Đống bị đưa đến Cát Lâm (5), bọn Nguyễn Viêt Triệu, Lê Văn Trương bị đưa đến Trương Gia Khẩu, thuộc Nhiệt Hà (6), chỉ cho Phạm Đình Thiện và Đình Nhạ Hành ở lại hầu vua Chiêu Thống ở Yên Kinh. Vua Chiêu Thống lo buồn, bồn chồn, sáng sớm đến phủ đệ của Kim Giản muốn tố khổ cho các bề tôi. Giản đương hầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Vua Chiêu Thống cười ngửa vào vườn, người dắt ngựa là Nguyễn Văn Quyên (người làng Bồ Vệ, thuộc Thanh Hoa) đến vườn, phục xuống đất kêu ầm lên. Người trong vườn sợ tiếng kêu thấu đến chỗ vua Thanh, bèn cùng nhau cướp lấy ngựa, vực luôn vua Chiêu Thống lên xe đưa xuống ty Thận hình. Văn Quyên lớn tiếng mắng chửi : “Thằng Ngô vô lễ, dám làm nhục vua ta”. Rồi lấy gạch ở sân đánh bọn giữ vườn để giải nạn cho vua. Bọn

(1) Phòng ấn : như phòng khách.

(2) Y Lê : một trọng trấn ở phía tây Trung Quốc.

(3) Phụng Thiên : tức tỉnh Liêu Ninh, ở đông bắc Trung Quốc.

(4,5,6) là những tỉnh ở đông bắc Trung Quốc

giữ vườn xúm lại đánh Văn Quyên gần chết rồi đưa xuống ty Thận hình, một tháng mới tha về doanh, vì thế Văn Quyên bị ốm chết.

Trong lúc vua Chiêu Thống ở ty Thận hình, người Thanh đến doanh bắt ép Quốc thái hậu làm tờ biểu nói rằng : “Vua nước tôi vốn tình nguyện ở lại đất Trung Quốc, việc mạo muội làm huyên náo là tội của các bề tôi cũ gây ra. Đương thảo tờ biểu thì quan Giám thần là Nguyễn Trọng Đắc (1) giật lấy bàn thảo xé đi, và nói rằng : “Bị người ta lừa dối, đưa bề tôi đến chỗ chết đấy”. Người Thanh lại bắt Trọng Đắc trở về Đông doanh, cấm hai doanh không được tự tiện qua lại với nhau.

Trước đấy, hoàng tử thứ 6 nhà Thanh nhân lúc bãi triều, đến nhà Hòa Khôn đánh cờ, ung dung bàn đến chuyện nước An Nam. Vương nói [vua tôi] nước An Nam chạy sang nước ta, xin cứu viện, đã không được lệnh ra quân thì cũng nên thương xót họ. Nay họ vô tội mà bị an trí, các nước ngoài nghe thấy họ sẽ bảo Trung Quốc ra sao? Hòa Khôn nói : “Việc ấy hoàng thượng đã có chiếu chỉ ban xuống, không phải việc của vương gia cần biết đến”. Vương nói tiếp : “Hoàng thượng tuổi già trị vì, việc thiên hạ hết thấy do quyền các lão(2) xử trí, việc đúng hay sai, quan hệ không phải là nhỏ, ta đây sao lại không biết?” Hòa Khôn cậy được vua yêu, nói năng vô lễ. Vương nổi giận cầm lấy bàn cờ định đánh. Những người ngồi đó cố hết sức can ngăn, mới thôi. Khôn vào tâu với vua Thanh, vua Thanh giận lắm cho đòi vương đến, tự tay cầm gậy đánh. Quan Nội các là A Quế (3) phủ phục trước mặt vua, cố sức can ngăn, vua Thanh bèn sai Quế đánh vương 10 gậy tại sân, vương uất ức phát ốm. Khi sắp chết, cho gọi vương

(1) Có bản chép là Nguyễn Trọng Đắc.

(2) Những người bề tôi làm quan to trong triều đã lâu ngày.

(3) Có sách dịch là A Lâm.

thứ 8, thứ 11, thứ 17 đến, dặn lại rằng : Hòa Khôn cậy vua yêu, che giấu việc làm gian xảo, khiến kỷ cương triều đình rối loạn. Trong các vương 3 người chưa biết. Hoàng thượng lập ai, ngày sau tất có người nối ngôi, nên trừ khử tên tướng gian đó, chớ để lại mối lo cho xã tắc. Các vương lạy tạ nhận lời di giáo. Nói xong, vương mất.

Tháng 8, Ai Lao thiếu cống (Ai Lao nay đổi thành nước Vạn Tường, nước gọi Thành Chấn). Tây Sơn bàn việc đánh Ai Lao, lệnh cho Nghệ An chinh đồn quân đội. Cho đại đô đốc Nguyễn Diệu làm Đại tổng quản, Lê Văn Trung làm Đại tư lệ.

Tháng 10, quan trấn thủ, quan đốc trấn đến đạo Trấn Ninh đóng ở đồn Đại Nãi, Chương cơ là Định (cậu của đốc trấn tiến đến đạo Lạc Hòn cho đô đốc quận Càn trấn giữ đạo Đông Chi. Quận Giảng điều khiển việc lập đàn tế để xuất quân.

Quận Càn tuổi đã già, khi đóng ở đồn Tiên Lý⁽¹⁾ dung túng cho gia tướng tham nhũng, nhiều người bị làn khổ. Đến khi ấy mới thay người giữ chức trấn thủ trước khi ra quân. Quận Càn tâu xin làm tín bài, nắm sổ dân đinh, không bỏ sót ai, lòng người kinh hãi, lắm kẻ muốn làm loạn. Giám sinh ở Chung Lự, Nam Đường là Lê Ngọc, giám sinh ở Phù Long, Hưng Nguyên là Nguyễn Khiêm Quang, con nhà phú gia cũ ở An Thành, huyện Đông Thành là Trung úy Ngân khôi binh. Ban đêm ngấm vào trấn sở vây dinh quận Càn, đốt tín bài, giết Trưởng cơ là Hậu. Quận Càn chạy thoát, quan quân ở trấn đều đến cứu viện, bọn đó đều phân tán hết. Vài ngày sau, các hào mục lại tụ tập quân ở Sa Nam⁽²⁾ giết quan phân chi của [huyện]

(1) Đồn Tiên Lý : ở xã Tiên Lý huyện Đông Thành.

(2) Sa Nam : tên xã thuộc huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ tĩnh.

Nam Đường, tiến sát cầu Chân Địch. Quận Giảng đem quân và voi ra chống cự, bè đảng ấy rút lui. Sau đó quân của Ngân lại xâm lấn đến chợ Bào, bị quân phía Nam đánh, phải bỏ chạy. Quân của ngọc tụ tập ở Hương Sơn, quân của Ngân tụ tập ở nơi hiểm thuộc Đông Thành. Hiếu thù sứ cũ của Thanh Hoa cũng hưởng ứng, khởi binh ở huyện Nam Đường.

Tháng 11, phái nội hầu là quận Tứ đến bản trấn vừa dụ, vừa đánh. Quận Tứ sai trưởng ngũ đánh và bắt quân của Ngân ở Đô Lương, giết được rất nhiều, làng xóm phần nhiều bị hại lây. Lại sai Trưởng cơ là Chất điều động quân lính, kiểm duyệt hai huyện, bắt những kẻ làm giặc. Nhân dân các xã phần nhiều bị quan quân đốt phá, cướp bóc.

Tây Sơn đã được phong, sinh kiêu, có ý coi khinh Trung Quốc. Khi có giặc Tàu Ô ở vùng Lưỡng Quảng(1) cướp bóc ngoài biển, người nhà Thanh đuổi bắt, họ bị thua, chạy sang đầu hàng xin quy phụ nước ta. Tây Sơn đều cho các trưởng tàu làm Thống binh, cho họ quay lại quấy nhiễu Trung Quốc, thuyền phương bắc không qua lại buôn bán được. Lại có giặc Tàu Ô ở Tứ Xuyên gọi là Thiên địa hội (2) cũng chạy đến theo ta. Người Thanh biết, nhưng lại sợ sức mạnh của Tây Sơn, không dám hỏi đến.

Nhâm tý, năm Quang Trung 5 [1792]

Vua Chiêu Thống ở bên nước Thanh muốn về nước cũ nhưng mưu kế không thành, nên rất lo buồn.

Tháng giêng, Tây Sơn ban chiếu cho các trấn thi hành lệnh dùng “tín bài” bức dân ghi tên vào sổ, ba suất đình chọn lấy một người lính, dân chúng khổ vì chuyện đó.

(1) Lưỡng Quảng : tức Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc.

(2) Thiên địa hội : là một tổ chức chống nhà Thanh ở nhiều tỉnh ở Trung Quốc

Khi ấy Tây Sơn sửa lại sổ đinh. Sổ đinh lập lại từ năm Nhâm dần [1722] đời Lê cũ đến nay đã sáu, bảy mươi năm, hộ khẩu nơi đông thêm, nơi hao hụt, khác nhau rất nhiều, nên thuế khóa, sai dịch không đều. Đến năm Quý tỵ [1773] ban chỉ làm lại, nhưng dân thì cương ngạnh, quản thì ăn hối lộ, không làm xong được, sau đó lại phải theo sổ cũ. Đến bây giờ, Tây Sơn hạ lệnh cho dân xã các nơi phải mở sổ của thôn ấp : từ 9 tuổi đến 17 tuổi gọi là hạng chưa cập cách; từ 18 đến 55 tuổi gọi là hạng đinh tráng, từ 56 tuổi đến 60 tuổi thuộc hạng lão; từ 61 tuổi trở lên gọi là lão nhiều. Quan huyện tào hợp các sổ đó, đối chiếu phát cho mỗi người một tấm thẻ, trong tấm thẻ in chữ “thiên hạ đại tín” bằng chữ triệt có văn hoa, xung quanh viết họ tên, quê quán và có điểm chỉ làm bằng. Mỗi người phải mang theo, gặp người hỏi thì xuất trình, gọi là “tín bài”. Người nào không có “tín bài” gọi là dân ẩn lậu, bắt tội dân xã ấy. Lại ủy cho viên cai quản đem binh vây bắt tra xét, dân chúng kinh sợ, nhốn nháo. Khi đó số dân nhiều ít, phần lớn là do người được ủy nhiệm nghiêm ngặt hay dễ dãi, liêm khiết hay tham nhũng để đến nỗi nơi quá nhẹ, nơi quá nặng, có đến bốn năm phần mười như thế. Trấn quan lại truyền lệnh cho dân các xã lập điểm canh, bắt những người không có tín bài, quan quân qua lại cũng bị ta hỏi tín bài.

Quận Giảng vì có công chống giặc được thăng làm đại đoàn huyện sứ, trấn giữ bản xứ sau được triệu về triều. Quận Giảng là người thâm hiểm, tự do chém giết, dụng tâm xoay tiền, nhiều người bị hại. Lại bắt cả phò mã là trấn thủ triều đại cũ đem giết đi (con của đại vương quận Đoan người làng Tiên Lý, huyện Đông Thành, con rể chúa Trịnh).

Các hào mục địa phương Thạch Hà tụ tập dân chúng ở Nga Khê, huyện Thiên Lộc, muốn đánh úp trấn doanh. Họ suy tôn Trần Phương Bính làm quân sư, Bính đem quân đến núi Hồng gặp quân Tây Sơn, vừa đánh đã

thất bại, Phương Bính tự đâm cổ chết. Phương Bính là người Ngọc Điền, huyện Thạch Hà, con của Trần Tổ tiến sĩ triều Lê cũ, giữ nghĩa không ra làm quan với Tây Sơn, làm thơ bộc lộ ý chí của mình :

*Địa phúc, thiên phiên, tản dư,
Cố gia công tử hựu hà như ?
Trung trường ám tích càn khôn hận,
Diên mục minh tâm nhật nguyệt cư,
Thặng đắc thử thân chinh khổ tiết,
Bất từ vô mễ chủ cam chư.
Phận đồng tước mỹ trường điều thư,
Mạc hướng xuân phong hãnh phái thư,*

□

*Thương tang để sự thái phân phi,
Khổ tiết chung hoàn thử bách ly.
Hà Hán bất tăng luân nịch cốt,
Vân sơn mọn tự tỏa sầu mi.
Hoàn khu đồ khổ, tam sinh tại,
Đỉnh hoạch di cam nhất tử quy.
Nghị đoạn tạ, tiền thiên tại thượng,
Cảnh thuần nhất mệnh đỉnh hà kỳ.*

Dịch nghĩa :

*Đất đổ, trời nghiêng, đã hơn sáu năm,
Con cái nhà cự thần phải như thế nào ?
Trong lòng chất chứa mối hận trời đất,
Mặt mày rõ ràng hồ thẹn, tháng ngày trôi qua,
Tấm thân này giữ vững tiết hạnh khổ cực.
Nào khi không gạo nấu nồi khoai,*

*Danh phận cũng như tước lộc ràng buộc mãi mãi
Chớ hóng gió xuân để may ra được thú nhàn*

□

*Sự việc bể dâu quá ư rắc rối,
Phải làm trọn vẹn tiết hạnh, trong trăm mối lo này
Sông Hà, sông Hán chưa từng nhận chìm năm xương tàn,
Mây núi dần dà làm cho nét mây chau lại vì lo buồn,
Cõi đời cay đắng còn lại đến ba kiếp người,
Coi vạc dầu ngọt như đường, coi cái chết như được về nhà.
Dư luận nghị đoán phía trước, nhưng có trời soi xét.
Một tấm thân thuần khiết được mọi người ngưỡng mộ
biết hẹn đến bao giờ.*

Tây Sơn lại triệu Nguyễn Khải Xuyên đến Phú Xuân, muốn ông trông coi việc kinh diên. Khải Xuyên khấn thiết từ chối vì tuổi đã già. Tây Sơn cho ông làm viện trưởng viện Sùng chính để tỏ lòng yêu mến, ưu đãi, sai xây dựng viện ở núi Nam Hoa (1) diễn dịch bộ sách Thư nghĩa tiểu học.

Ngày 20, tháng 5, con đầu của vua Chiêu Thống mắc bệnh sởi chết bên đất Thanh, vua vì thế buồn sinh ốm.

Ngày 30, tháng 7, vua Tây Sơn mất, tôn miếu hiệu Thái tổ Vũ hoàng đế. Thái tử là Nguyễn Quang Toàn mới 10 tuổi (tên tục là Kỷ) nối ngôi. Đổi niên hiệu là Cảnh Thịnh thứ 1 [1793]. Theo di mệnh của vua cha để tang ngắn ngày; ba tháng thôi mặc áo tang, sai sứ báo tang với nhà Thanh, dâng sản vật địa phương là haicon voi đực và những đồ tiến cống, để xin sắc phong. Triều đình nhà Thanh sai sứ sang viếng. Quang Toàn làm nhà mộ

(1) Núi Nam Hoa : ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh.

giả ở Thương Đường (1) để nhận lễ và báo với sứ nhà Thanh rằng: “ Theo di mệnh của vua cha, không đưa thi hài về quê hương, mà chôn cất ở đây để tỏ lòng quyến luyến cung khuyết”. Triều đình nhà Thanh nghe thấy khen ngợi, phong Quang Toản làm An Nam quốc vương. Sau đó ban tờ dụ rằng: “ Chúc mừng ngôi bắc cực, tỏ lòng trung, đặc biệt khen ngợi việc quy phục triều đình; yên hồn nơi Tây hồ, mất rồi vẫn không quên cửa khuyết”. Có lẽ vì nhà Thanh vẫn sợ sức mạnh của Tây Sơn mà giả vờ làm như không biết việc này.

- Tháng đó, hạ lệnh bỏ tín bài, rút lính đi bắt người không có tín bài ở các đạo về.

Trước kia, Tây Sơn muốn đóng đô ở doanh Nghệ An, dựng lầu rồng ba tầng, làm điện Thái Hòa, lại sai lính các đạo đào lấy đá ong xây nội thành. Nguyễn Huệ mất, việc dựng đô bị bãi bỏ, nhưng vẫn còn lấy đó làm nơi triều hạ. Cho quốc cứu là Bùi Đắc Tuyên làm Thái sư, chuyên nắm quyền bính

Quý sửu, năm Cảnh Thịnh 1 [1793]

Tháng 5, chúa Nguyễn cũ từ phủ Tây Định (nay là thành Gia Định) dẫn binh đánh Tây Sơn, vây thành Quy Nhơn, hỏi tội Nguyễn Nhạc. Thành bị bao vây rất ngặt, quân của Nhạc cùng quần đến cầu viện ở kinh đô Phú Xuân. Quang Toản sai tướng đem quân cứu viện, triệu đạo quân Tiền Khuông và Ta Bật ở trấn Nghệ An về kinh để tiến đánh. Giao cho đô đốc Thái ở lại giữ doanh, đại đô đốc Định điều khiển việc binh trong trấn. Tháng ấy ở thôn Kim Liên, xã Trung Lư, huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ

(1) Có bản chép là Linh Đường

An, có một con bò đẻ một con bê, một thân hai đầu, 3 đuôi, 6 chân, người ta thấy kỳ lạ đem vứt đi.

Khi đó, sai tướng sĩ tiến vào thành Quy Nhơn để giải vây, cho Đại tổng lý là quận Chấn làm tiên phong, tiến đến phủ Hòa Nghĩa, quân của chúa Nguyễn cũ chặn ở sông Trà Khúc⁽¹⁾ (nước sông ngọt nhạt lại phảng phất mùi thơm), quận Chấn chần chừ không tiến quân, nên mới ban cho quận Thận (trả thủ Nghệ An) lĩnh ấn tiên phong. Quận Thận lập tức dẫn quân lên phía trước, đến sát sông Trà Khúc, sai quân bắt cầu phao, ruổi ngựa qua sông, xông vào đánh. Quân chúa Nguyễn thua chạy, quận Thận thừa cơ vừa đuổi vừa đánh đến Thanh Hiếu. Quận Chấn ghét quận Thận lập được công cao, phao đồn chuyện khác, âm mưu dụ quận Thận đến doanh để giết đi. Quận Thận biết được mưu đó, tránh được nên thoát chết.

Quận Thận lại đuổi quân chúa Nguyễn đến Hoa Sơn, hẹn các quân cùng đến thẳng thành Quy Nhơn, chúa Nguyễn giải vây, rút quân về phủ Tây Định.

Nguyễn Nhạc mở thành đón tiếp quan quân, phát tiền bạc, quần áo, lương thực. Tướng sĩ của Nguyễn Diêu cậy công có phần lấn bức, vô lễ. Không bao lâu, Nguyễn Nhạc ôm hận uống thuốc độc chết, con trưởng nối ngôi, xưng là tiểu triều. Nguyễn Diêu nhân đó tịch thu vàng, bạc trong kho và voi ngựa dâng nộp. Quang Toản sai ướng chia quân chiếm cứ thành Quy Nhơn.

Tháng 9, vua Chiêu Thống ở bên nước Thanh ốm nặng, bề tôi bị an trí ở các tỉnh đều dâng biểu thăm hỏi, vua đều trả lời để an ủi họ. Khi đó có gia đồng của Phạm Như Tùng là Lê Huy Vượng hầu hạ thuốc thang công lao

(1) Sông Trà Khúc : thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi.

khó nhọc, vua cho là người có nghĩa nhận làm con nuôi, đặt tên là Duy Khang phụng mệnh thờ cúng Hoàng khảo và hầu hạ quốc thái hậu.[Vua] bèn triệu tập các bề tôi chuẩn bị vật cúng tế và báo cáo cho nhà Thanh biết.

Tháng 10 năm ấy, bệnh nhà vua càng nặng, bèn triệu các bề tôi đến nhận di mệnh, dặn lại Duy Khang rằng : “Gặp khi vận nhà suy kém, không thể liều chết để giữ xã tắc, phải chạy sang đất người để mưu đồ khôi phục. Không ngờ lại bị người lừa dối, để đến nỗi như thế này, không còn biết làm sao được. Ngày sau, các người trở về nước nhà được, nhất thiết phải mang nắm xương tàn của ta về chôn ở nước nhà để làm cho chí của ta được tỏ”. Các bề tôi khóc, lạy nhận di mệnh. Ngày 16, vua mất ở bên nhà Thanh. Vua nhà Thanh sai dùng lễ tước công, ban cấp năm cỗ xe đưa an táng, ở tướng Đài, ngoài cửa Đông Trục, bề tôi đều được mang áo tang theo lễ. [Sau đó] thay phiên nhau đi lại trông nom. Khu lăng rộng chừng hai dặm, chung quanh có dậu ngăn. [Vua Thanh] cho Duy Khang đời đời nối chức Tá Lĩnh.

- Viết Triệu ở Nhiệt Hà (1) nghe tin, lập bàn thờ cúng khóc thương thảm thiết, hôn mê, vài ngày rồi cũng sinh bệnh chết

(1)Nhiệt Hà : tên một tỉnh ở Trung Quốc

BẢNG LIỆT KÊ CHỮ HÁN- NÔM

Số chú -NÔM	CHỮ HÁN-NÔM	Số chú	CHỮ HÁN
Thích		thích	
1□		14□	
2□		15□	
3□		16□	
4□		17□	
5□		18□	
6□		19□	
7□		20□	
8□		21□	
9□		22□	
10□		23□	
11□		25□	
12□		26□	
13□		27 □	

Số chú Thích	CHỮ HÁN-NÔM	Số chú thích	CHỮ HÁN-NÔM
27		41	
28		42	
29		43	
30		44	
31		45	
32		46	
33		47	
34		48	
35		49	
36		50	
37		51	
38		52	
39		53	
40		54	

LÊ QUÝ DẬT SỬ

Biên tập	: LÊ VĂN QUÝNH
Biên tập kỹ thuật	: NGUYỄN VĂN TÍNH
Trình bày bìa	: HOÀNG TRƯỜNG
Sửa bản in	: CHI MINH

4VN20803

P3(2)5
L250Q

M

In 5.000 cuốn khổ 13x19 cm, tại NHÀ IN KHOA HỌC XÃ HỘI,
240 Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh,
Giấy xuất bản số 7/KHXXH. Số in 22S. In xong tháng 7 năm 1987.
Nộp lưu chiểu tháng 7 năm 1987

